

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN, TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN GÓP Ý CỦA HỒ SƠ CHÍNH SÁCH
CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tổ chức lấy ý kiến đối với Hồ sơ chính sách của Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được:

Ngày 6/6/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 7960/BTC-PC gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, 63 UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam; đồng thời đăng tải trên Cổng TTĐT Chính phủ, Cổng TTĐT Bộ Tài chính để lấy ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự tác động đối với bộ hồ sơ chính sách của Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế). Đến nay, Bộ Tài chính đã nhận được 57 văn bản tham gia ý kiến.

2. Kết quả cụ thể như sau:

- Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức có ý kiến nhất trí hoàn toàn (34 đơn vị) bao gồm: các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố: Gia Lai, Đắk Nông, Vĩnh Phúc, Tiền Giang, Bình Định, Phú Yên, Bình Dương, Kon Tum, Hà Tĩnh, Cà Mau, Hà Nam, Bắc Giang, Bắc Kạn, Vĩnh Long, Lâm Đồng, Hà Giang, Bạc Liêu, Lạng Sơn, Trà Vinh, Sơn La, Ninh Bình, Đồng Tháp, Khánh Hòa, Hậu Giang, Sóc Trăng, Huế; và không nhận được ý kiến góp ý trên Cổng TTĐT Chính phủ.

- Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức cơ bản nhất trí và có một số ý kiến cụ thể (23 đơn vị) bao gồm: Các Bộ ngành, cơ quan thuộc Chính phủ: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ, Bộ Công thương, Bộ ngoại giao, Thanh tra Chính phủ, Đài truyền hình Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; UBND các tỉnh, thành phố: Thái Bình, Tuyên Quang, Đồng Nai, Hà Nội, Hải Dương (giao CCTKV V), Cần Thơ (giao CCTKV XIX), Kiên Giang (giao CCTKV XX), Quảng Ngãi (giao CCTKV XII), Bình

Thuận (giao CCTKV XV), Hồ Chí Minh (giao CCTKV II)); *Tổ chức khác*: Tập đoàn Công nghiệp- Viễn thông quân đội, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Công ty cổ phần tư vấn EY Việt Nam.

Trên cơ sở ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, tổ chức, Bộ Tài chính đã tổng hợp đầy đủ các ý kiến góp ý và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý như sau:

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Một số ý kiến chung về Hồ sơ chính sách của DA Luật QLT (thay thế)	Bộ Nội vụ	1. Thống nhất với Bộ Tài chính về sự cần thiết xây dựng Hồ sơ chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) nhằm thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về cải cách hệ thống quản lý thuế (Kết luận số 93-KL/TW ngày 26/8/2024 của Bộ Chính trị yêu cầu sửa đổi tổng thể Luật Quản lý thuế; Quyết định số 508/QĐ-TTg ngày 23/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược cải cách hệ thống thuế đến năm 2030); đáp ứng yêu cầu thực tiễn, phát sinh vướng mắc bất cập trong quá trình quản lý thuế hiện hành. Theo đó, đề nghị tiếp tục rà soát, đánh giá nội dung các chính sách tại Hồ sơ, bảo đảm: a) Tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành và cam kết quốc tế của Việt Nam; tính khả thi và hiệu quả (đơn giản hóa thủ tục về hồ sơ, quy trình, thời gian giải quyết, mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin; quy định rõ ràng và mở rộng thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính cho các cấp); tính hợp lý, công bằng chính sách giữa các đối tượng nộp thuế; b) Hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế số, đặc biệt là quản lý thuế đối với các hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số; hoàn thiện các quy định về đăng ký, kê khai, nộp thuế, nâng cao hiệu quả thu ngân sách; hoàn thiện cơ chế chống thất thu thuế, trốn thuế, gian lận thuế (tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế).	Tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ.
	Bộ Công thương	Trong quá trình xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, nghiên cứu, xem xét, đánh	Tiếp thu, hoàn thiện Hồ sơ.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giá kỹ các nội dung trong hồ sơ chính sách để đảm bảo tính khả thi, minh bạch và hiệu quả trong triển khai thực hiện, <i>đặc biệt lưu ý đến các loại hình thuế mới hoặc hình thức thu nhập từ nền tảng số, tài sản kỹ thuật số, chuyển nhượng tài sản ảo...; có chính sách riêng để quản lý thuế đối với cá nhân có thu nhập từ nền tảng xuyên biên giới...</i> Dự án Luật có phạm vi, đối tượng lớn, có tác động, ảnh hưởng sâu rộng trong xã hội trong quá trình chuyển đổi. Vì vậy, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cần có phương án triển khai cụ thể và các phương án dự phòng (nếu có), giải pháp hỗ trợ, hướng dẫn kỹ thuật đối với một số nội dung như: <i>phần mềm hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền; phương án đối với hộ cá nhân kinh doanh thuộc diện phải triển khai nộp thuế tính theo doanh thu của máy tính tiền nhưng chưa có điều kiện chuyển đổi vì những lý do khách quan khác nhau hay phương án khi bắt đầu triển khai sẽ có nhiều hộ kinh doanh cùng thực hiện sẽ gây nghẽn, ách tắc cục bộ.</i>	
1. TỜ TRÌNH CHÍNH SÁCH CỦA DỰ ÁN LUẬT QUẢN LÝ THUẾ (THAY THẾ)			
Mục 1 phần I “Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	1/ Tại điểm mục 1 phần I “Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): Đề nghị Ban soạn thảo xem xét chuyển nội dung Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025: “Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” trong điểm b mục 1 phần I “<u>Cơ sở pháp lý</u>” về điểm a mục 1 phần I “<u>Cơ sở chính trị</u>” Lý do: Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025: “Nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” là Nghị quyết chỉ đạo của Đảng về công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Trên cơ sở đó, Quốc hội, Chính phủ ban hành các	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Nghị quyết, Quyết định để triển khai việc xây dựng và thi hành pháp luật.	
Mục 2 phần I “Cơ sở thực tiễn”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	2/ Tại mục 2 phần I “Cơ sở thực tiễn” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): đề nghị ban soạn thảo xem xét chưa thấy đề cập đến nội dung tác động của một số Luật ban hành trong giai đoạn từ năm 2021 đến nay có nhiều tác động đến công tác quản lý thuế như: Luật kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 ngày 28/11/2023; Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024 sửa đổi, bổ sung Luật Đất đai số 31/2024/QH15...	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình
Mục 3 phần II “Quan điểm xây dựng chính sách”	UBND tỉnh Hải Dương (CCTKV V)	3/ Tại mục 3 phần II “Quan điểm xây dựng chính sách” của Dự thảo Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế): Đề nghị Ban chỉ đạo xem xét bổ sung nội dung: Đáp ứng nội dung yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền...(theo Nghị quyết 66NQ/TW); đáp ứng nội dung chuyển đổi từ mô hình quản lý thuế theo chức năng sang mô hình quản lý thuế theo chức năng kết hợp với quản lý thuế theo đối tượng.	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình
Mục 3 phần V: Chính sách 3: Chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa công tác quản lý thuế	Thanh tra Chính phủ	1. Đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung - Về quản lý thuế trong thương mại điện tử trên các nền tảng mạng xã hội Hiện nay, nhiều cá nhân, tổ chức kinh doanh trên các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội không đăng ký mã số thuế (của các nhà cung cấp dịch vụ Google, Facebook, Youtube, Zalo ...) trong khi chưa có quy định để kiểm soát việc thanh toán dẫn đến tình trạng thất thu thuế đối với các loại hình kinh doanh nêu trên. Để khắc phục tình trạng này, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung vào Chính sách 3 tại	- Về quản lý thuế trong thương mại điện tử trên các nền tảng mạng xã hội + Luật số 56/2024/QH15 đã quy định: <i>Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định</i>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Tờ trình Chính sách của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) <i>các cơ chế quản lý, giám sát và kiểm tra hoạt động kê khai, nộp thuế của các tổ chức, cá nhân có phát sinh các hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử hoặc mạng xã hội.</i> - Về quản lý thuế đối với các tài sản số Ngày 14/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội đã biểu quyết thông qua Luật Công nghiệp Công nghệ số, trong đó có một số nội dung liên quan đến nghĩa vụ thuế, miễn giảm thuế đối với tài sản số như sản phẩm bán dẫn, tài sản mã hóa, dịch vụ công nghệ số ... Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, bổ sung vào Mục 6.3 (trang 32) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Quản lý thuế trong Hồ sơ dự án luật một số nội dung đề xuất về cơ chế quản lý thuế đối với lĩnh vực công nghiệp công nghệ số, đảm bảo tính đồng bộ, phù hợp.	<i>của Bộ trưởng Bộ Tài chính</i> <i>Đối với hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số thì tổ chức là nhà quản lý sàn giao dịch thương mại điện tử, nhà quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán (bao gồm cả tổ chức trong nước và nước ngoài) và các tổ chức có hoạt động kinh tế số khác theo quy định của Chính phủ thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay, kê khai số thuế đã khấu trừ cho hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Trường hợp hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số không thuộc đối tượng được khấu trừ, nộp thuế thay thì có nghĩa vụ trực tiếp đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế.</i> Chính phủ đã ban hành Nghị định số 117/2025/NĐ-CP về quản lý thuế đối HKD,CNKD có hoạt động kinh doanh trên nền tảng TMĐT, nền tảng số và Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 80/2021/TT-BTC trong đó có quy định về quản lý thuế đối với nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại VN kinh doanh trên nền tảng TMĐT. Kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh TMĐT trong 03 năm gần nhất (từ năm 2022 – 2024) là 296 nghìn tỷ đồng. Kết quả thu thuế từ các tổ chức, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh TMĐT và kinh tế số khác trong 6 tháng đầu năm 2025 là 98 nghìn tỷ đồng, tăng 58% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: 163 NCCNN đã đăng ký thuế, kê khai và nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử với số tiền đã thực hiện kê khai, nộp thuế trong

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			6 tháng đầu năm 2025 là 5,7 nghìn tỷ đồng tăng 41% so với cùng kỳ năm 2024; Gần 93 nghìn tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh TMĐT, trong 6 tháng đầu năm 2025 đã nộp 88,6 nghìn tỷ đồng tiền thuế; 130 nghìn hộ, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử dành cho hộ, cá nhân kinh doanh với số tiền thuế đã nộp trong 6 tháng đầu năm 2025 là gần 1,7 nghìn tỷ đồng; 752.176 trường hợp là cá nhân, hộ kinh doanh có hoạt động kinh doanh TMĐT với số thuế đã nộp gần 1,5 nghìn tỷ đồng. Thực hiện xử lý truy thu đối với 1.831 doanh nghiệp với số tiền hơn 543 tỷ đồng (Thuế GTGT: 124,2 tỷ đồng, thuế TNDN: 418,1 tỷ đồng, thuế TTĐB: 71 triệu đồng). Thực hiện xử lý truy thu đối với cá nhân, hộ kinh doanh: 550 trường hợp với số tiền 35 tỷ đồng. Hiện nay, Bộ Công Thương đang chủ trì soạn thảo Luật TMĐT, Bộ Tài chính đã tham gia ý kiến đề nghị : Bổ sung các yêu cầu về cung cấp thông tin của các chủ thể, người bán, Nền tảng TMĐT trung gian, tổ chức cung cấp dịch vụ logistics, tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán Đề xuất đưa vào quy định bắt buộc các chủ thể hoạt động kinh doanh TMĐT phải thực hiện thanh toán qua Cổng thanh toán dành riêng cho hoạt động thương mại điện tử xuyên biên giới Những quy định này sẽ khắc phục được tình trạng thất thu thuế do có thể kiểm soát được thông tin về các giao dịch thanh toán thương mại điện tử xuyên biên giới - Về quản lý thuế đối với các tài sản số: thực

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngành thuế đang sắp xếp lại mô hình quản lý chuyển từ quản lý theo chức năng sang quản lý theo đối tượng và áp dụng nguyên tắc quản lý rủi ro và quản lý tuân thủ do vậy, đối với doanh nghiệp sản xuất sản phẩm bán dẫn, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số, đơn vị phát hành hoặc sở hữu tài sản mã hóa (NFT, token, tài sản số khác) cũng sẽ thuộc đối tượng quản lý thuế và cơ quan thuế sẽ phải nghiên cứu áp dụng quản lý rủi ro chuyên biệt với tiêu chí phù hợp với tính chất ngành: tốc độ phát triển nhanh, phi vật chất, dễ chuyển giao giá trị, khó định danh chính xác của đối tượng NNT hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số. Tiếp thu ý kiến của Thanh tra CP, Bộ Tài chính đã bổ sung đánh giá vào Mục 6.3 (trang 32) Báo cáo Tổng kết thi hành Luật Quản lý thuế.
Mục 4 phần V: Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Bộ VH, TT và DL	Đối với chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp, tránh trường hợp “gây sốc”, người dân chưa đủ thời gian trang bị hiểu biết để thích nghi với tình hình mới, chưa kịp chuẩn bị các điều kiện về vật chất cho việc thực hiện nhất là các đối tượng không có khả năng sử dụng công nghệ thông tin. Do điều kiện kinh tế không đồng đều, nhiều nơi vẫn còn là kinh tế tự cấp, tự túc, do vậy cần có các trường hợp loại trừ để phù hợp với thực tiễn.	Tại nghị quyết số 198/2025/QH15 đã quy định từ ngày 01/1/2026 xóa bỏ hình thức khoán thuế do vậy tại Luật quản lý thuế sẽ phải sửa đổi quy định về chính sách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh để thực hiện theo phương pháp tự kê khai từ ngày 01/1/2026.
Mục 5 phần V: Chính sách 5. Chức năng	UBND tỉnh Hải Dương	4/ Tại mục 5 phần V: Chính sách 5. Chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết của Dự thảo Tờ trình Chính sách	Ghi nhận để nghiên cứu ở giai đoạn xây dựng dự thảo Luật

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết	(CCTKV V)	của dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) Theo quy định của Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 đã bỏ chức năng thanh tra thuế. Trong khi đó, thời hạn kiểm tra thuế hiện nay chỉ có 10 ngày làm việc không phù hợp với các cuộc kiểm tra doanh nghiệp có quy mô lớn, đa ngành nghề và nội dung kiểm tra phức tạp... Do vậy đề xuất Ban soạn thảo xem xét bổ sung công tác kiểm tra thuế theo hướng kiểm tra chuyên ngành, thời gian tiến hành kiểm tra là 20 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế và được gia hạn một lần không quá 20 ngày.	
Mục 6 phần V: Hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Tại mục V.6; 6.4.3 và 6.4.4: Đề nghị cân nhắc bổ sung lý do/căn cứ đối với các nội dung bổ sung, sửa đổi tại các Điều.	Lý do và căn cứ đối với các nội dung bổ sung, sửa đổi đã được nêu tại phần mục tiêu chính sách và báo cáo đánh giá tổng kết.
Một số ý kiến khác	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	Dự thảo Luật nhấn mạnh việc thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về hiện đại hóa quản lý thuế, tái thiết kế quy trình quản lý thuế theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với mô hình tổ chức bộ máy thuế tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả. Luật mới cũng tập trung vào đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính về đăng ký, kê khai, nộp, hoàn, miễn giảm thuế, áp dụng quy trình mới đơn giản, thuận tiện, nâng cao tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế. Tuy nhiên, hiện nay, mục Cơ sở chính trị, cơ sở pháp lý, dự thảo Tờ trình còn có sự nhầm lẫn giữa các văn bản của Đảng và văn bản của Nhà nước. Đề nghị: Ban soạn thảo sắp xếp lại các văn bản làm căn cứ chính trị và pháp lý theo hướng xác định rõ nhóm các văn bản do Đảng ban hành và nhóm các văn bản do Nhà nước ban hành.	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Bộ Nội vụ	Đề nghị làm rõ trong Tờ trình về nguồn lực, điều kiện cho việc thực hiện chính sách bảo đảm không làm tăng thêm đầu mối tổ chức và biên chế (người hưởng lương từ ngân sách nhà nước) theo đúng chỉ đạo tại Nghị quyết số 18NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Tiếp thu, hoàn thiện Dự thảo Tờ trình.
2. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH			
Mục II. Đánh giá tác động của chính sách	Bộ Công thương	Tại dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách, Mục II. Đánh giá tác động của chính sách, đối với Chính sách 3, Chính sách 4 và Chính sách 5, cần nhắc bổ sung thêm nhược điểm của việc thanh toán bằng tiền mặt so với hình thức thanh toán bằng thẻ/chuyển khoản khi đánh giá tác động kinh tế-xã hội của Giải pháp 2 (gồm nhóm chính sách đổi mới).	Tiếp thu, bổ sung vào dự thảo Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.
Ý kiến khác	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	06 nhóm chính sách nêu tại mục II đề nghị cần nhắc đưa ra nhiều hơn 02 giải pháp đề xuất xử lý (01 giải pháp giữ nguyên; 02 giải pháp đề xuất xử lý khác) để có cơ sở đánh giá, so sánh chi phí lợi ích của các giải pháp.	Báo cáo tác động được xây dựng theo mẫu quy định của Luật Ban hành VBQPPL.
3. BÁO CÁO TỔNG KẾT VIỆC THI HÀNH PHÁP LUẬT			
Mục 2.2 về Cơ sở thực tiễn:	UBND tỉnh Đồng Nai	- Tại mục 2.2 về Cơ sở thực tiễn: “Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh”. Và mục 2.2.1 về Bất cập trong khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ: “Khung pháp lý và quy trình nghiệp vụ của Luật Quản	Tiếp thu, bổ sung vào Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		lý thuế đang bộc lộ nhiều điểm nghẽn đáng quan ngại, thể hiện qua ba nhóm vấn đề chính. Nhóm thứ nhất liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế - những quy định này chưa bao quát hết các tình huống thực tế, đặc biệt là các vướng mắc phát sinh từ Luật thuế xuất nhập khẩu, việc tạm ngừng kinh doanh, khôi phục mã số thuế và hợp đồng hợp tác kinh doanh.” Đề xuất: bổ sung thêm “việc chuyển địa điểm kinh doanh, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp (bao gồm cả giai đoạn trước khi chuyển đổi loại hình từ doanh nghiệp chế xuất thành doanh nghiệp không hưởng chế độ chế xuất và ngược lại), tổ chức lại doanh nghiệp”. Lý do vẫn tồn tại vướng mắc liên quan đến quy định về đăng ký, khai thuế và tính thuế đối với những trường hợp này, các căn cứ pháp lý hiện tại dùng để áp dụng đối với các trường hợp này còn thiếu rõ ràng và chưa thật sự phù hợp.	
Phần III về Đề xuất kiến nghị	UBND tỉnh Đồng Nai	- Tại Phần III về Đề xuất kiến nghị: + Khoản 1: “Chương XI quy định về Thông tin người nộp thuế (Điều 98 đến Điều 100)”. Đề xuất sửa thành: “Điều 95 đến Điều 100”. + Mục 2 về Chính sách nhằm đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế: “Bổ sung thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế để quy định rõ thẩm quyền quyết định miễn, giảm thuế của thủ trưởng cơ quan quản thuế” Đề xuất: sửa thành “thủ trưởng cơ quan thuế”.	- Ý kiến 1: Dự thảo luật sẽ được sắp xếp thu gọn nội dung nên sẽ phải sửa lại số thứ tự các Điều của toàn bộ dự thảo Luật. - Ý kiến 2: Tiếp thu, sửa thành “thủ trưởng cơ quan thuế”.
4. BẢN THUYẾT MINH QUY PHẠM HÓA CHÍNH SÁCH			
Một số ý kiến chung	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Đề xuất thống nhất trích dẫn các điều khoản tại Bản thuyết minh quy phạm hóa. Cụ thể: - Tại nhóm chính sách 6 Mục 6.5.1 (trang 87) có quy định về Điều 3. Giải thích từ ngữ, trong đó có quy định về khoản 2 quy	Tiếp thu, đã rà soát, hoàn thiện hồ sơ chính sách của dự án luật quản lý thuế (thay thế).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu, khoản 3 quy định các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thu. Tuy nhiên, tại Nhóm hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế Mục 6.3.3 (trang 33) cũng đề cập đến Điều 3 Giải thích từ ngữ nhưng lại gạch bỏ khoản 2, gạch bỏ khoản 3 quy định các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước không do cơ quan quản lý thu và thay vào đó, khoản 2 lại quy định về trụ sở người nộp thuế. - Tại nhóm chính sách 3. Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế (trang 17) có trích dẫn Điều 10. Lực lượng quản lý thuế, tuy nhiên tại Nhóm 6.2.2 (trang 30) cũng có trích dẫn Điều 10 nhưng nội dung không giống nhau. - Tại nhóm 6.3.3 (trang 36) có trích dẫn Điều 3. Giải thích từ ngữ, trong đó có định nghĩa cơ quan quản thuế trực tiếp tại Khoản 35, tuy nhiên tại trang 88 cũng trích dẫn định nghĩa này nhưng tại Khoản 36.	
	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Nội dung dự kiến quy định đề nghị rà soát, thống nhất người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân hay người nộp thuế là tổ chức, cá nhân kinh doanh (Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 32...).	Tiếp thu, rà soát, thống nhất sử dụng tổ chức, cá nhân, cá nhân kinh doanh (Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 32...).
Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	UBND TP Hà Nội	Về quản lý thuế đối với Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 1/ Theo quy định tại Điều 2, Điều 3 dự thảo Luật định hướng bỏ khái niệm “hộ kinh doanh”, chỉ còn khái niệm “cá nhân kinh doanh”. Tuy nhiên trong toàn bộ tài liệu gửi lấy ý kiến thì còn nhiều nội dung đang sử dụng cụm từ “hộ kinh doanh”. Ngoài ra theo quy định tại Điều 88 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đặt tên hộ kinh doanh thì: Hộ kinh doanh có tên	Ghi nhận để nghiên cứu quy định tại giai đoạn xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		gọi riêng, tên hộ kinh doanh bao gồm hai thành tố: Cụm từ “Hộ kinh doanh” và tên riêng của hộ kinh doanh. Pháp luật về đăng ký kinh doanh không có khái niệm “cá nhân kinh doanh”. Đề nghị Bộ Tài chính rà soát để quy định thống nhất đối tượng quản lý và phù hợp với pháp luật có liên quan. 2/ Đề xuất bổ sung quy định hộ kinh doanh bắt buộc phải đăng ký tài khoản ngân hàng/giao dịch điện tử phục vụ riêng cho hoạt động kinh doanh. Việc áp dụng quy tắc tạo tài khoản giao dịch riêng phục vụ cho hoạt động kinh doanh giúp kiểm soát dòng tiền thuận tiện hơn. 3/ Đề xuất bổ sung quy định liên thông đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế đối với Hộ kinh doanh, tương tự như đăng ký doanh nghiệp, giảm thủ tục hành chính cho người nộp thuế. 4/ Đề xuất sửa đổi nội dung quy định chi tiết về ngưỡng doanh thu của hộ kinh doanh phải áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền thành: "<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>". Việc yêu cầu các hộ kinh doanh có ngưỡng doanh thu chịu thuế phải áp dụng HĐĐT khởi tạo từ máy tính tiền tại Luật Quản lý thuế (thay thế) chưa phù hợp với việc xác định hoạt động kinh doanh thực tế của hộ kinh doanh trong bối cảnh nền kinh tế phát sinh những đổi mới. 5/ Theo quy định tại Nghị quyết 198/2025/QH15 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân: "<i>Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026</i>". Đề nghị Bộ Tài chính bổ sung quy định về việc kê khai thuế, tần suất kê khai, mẫu tờ khai đơn giản để hộ kinh doanh dễ thực hiện.	
Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý	Viện Hàn lâm Khoa	Chính sách 4: Đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	Tại nghị quyết số 198/2025/QH15 đã quy định từ ngày 01/1/2026 xóa bỏ hình thức khoán thuế do

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	học Xã hội VN	Việc xóa bỏ chế độ thuế khoán là cần thiết và phù hợp với xu hướng hiện đại hóa quản lý tài chính công, đảm bảo công bằng, minh bạch và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực kinh tế tư nhân, đặc biệt là khu vực hộ kinh doanh cá thể. Tuy nhiên, Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính chỉ rõ: Giai đoạn đầu triển khai (2025-2026) có thể gặp tình trạng quá tải hệ thống khi hàng triệu hộ kinh doanh cùng chuyển đổi. Cần đầu tư mạnh vào hạ tầng công nghệ và đào tạo đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật. Nhiều hộ kinh doanh cũng cho biết chi phí tuân thủ quy định mới có thể dao động từ vài trăm đến hàng chục triệu đồng mỗi năm, đòi hỏi các chính sách hỗ trợ tài chính phù hợp. Tuy nhiên, dự thảo không đề cập đến các giải pháp chính sách để khắc phục nhược điểm này. Việc chuyển đổi từ chế độ thuế khoán sang thuế kê khai đối với kê khai đối với hộ kinh doanh cần được triển khai theo một lộ trình ba giai đoạn hợp lý, đồng thời đi kèm các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cụ thể để đảm bảo tính khả thi và hạn chế xáo trộn trong thực tiễn. Ở giai đoạn đầu (năm 1-2), trọng tâm là chuẩn bị nền tảng và triển khai thí điểm. Nhà nước cần hoàn thiện hành lang pháp lý, cung cấp phần mềm kế toán đơn giản và hóa đơn điện tử miễn phí cho hộ kinh doanh nhỏ, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn kỹ năng ghi chép sổ sách và kê khai thuế. Hỗ trợ tài chính trong giai đoạn này bao gồm miễn phí phần mềm, hỗ trợ chi phí thiết bị đầu vào (máy tính bảng, mạng internet) và trợ cấp chi phí đào tạo cho các hộ ở vùng sâu, vùng xa. Giai đoạn hai (năm 2-4) sẽ mở rộng áp dụng thuế kê khai bắt buộc với các hộ có doanh thu ở mức nhất định nhưng cần đi kèm các ưu đãi thuế tạm thời (giảm 20-30% thuế trong năm đầu), hỗ trợ chi phí thuê kế toán và tiếp cận tín dụng vi mô ưu đãi. Về mặt kỹ thuật, cần nâng cấp hệ thống quản lý thuế tại địa phương, tích hợp nền tảng kê khai - thanh toán - nộp thuế và tiếp tục đào tạo kỹ năng tài chính - sổ cho hộ kinh doanh. Giai đoạn ba (năm 4-5) là giai đoạn chuẩn	vậy tại Luật quản lý thuế sẽ phải sửa đổi quy định về chính sách quản lý thuế đối với hộ kinh doanh để thực hiện theo phương pháp tự kê khai từ ngày 01/1/2026. Tại dự thảo Luật sẽ quy định mô hình quản lý thuế hộ kinh doanh cho phù hợp với đặc thù của đối tượng này.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hóa và kết thúc hoàn toàn chế độ thuế khoán trên toàn quốc. Trong giai đoạn này, hộ kinh doanh sẽ được tích hợp vào hệ thống quản lý thuế quốc gia như các doanh nghiệp nhỏ, được hỗ trợ công cụ kế toán điện tử tự động và tiếp tục hưởng ưu đãi thuế khi chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp. Đồng thời, Nhà nước cần hỗ trợ tài chính cho các hộ ở vùng khó khăn trong quá trình chuyển đổi và thúc đẩy chính sách bảo hiểm xã hội, tín dụng, đào tạo lao động cho các hộ đã chính thức hóa. Với lộ trình cụ thể và chính sách hỗ trợ phù hợp, việc chuyển đổi từ thuế khoán sang thuế kê khai không chỉ góp phần minh bạch hóa hệ thống thuế mà còn tạo điều kiện thuận lợi để hộ kinh doanh phát triển bền vững và hội nhập vào nền kinh tế chính thức. Đề nghị: Ban soạn thảo cần nhắc xem xét ban hành một lộ trình thực hiện việc chuyển đổi từ thuế khoán sang thuế kê khai theo từng giai đoạn và đi kèm với đó là các hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính phù hợp để bảo đảm tính khả thi và tác động bất lợi của chính sách.	
Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết.	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	Chính sách 5: Tăng cường chức năng kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết. Về tên gọi, tên chính sách cần sử dụng thống nhất, tăng cường chức năng kiểm tra thuế hay tăng cường hoạt động kiểm tra thuế. Kiểm tra thuế và kiểm tra giá giao dịch liên kết là hai công cụ quản lý thuế quan trọng, đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm tính tuân thủ, công bằng và minh bạch trong hệ thống thuế. Trong đó, kiểm tra thuế là hoạt động nhằm xác minh tính chính xác, đầy đủ và hợp pháp của các nghĩa vụ thuế đã được người nộp thuế kê khai và thực hiện, thông qua việc rà soát hồ sơ, chứng từ, sổ sách kế toán. Công cụ này giúp cơ quan thuế phát hiện kịp thời các sai sót, hành vi khai sai, trốn thuế hoặc gian lận thuế, đồng thời góp phần hướng dẫn người nộp thuế tuân thủ đúng pháp luật.	- Tiếp thu sửa lại tên chính sách : Kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch. - Ghi nhận đề nghiên cứu trong giai đoạn xây dựng nội dung chi tiết của dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Trong khi đó, kiểm tra giá giao dịch liên kết lại tập trung vào các giao dịch giữa các bên có quan hệ liên kết, với mục tiêu đảm bảo các giao dịch đó được thực hiện theo nguyên tắc giá thị trường độc lập. Mặc dù khác nhau về đối tượng và phương pháp tiếp cận, hai công cụ này đều phục vụ mục tiêu chung là bảo vệ nguồn thu ngân sách nhà nước, nâng cao hiệu quả quản lý thuế, đồng thời xây dựng một môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch cho tất cả các thành phần kinh tế. Tuy nhiên, việc áp dụng hai công cụ quản lý thuế quan trọng là kiểm tra thuế và kiểm tra giá giao dịch liên kết cần được thực hiện trên cơ sở các nguyên tắc rõ ràng và minh bạch nhằm bảo đảm quyền lợi chính đáng của người nộp thuế và cần phải được thể hiện trong chính sách của Dự thảo. Trước hết, nguyên tắc công khai và minh bạch phải được đặt lên hàng đầu, tức là các quy định pháp luật về nội dung kiểm tra, phương pháp xác định nghĩa vụ thuế, và tiêu chí đánh giá rủi ro cần được ban hành rõ ràng, dễ hiểu và áp dụng thống nhất giữa các cơ quan thuế ở các cấp. Thứ hai, việc kiểm tra phải có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên đánh giá rủi ro và phân loại đối tượng một cách hợp lý, tránh gây phiền hà cho các doanh nghiệp nhỏ và những người nộp thuế có lịch sử tuân thủ tốt. Bên cạnh đó, người nộp thuế cần được bảo đảm quyền giải trình và tiếp cận thông tin, bao gồm quyền cung cấp chứng từ làm rõ giao dịch, quyền nhận phản hồi đầy đủ từ cơ quan thuế, và quyền khiếu nại, khởi kiện nếu không đồng ý với kết luận kiểm tra. Cơ quan thuế cũng nên thiết lập cơ chế hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn và đối thoại với người nộp thuế, đặc biệt đối với các lĩnh vực phức tạp như giá giao dịch liên kết. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần xem xét miễn trừ hoặc đơn giản hóa nghĩa vụ khai báo, giảm chi phí tuân thủ hành chính. Cuối cùng, việc áp dụng hai công cụ này phải đi kèm với nguyên tắc chính sách thuế ổn định, nhất quán và thân thiện, để không chỉ ngăn ngừa hành vi trốn lậu thuế mà còn tạo dựng lòng	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tin, khuyến khích tự giác tuân thủ và thúc đẩy sự phát triển bền vững của khu vực doanh nghiệp. Chỉ khi các công cụ quản lý thuế được áp dụng theo các nguyên tắc như vậy, quyền lợi của người nộp thuế mới thực sự được bảo đảm, và hệ thống thuế mới đạt được hiệu quả lâu dài. Đề nghị: Ban soạn thảo cân nhắc, bổ sung các quy định về việc bảo đảm quyền lợi cho người nộp thuế trong mối quan hệ với cơ quan thuế trong thực hiện kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết.	
Về thẩm quyền quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, hoãn thuế, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, ...	UBND TP Hà Nội	Về thẩm quyền quyết định các nội dung như miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, hoãn thuế, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, cưỡng chế nợ,... Đề nghị dự thảo Luật rà soát, quy định thống nhất thẩm quyền quyết định các nội dung trên. Thủ trưởng cơ quan thuế có quyền ban hành quyết định miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, hoãn thuế, gia hạn, nộp dần, không tính tiền chậm nộp, xóa nợ, cưỡng chế nợ... Đồng thời đề nghị bổ sung quy định chung cho phép Thủ trưởng cơ quan thuế giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định. Hiện dự thảo Luật chưa quy định thống nhất: Điều 76 (thẩm quyền hoàn thuế) quy định <i>Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế, Giám đốc Thuế</i>; trong khi Điều 82a (thẩm quyền miễn, giảm thuế) lại quy định <i>Thủ trưởng cơ quan thuế các cấp</i>...	- Về thẩm quyền quyết định gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, không tính tiền chậm nộp: tiếp thu đề nghiên cứu bổ sung quy định. - Về nội dung liên quan đến giao thẩm quyền cho cấp phó ban hành quyết định hoãn thuế (Điều 84) và cưỡng chế nợ thuế (Điều 126): tiếp thu đề nghiên cứu sửa tại dự thảo Luật (Điều 84 và Điều 126). - Về đề xuất Thủ trưởng cơ quan thuế giao quyền cho cấp phó ban hành quyết định xóa nợ: hiện nay, thẩm quyền xóa nợ tại Luật không giao cho cơ quan thuế địa phương mà đang giao Chủ tịch UBND, Cục trưởng Cục Thuế, Bộ trưởng Bộ Tài chính có thẩm quyền xóa nợ, thủ trưởng CP. Do nội dung này liên quan đến NSNN cần phải do thủ trưởng đơn vị quyết định. - Về thẩm quyền hoàn thuế: tiếp thu nghiên cứu sửa quy định về thẩm quyền hoàn tại Điều 76.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Về quản lý và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đối tượng hưởng ưu đãi, miễn trừ	Bộ Ngoại giao	Về quản lý và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến đối tượng hưởng ưu đãi, miễn trừ (UĐMT), trong đó có thủ tục xét duyệt hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) cho các đối tượng hưởng UĐMT, gặp phải một số vướng mắc, cụ thể: 1. Không có quy định về hạn mức đối với số tiền mua hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT: Theo quy định tại Pháp lệnh năm 1993 về quyền UĐMT dành cho cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam, các đối tượng hưởng UĐMT được miễn thuế nhập khẩu cũng như thuế và hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa phục vụ công tác, sinh hoạt. Cũng theo quy định liên quan tại Pháp lệnh, chủng loại, số lượng và khối lượng của hàng hóa nêu trên phải phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam. Tuy nhiên, không có quy định về hạn mức đối với số tiền mua hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT. 2. Khó khăn trong việc xác định chủng loại hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế GTGT: Tại khoản 20 Điều 4 Nghị định 79/2000/NĐ-CP ngày 29/12/2000 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế GTGT có quy định: “hàng hoá, dịch vụ bán cho đối tượng miễn trừ ngoại giao theo Pháp lệnh miễn trừ ngoại giao” không thuộc diện chịu thuế GTGT. Trên cơ sở đó, Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15/01/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện hoàn thuế GTGT đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam quy định chi tiết chủng loại, định lượng hàng hóa, dịch vụ được hoàn thuế GTGT đối với các đối tượng nêu trên. Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 quy định chi	Ghi nhận ý kiến để nghiên cứu xây dựng các văn bản dưới Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tiết và hướng dẫn một số điều Luật Thuế Giá trị gia tăng không có quy định hàng hóa, dịch vụ bán cho các đối tượng hưởng UĐMT không thuộc diện chịu thuế; không có Thông tư riêng hướng dẫn thực hiện Nghị định đối với các đối tượng hưởng UĐMT. Trong những năm qua, nhu cầu của các CQĐD mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam ngày càng tăng, đồng thời các loại hàng hóa, dịch vụ cũng phong phú, đa dạng hơn rất nhiều so với danh mục đính kèm Thông tư số 08/2003/TT- BTC, dẫn đến lúng túng trong việc xác định chủng loại hàng hóa, dịch vụ đủ điều kiện hoàn thuế GTGT. 3. Không có quy định về số tiền đủ điều kiện hoàn thuế: Theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 (Điều 28) của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại có trách nhiệm xác nhận chi phí đầu vào thuộc diện áp dụng miễn trừ ngoại giao để được hoàn thuế. Tuy nhiên, do không có quy định về số tiền đủ điều kiện hoàn thuế cũng như không nhận được hóa đơn, chứng từ mua hàng của các cơ quan đại diện, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại chỉ xác nhận số tiền được hoàn thuế ghi trong bảng kê do CQĐD khai, không chịu trách nhiệm với việc xác định số tiền đủ điều kiện hoàn thuế. Ngoài ra, Thông tư số 80/2021/TT-BTC chỉ đề cập đến cơ quan đại diện ngoại giao và viên chức ngoại giao trong khi đối tượng được hoàn thuế GTGT bao gồm cả các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam và các thành viên CQĐD (gồm cả các viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự, viên chức của tổ chức quốc tế và các nhân viên hành chính kỹ thuật). Do đó, đến nay Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại vẫn thực hiện xét duyệt và xác nhận hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		của các CQĐD theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BTC. Qua tham khảo, nhiều nước thực hiện hoàn thuế GTGT căn cứ theo chủng loại, định lượng hàng hóa, dịch vụ hoặc theo hạn mức nhất định đối với tổng số tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong một khoảng thời gian nhất định hoặc trên cơ sở có đi, có lại. Trên cơ sở đó, nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản lý thuế, cụ thể trong công tác hoàn thuế GTGT cho đối tượng hưởng UĐMT, xin đề nghị Bộ Tài chính bổ sung vào hồ sơ dự án Luật Quản lý Thuế như sau: <i>Xây dựng Thông tư hướng dẫn thực hiện hoàn thuế GTGT đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thay thế Thông tư số 08/2003/TT-BTC nhằm quy định chi tiết danh mục các hàng hóa, dịch vụ do các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam mua tại Việt Nam được hoàn thuế GTGT.</i>	
Khoản 1 Điều 2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 1 Điều 2 - Nội dung dự thảo: Điều 2. Đối tượng áp dụng 1. Người nộp thuế (NNT) bao gồm: a. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế b. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh nộp các khoản thu khác thuộc Ngân sách nhà nước - Góp ý: chuyển “cá nhân kinh doanh” thành “cá nhân” nói chung.	Nghiên cứu tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- <i>Căn cứ góp ý:</i> cá nhân không kinh doanh vẫn có trách nhiệm nộp thuế và các khoản thu khác thuộc Ngân sách Nhà nước.	
Khoản 2, Điều 2	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Đối với cụm từ “cơ quan thuế”, cơ quan quản lý thuế, công chức thuế. Đề xuất rà soát Dự thảo để sử dụng các cụm từ này cho phù hợp với định nghĩa tại khoản 2 Điều 2. Cụ thể, tại Điều 15 Dự thảo Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Điều 11. Hiện đại hóa và chuyên đổi số toàn diện trong công tác quản lý thuế; Điều 10. Xây dựng lực lượng quản lý thuế; Tại khoản 3 Điều 134a. Cưỡng chế bằng biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; Tại khoản 2 Điều 76.	Tiếp thu, rà soát dự thảo để sử dụng các cụm từ “cơ quan thuế”, “cơ quan quản lý thuế”, “công chức thuế” cho phù hợp với định nghĩa tại khoản 2 Điều 2.
Điều 3	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Tại Điều 3 Giải thích từ ngữ Tại Dự thảo Luật có đề xuất bổ sung 3 định nghĩa mới, gồm: “4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp” (trang 33), “Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước” (trang 33), “35. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp” (trang 36). Ngoài ra, tại Điều 21 và Điều 22 Dự thảo có sử dụng cụm từ “cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp”. Các thuật ngữ trên dễ gây nhầm lẫn. Do đó, để phù hợp với định nghĩa “cơ quan quản lý thuế” tại Điều 3 và dễ phân biệt hơn, CCT đề xuất sửa đổi như sau: “4. Cơ quan thuế quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế...” “35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát...”	Tiếp thu ý kiến tham gia.
Điều 3	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Quy định về “cá nhân kinh doanh” tại Điều 3: Tại Nhóm chính sách số 2 về phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý thuế, Dự thảo có đề xuất bổ sung quy định về “cá nhân kinh doanh” tại Điều 3 Giải thích từ ngữ và tại Khoản 1 Điều 2 quy	Tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		định về người nộp thuế đã không còn “hộ kinh doanh” mà chỉ có “cá nhân kinh doanh”. Đối với đề xuất này, CCT hoàn toàn thống nhất. Do đó, CCT đề xuất sửa đổi các Điều khoản tại Dự thảo có liên quan đến Hộ kinh doanh cho thống nhất với quy định này. Như điều 91 - Nguyên tắc áp dụng hóa đơn, điện tử, Điều 98 - Cung cấp thông tin cho người nộp thuế, định hướng sửa đổi Điều 51 và các điều khác	
Điều 3	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Đề xuất: bổ sung giải thích từ ngữ “hệ sinh thái trong quản lý thuế” để làm cơ sở pháp lý áp dụng thống nhất. Lý do: khái niệm “hệ sinh thái” đã được xuất hiện trong định hướng hiện đại hóa quản lý thuế tại Điều 11 Dự thảo Luật nhưng chưa có định nghĩa cụ thể trong Điều 3 của dự thảo.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 1 Điều 3	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 1 Điều 3 - Nội dung dự thảo: Điều 3. Giải thích từ ngữ 1. Thuế là một khoản nộp NSNN bắt buộc của tổ chức, cá nhân kinh doanh theo quy định của Luật thuế - Góp ý: + Bổ sung thêm “hộ gia đình” để thống nhất với khoản 1, Điều 2 Đối tượng áp dụng. + Đổi “cá nhân kinh doanh” thành “cá nhân” nói chung. - Căn cứ góp ý: thống nhất với đối tượng áp dụng.	Nghiên cứu tiếp thu ý kiến tham gia.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 3	UBND TP Hà Nội	Về giải thích từ ngữ 1/ Tại Điều 5a có bổ sung thêm các cụm từ mới như: “<i>Cơ quan thuế quản lý thu</i>”, “<i>Cơ quan thuế tổ chức thu</i>”, “<i>Cơ quan thuế tổ chức hạch toán, theo dõi thu</i>”; đề nghị giải thích rõ các cụm từ này tại Điều 3 để thống nhất cách hiểu.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3	UBND TP Hà Nội	2/ Tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 3 quy định: “3. <i>Trụ sở của cơ quan quản lý thuế là địa điểm nơi đặt trụ sở chính của cơ quan quản lý thuế theo quy định của Bộ Tài chính.</i> 4. <i>Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh</i> 5. <i>Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước là cơ quan thuế nơi quản lý, theo dõi nghĩa vụ thuế của người nộp thuế đối với một số khoản phải thu ngân sách nhà nước mà không phải là cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.</i>” Các quy định nêu trên chưa phù hợp đối với người nộp thuế do Chi cục Thuế Doanh nghiệp lớn và Chi cục Thuế Thương mại điện tử quản lý; đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, bổ sung quy định cho phù hợp.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 10 Điều 3	UBND tỉnh Tuyên Quang	Điều 3. Giải thích từ ngữ 10. Hồ sơ thuế là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, miễn tiền chậm nộp, tiền phạt, không tính tiền chậm nộp, gia hạn nộp thuế, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan; Đề nghị bổ sung cụm từ: Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế tại	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khoản 10 Điều 3, cụ thể: Điều 3. Giải thích từ ngữ 10. Hồ sơ thuế là hồ sơ đăng ký thuế, khai thuế, <u>gia hạn nộp hồ sơ khai thuế</u>, nộp thuế, hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, không thu thuế, khoan tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, miễn tiền chậm nộp, tiền phạt, không tính tiền chậm nộp, gia hạn tiền thuế nợ, nộp dần tiền thuế nợ, hồ sơ hải quan; Lý do: Bổ sung thêm cho đầy đủ thành phần hồ sơ thuế	
Khoản 35, Điều 3	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 35 Điều 3. Giải thích từ ngữ - Dự thảo: <i>“35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý khoản thu được phân công.”</i> - Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“35. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn hoặc <u>cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý.</u>”</i> - Lý do: Tránh gây nhầm lẫn với cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước.	Nội dung đề xuất sửa không rõ nội hàm về trách nhiệm quản lý.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 35 Điều 3	UBND TP Hà Nội	3/Tại khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định: <i>“2. Cơ quan quản lý thuế bao gồm:</i> <i>a) Cơ quan thuế bao gồm Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực;</i> <i>b) Cơ quan hải quan bao gồm Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan, Cục Kiểm tra sau thông quan, Chi cục Hải quan.”</i> Như vậy, cơ quan quản lý thuế bao gồm cả cơ quan thuế và cơ quan hải quan. Tuy nhiên, tại khoản 35 Điều 3 dự thảo Luật quy định: <i>“35. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và/hoặc cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý khoản thu được phân công quản lý.”</i> Đề nghị Bộ Tài chính nghiên cứu, thống nhất định nghĩa “cơ quan quản lý thuế”.	Nghiên cứu tiếp thu.
Khoản 4, khoản 36, Điều 3	UBND tỉnh Bình Thuận (CCTKV XV)	- Tại khoản 4 Điều 3 (trang 33) dự thảo quy định: : <i>“4. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp là cơ quan thuế được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo của cơ quan thuế hoặc Thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh”.</i> Tuy nhiên, tại khoản 36, Điều 3 (trang 88) dự thảo quy định: <i>“36. Cơ quan quản lý thuế trực tiếp là cơ quan thuế có trách nhiệm quản lý, giám sát và thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến nghĩa vụ thuế của người nộp thuế thuộc phạm vi địa bàn và khoản thu được phân công quản lý”.</i> Do đó, đề nghị gộp khoản 4 và khoản 36 thành một nội dung.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 5a	UBND tỉnh Bình Thuận (CCTKV XV)	- Tại Điều 5a (trang 5) dự thảo có nội dung: <i>“Điều 5a. Phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách</i> <i>1. Các khoản thu do cơ quan quản lý thuế quản lý thu bao gồm: thuế (trừ thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) và các khoản thu khác theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Luật này.”</i> Tại trang 87, khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Tuy nhiên, tại trang 32, Điều 3 dự thảo bỏ quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, thay vào đó là nội dung: <i>“2. Trụ sở của người nộp thuế là địa điểm người nộp thuế tiến hành một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bao gồm trụ sở chính, chi nhánh, của hàng, nơi sản xuất, nơi để hàng hóa, nơi để tài sản dùng cho sản xuất, kinh doanh; nơi cư trú hoặc nơi phát sinh nghĩa vụ thuế”</i>.	Tiếp thu, rà soát, sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 5a.
Điều 5a	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Đối với quy định về phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách Tại Nhóm chính sách 2 (Trang 5) có đề xuất bổ sung Điều 5a. phạm vi quản lý các khoản thu ngân sách. CCT đề xuất không bổ sung quy định này vào Dự thảo Luật vì tại khoản 2, khoản 3 Điều 3 đã xác định rõ các khoản thu nào là do cơ quan quản lý thuế quản lý thu và khoản nào không do cơ quan quản lý thuế quản lý thu. Quản lý thu ở đây được hiểu là chỉ là hoạt động tổ chức thu. Ngoài ra, Điều 13 Dự thảo cũng đã quy định “cơ quan thuế thực hiện hạch toán kế toán các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan thuế quản lý theo quy định của pháp luật kế toán và pháp luật về ngân sách nhà nước”.	Tiếp thu theo hướng rà soát sửa đổi, lược bỏ quy định tại khoản 3 Điều 3 để quy định tại Điều 5a cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 15	UBND tỉnh Kiên Giang (CCTKV XX)	Quy định về các khoản thu khác thuộc ngân sách Nhà nước Tại Dự thảo đã có quy định về các khoản thu khác thuộc NSNN tại Điều 3, do đó CCT đề xuất bỏ cụm từ “phí, lệ phí” tại Điều 15 Dự thảo Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ vì các khoản thu khác thuộc Ngân sách Nhà nước đã bao gồm phí, lệ phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 3.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 1 Điều 15	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ 1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý thuế và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây: a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành <i>văn bản quy phạm pháp luật</i> về quản lý thuế; b) Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Ngoài Văn ban Quy phạm pháp luật (Luật, Nghị định, Thông tư). Thì hiện nay Công tác quản lý thuế được giải quyết, xử lý vướng mắc, hướng dẫn bằng Công văn cho các trường hợp cụ thể. Do vậy Bộ Tài chính (Bao gồm Cơ quan thuế, Cơ quan hải quan) cần có thẩm quyền ban hành các Văn bản hành chính để xử lý khó khăn, vướng mắc, hướng dẫn trong lĩnh vực Quản lý thuế Đề xuất sửa đổi khoản 1a thành như sau: Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ 1. Bộ Tài chính là cơ quan chủ trì giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về quản lý thuế và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:	Luật ban hành VBQPPL đã có quy định về việc ban hành công văn hướng dẫn những nội dung của Luật, do vậy cơ quan soạn thảo không tiếp thu bổ sung như đề xuất của đơn vị.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành <u>văn bản quy phạm pháp luật về quản lý thuế; Văn bản hướng dẫn, xử lý khó khăn vướng mắc của người nộp thuế theo tình huống cụ thể.</u> b) Căn cứ, lý do đề xuất: Thực tế công tác quản lý thuế vừa qua Số lượng Công văn hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng Cục thuế, Cục thuế các Tỉnh rất lớn do Luật Quản lý thuế không bao quát hết được các tình huống cụ thể. Do vậy ngoài Văn bản Quy phạm pháp luật thì Bộ Tài chính cần có quyền hạn ban hành văn bản hành chính như Công văn, hướng dẫn, ...	
Điểm d, khoản 2 Điều 15	UBND tỉnh Tuyên Quang	<i>Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ</i> ... đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan thuế làm cơ sở xác định doanh thu đối với <u>hộ</u>, cá nhân kinh doanh để tính thuế gồm: Hệ thống giám sát hành trình các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải; Hệ thống dữ liệu camera giám sát an ninh, trật tự theo từng địa bàn; Hệ thống dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; Hệ thống cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân. Đề nghị bỏ "hộ" tại khoản điểm d, khoản 2. Điều 15. Cụ thể: Điều 15. Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ... đ) Chỉ đạo các đơn vị liên quan cung cấp thông tin, phối hợp với cơ quan thuế làm cơ sở xác định doanh thu đối với cá nhân	Tiếp thu, bỏ từ “hộ” tại khoản điểm d, khoản 2 Điều 15.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kinh doanh để tính thuế gồm: Hệ thống giám sát hành trình các phương tiện vận tải của các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ vận tải; Hệ thống dữ liệu camera giám sát an ninh, trật tự theo từng địa bàn; Hệ thống dữ liệu về phòng cháy chữa cháy; Hệ thống cơ sở dữ liệu về cư trú của công dân. Lý do: Theo tờ trình: Sửa đổi Điều 2: bỏ cụm từ “hộ kinh doanh” để xác định “Hộ kinh doanh” là “cá nhân kinh doanh” do người đại diện hộ kinh doanh thực hiện đăng ký kinh doanh và lấy số định danh cá nhân của người đại diện hộ kinh doanh là mã số thuế của cá nhân kinh doanh.	
Khoản 2 Điều 15	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Đề xuất bổ sung: cơ quan công an cập nhật và cảnh báo tạm hoãn xuất cảnh tích hợp trực tiếp vào ứng dụng VneID. Cụ thể: “2. Bộ Công an có trách nhiệm sau đây: <i>Kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý thuế do Bộ Công an là đơn vị đầu mối quản lý: phối hợp với cơ quan quản lý thuế để kết nối, chia sẻ về thông tin của công dân, các thông tin thay đổi của công dân cho Bộ Tài chính (cơ quan thuế) tự động theo phương thức điện tử; chia sẻ, kết nối dữ liệu xuất nhập cảnh; phối hợp cập nhật và tích hợp cảnh báo tạm hoãn xuất cảnh do chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế trên nền tảng định danh điện tử quốc gia (VNeID); tiếp nhận thông tin với cơ quan quản lý thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy khi đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng theo quy định của pháp luật; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về các thủ tục hành chính liên quan đến xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai dành cho tổ chức và cá nhân; kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên, khoáng sản để phục vụ việc xác định mức thuế tài nguyên, khoáng sản, thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai của cơ quan nhà nước.”</i> Lý do: nhằm cảnh báo sớm cho người nộp thuế tiếp cận thông	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tin nghĩa vụ thuế thông qua ứng dụng VneID, từ đó nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật thuế và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.	
Khoản 11 Điều 16	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	- Nội dung dự thảo: “Điều 16. Quyền của người nộp thuế 11. Không bị xử phạt vi phạm hành chính về thuế, không tính tiền chậm nộp đối với trường hợp do người nộp thuế thực hiện xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp thuộc ngân sách nhà nước theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước không do cơ quan quản lý thuế thu liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế.” - Góp ý 1: Bổ sung thêm trường hợp thực hiện theo văn bản hướng dẫn và quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền khác. - Căn cứ góp ý: Đối với thuế GTGT, việc xác định đối tượng không chịu thuế/thuế suất với một số hàng hoá, dịch vụ phụ thuộc vào pháp luật chuyên ngành (ví dụ như cấp tín dụng; nông, lâm, thủy sản; phần mềm...). Đối với thuế TNDN, một trong các khoản chi không được trừ là “<i>khoản chi không đáp ứng điều kiện chi, nội dung chi theo quy định của pháp luật chuyên ngành</i>”. Như vậy, việc xác định nghĩa vụ thuế phụ thuộc lớn vào pháp luật chuyên ngành, do các cơ quan nhà nước khác có thẩm quyền hướng dẫn (Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ,...). Do đó, khi NNT thực hiện theo văn bản hướng dẫn của các cơ quan này liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế, NNT cũng cần được đảm bảo quyền không bị xử phạt vi phạm hành chính (VPHC) về	- Ý kiến 1: Việc xác định nghĩa vụ thuế phải do cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quản lý các khoản thu thuộc NSNN mới bảo đảm đúng chức năng. Pháp luật chuyên ngành là cơ sở để xác định bản chất của hàng hóa và dịch vụ còn việc xác định nghĩa vụ thuế phải theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế. Do vậy, cơ quan soạn thảo không tiếp thu đề xuất này. - Ý kiến 2: Tiếp thu sửa lại thành “văn bản hành chính” - Ý kiến 3: do đã tiếp thu sửa thành “văn bản hành chính” thì không cần phải quy định về điều kiện của văn bản. Mặt khác, theo nguyên tắc áp dụng pháp luật, hành vi xảy ra tại thời điểm nào thì áp dụng văn bản có hiệu lực tại thời điểm đó.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế. - <i>Góp ý 2:</i> Đề nghị rà soát lại thuật ngữ “văn bản hướng dẫn” cho thống nhất với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo Điều 61 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2025 quy định về hướng dẫn áp dụng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), cơ quan, người có thẩm quyền ban hành VBQPPL xem xét, hướng dẫn áp dụng đối với VBQPPL do mình ban hành bằng văn bản hành chính. - <i>Góp ý 3:</i> Đề nghị giao Chính phủ quy định cụ thể về điều kiện của văn bản hướng dẫn quy định tại khoản này. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Hiện nay, mức độ việc xem xét có thể căn cứ vào văn bản hướng dẫn nào để xác định hướng dẫn trong văn bản của cơ quan nhà nước có thể chỉ dừng ở mức chung chung và yêu cầu NNT tự xác định. Một số văn bản có nội dung hướng dẫn tổng quát cho ngành/lĩnh vực nhưng không gửi cho từng doanh nghiệp trong ngành đó mà chỉ gửi cho VCCI, hội/hiệp hội hoặc chỉ cục thuế. Một số văn bản có căn cứ hướng dẫn đã hết hiệu lực nhưng phần nội dung được căn cứ không thay đổi từ Luật cũ sang Luật mới. Điều này tạo ra nhiều vướng mắc cho NNT trong nghĩa vụ thuế. Do đó, cần quy định cụ thể về điều kiện của văn bản hướng dẫn để được áp dụng quyền tại khoản 11 (ví dụ quy định rõ về thời điểm ban hành, căn cứ ban hành, đối tượng nhận văn bản, nội dung hướng dẫn...).	
Khoản 15 Điều 16,	Ủy ban TU MTTQ VN	- Tại khoản 15, Điều 16. Quyền của người nộp thuế, bỏ cụm từ “ưu tiên” trong khổ: “Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được <u>ưu tiên</u> trong thực hiện thủ tục hành chính thuế...” Vì việc cắt giảm thủ tục hành chính là rất cần thiết và là cắt giảm chung, quy định chung về thủ tục hành chính cho mọi đối tượng nộp thuế, không nên quy định chỉ “<i>Người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế</i>” mới được “ưu tiên trong việc thực hiện thủ tục hành chính	Quy định về thủ tục ưu tiên (kê khai, nộp thuế, địa điểm nộp hồ sơ khai thuế...) đối với đối tượng người nộp thuế doanh nghiệp lớn phù hợp với thông lệ quốc tế. Các nước trong khu vực và trên thế giới đều có quy định ưu tiên đối với các doanh nghiệp tuân thủ pháp luật trong thực hiện thủ tục thuế. Ngoài ra, việc ưu tiên giảm thủ tục

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế theo quy định của Chính phủ”. Nếu người không tuân thủ tốt pháp luật về thuế thì sẽ có chế tài xử lý khác (xử phạt hành chính, tạm xuất nhập cảnh, cưỡng chế...). Người tuân thủ tốt thì được khen thưởng chứ không nên quy định được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế như dự thảo.	hành chính cho các doanh nghiệp này không chỉ giúp giảm gánh nặng hành chính, giảm nguồn lực quản lý của cơ quan thuế, góp phần thúc đẩy tuân thủ, quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả thu ngân sách nhà nước. Do đó, cơ quan soạn thảo đề nghị giữ nguyên khoản 15 Điều 16 Dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế).
Khoản 15 Điều 16	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	Quy định quyền được ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính thuế trong trường hợp là người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế (khoản 15 Điều 16) để khuyến khích tăng tính tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế. Về nội dung này chúng tôi có mấy ý muốn làm rõ thêm như sau: Đề nghị: Thứ nhất, cần chỉ rõ hơn là nội dung ưu tiên trong thủ tục hành chính ở đây là gì (về thời gian thực hiện thủ tục, hay về loại hình thủ tục, hay là các mức độ thực hiện ít nhiều của thủ tục ...). Vì mục tiêu của chính sách là để cải cách thủ tục hành chính thuế, cắt giảm bớt các thủ tục sao cho ngắn gọn và hiệu quả nhất. Vậy thì nếu cá nhân tuân thủ tốt pháp luật thuế lại được khuyến khích bằng cách ưu tiên thực hiện thủ tục hành chính (có nghĩa là thủ tục vẫn có thể được tinh gọn/tiết chế lại mà vẫn đảm bảo yêu cầu), thì những thủ tục mà những người nộp thuế thông thường phải tuân thủ đã tối ưu chưa? Liệu trong trường hợp này có giải pháp nào khác để khuyến khích người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế không (chẳng hạn giải pháp khuyến khích về tài chính?) Thứ hai, cần chỉ rõ người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế là gì? Tiêu chí để xác định việc tuân thủ tốt pháp luật thuế? Liệu có sự phân biệt giữa tuân thủ tốt và tuân thủ pháp luật không? Nếu có thì ranh giới này là gì? Từ đó thì việc xác định ưu tiên với	Cơ quan soạn thảo đề xuất bổ sung nguyên tắc trong Luật để quy định về thủ tục ưu tiên đối với các doanh nghiệp lớn có lịch sử tuân thủ pháp luật cao. Theo đó, quy định nguyên tắc tại khoản 15 Điều 16 dự thảo Luật sẽ tạo tiền đề để Cơ quan thuế và các cơ quan có liên quan nghiên cứu kinh nghiệm, thông lệ quốc tế tốt tại một số quốc gia như Hàn Quốc, Newzealand,... đề xuất quy định về các thủ tục ưu tiên đối với nhóm người nộp thuế có đóng góp đáng kể cho NSNN cũng như có lịch sử tuân thủ pháp luật thuế tốt như: ưu tiên về thủ tục về kê khai (giảm tần suất kê khai chuyển từ tháng sang quý hoặc năm, kê khai tập trung thay vì phân tán,...); áp dụng hoàn trước kiểm tra, ưu tiên hoàn thuế; xây dựng cơ chế hỗ trợ rà soát, soát xét hồ sơ khai thuế trước thời hạn quyết toán thuế,... - Cơ quan soạn thảo sẽ đề xuất giao Chính phủ hoặc Bộ Tài chính quy định về tiêu chí phân loại người nộp thuế ưu tiên, các tiêu chí này thông thường sẽ dựa vào cả các tiêu chí định lượng và định tính, ví dụ như tiêu chí định lượng theo quy mô (dựa theo doanh thu, tài sản, vốn chủ sở hữu, lợi nhuận và số nộp NSNN) và tiêu chí định tính

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người tuân thủ tốt sẽ rõ ràng hơn.	về tính tuân thủ pháp luật tốt như không bị xử hình sự về tội trốn thuế, không thuộc diện điều tra về các tội phạm hình sự liên quan đến kinh tế,...
Khoản 15 Điều 16	Thanh tra Chính phủ	- Trang 1 dự thảo Bản thuyết minh có nội dung: “Điều 16: Quyền của người nộp thuế”, Bổ sung khoản mới: “15. Người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ”. Thời điểm hiện tại chưa có văn bản quy phạm pháp luật nào do Chính phủ ban hành có nội dung này. Để đảm bảo tính đồng bộ, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc, đề xuất Chính phủ giao cơ quan có thẩm quyền tham mưu việc ban hành quy định có liên quan.	Nội dung này là nội dung mới tại Luật, được đề xuất đưa vào dựa trên thông lệ và kinh nghiệm quốc tế. Thực tiễn tại Việt nam Luật Hải quan cũng có quy định chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp (Mục 2 Luật số 54), trên cơ sở đó, Cơ quan Thuế tham khảo, đề xuất đưa nội dung mang tính nguyên tắc về chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp tại Luật và giao Chính phủ quy định các cơ chế, thủ tục ưu tiên tạo điều kiện cho các DN trong việc thực hiện nghĩa vụ với NSNN.
Điều 17	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế - Đề xuất: Bổ sung trách nhiệm: Người nộp thuế là tổ chức có đủ điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan quản lý thuế theo quy định của Luật này và pháp luật về giao dịch điện tử, trong việc cung cấp dữ liệu, hạch toán điện tử cho cơ quan thuế trực tiếp quản lý. - Lý do: Theo tinh thần chỉ đạo tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và các chủ trương, đường lối khác của Đảng về triển khai khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Nghị quyết số 68-NQ-TW, thanh kiểm tra trên môi trường điện tử, hạn chế kiểm tra tại doanh nghiệp.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 12, Điều 17	Ngân hàng TMCP Ngoại	- <i>Nội dung dự thảo:</i> “Điều 17. Trách nhiệm của người nộp thuế <i>12. Người nộp thuế có trách nhiệm sử dụng hàng hoá, dịch vụ</i>	Thuế GTGT là thuế gián thu nên người chịu thuế là người mua hàng hóa, dịch vụ còn người nộp thuế là người bán hàng. Do vậy, cơ quan soạn

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thương VN	<i>thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, giảm thuế theo đúng mục đích quy định của pháp luật thuế. Trường hợp sử dụng không đúng mục đích hoặc thay đổi mục đích sử dụng so với ban đầu đã kê khai với cơ quan thuế, người nộp thuế phải kê khai nộp tiền thuế, tiền chậm nộp và xử phạt VPHC trong lĩnh vực thuế theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật quản lý thuế</i> - Góp ý: Sửa đổi cụm từ “người nộp thuế” thành “người mua”. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Đối với thuế GTGT, NNT là người bán, người sử dụng hàng hoá, dịch vụ (HHDV) là người mua. Người bán không thể kiểm soát được việc sử dụng HHDV của người mua nên không thể yêu cầu người bán phải nộp bổ sung tiền thuế khi người mua thay đổi mục đích sử dụng.	thảo đề nghị không sửa cụm từ “người nộp thuế” thành “người mua”.
Khoản 3 Điều 18	Ủy ban TU MTTQ VN	Tại Điều 18, khoản 3. Nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế, nên thêm nhiệm vụ (nội dung gạch chân) “<u>hỗ trợ, hướng dẫn</u> người nộp thuế thực hiện chuyển đổi số trong kê khai, nộp thuế”.	Tiếp thu đề quy định tại khoản 3 điều 18 được bao quát nhiệm vụ của cơ quan thuế. Do nhiệm vụ cụ thể của cơ quan quản lý thuế để hỗ trợ NNT phối hợp thực hiện các giải pháp chuyển đổi số trong quản lý thuế đang được quy định tại Điều 8, Điều 9 . - Điểm a, khoản 7, Điều 8 về Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đã quy định: “7. <i>Cơ quan quản lý thuế tổ chức hệ thống thông tin điện tử có trách nhiệm sau đây:</i> a) <u>Hướng dẫn, hỗ trợ để người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, ngân hàng và các tổ chức liên quan thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế;</u>” - Điểm c, khoản 4, Điều 9 về Quản lý rủi ro trong quản lý thuế đang đề xuất quy định: “c) <i>Cơ</i>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>quan quản lý thuế sử dụng kết quả đánh giá việc tuân thủ pháp luật của người nộp thuế và kết quả phân loại mức độ rủi ro trong quản lý thuế để áp dụng các chương trình tuân thủ tự nguyện, tuân thủ tổng thể để hỗ trợ người nộp thuế tuân thủ pháp luật thuế và các biện pháp quản lý thuế phù hợp.”</i>
khoản 13 Điều 18	Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội VN	Quy định cơ quan thuế sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết TTHC khi các loại giấy tờ về lai lịch, nhận dạng, cư trú của công dân đã được bãi bỏ bởi cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân (khoản 13 Điều 18) để giảm chi phí tuân thủ cho người nộp thuế. Đề nghị: Cần thống nhất cách sử dụng thuật ngữ giữa các văn bản pháp luật. Theo đó, cụm từ cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân nên được dùng là cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước/hoặc là cơ sở dữ liệu căn cước. Điều này sẽ đảm bảo thống nhất với Luật căn cước 2023 khi luật này đã không còn sử dụng thuật ngữ “căn cước công dân”. Điều 1, Điều 3 và các điều khoản khác của Luật căn cước 2023 quy định về “cơ sở dữ liệu căn cước”, thẻ căn cước, cơ quan quản lý căn cước ... đã không còn sử dụng từ “công dân” đi kèm với thuật ngữ “căn cước”.	Tiếp thu, sửa cụm từ “căn cước công dân” thành “căn cước” tại khoản 13 Điều 18.
Khoản 13 Điều 18	UBND tỉnh Tuyên Quang	Đề nghị sửa từ: Căn cước công dân, thành căn cước, cụ thể: “Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan thuế Bổ sung khoản mới 13. cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về <u>căn cước</u> trên cơ	Tiếp thu, sửa cụm từ “căn cước công dân” thành “căn cước” tại khoản 13 Điều 18.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		sở trao đổi, cung cấp thông tin giữa các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định tại Điều 30 Luật Quản lý thuế để giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế” Lý do: Bổ sung theo từ ngữ quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Căn cước ngày 27/11/2023.	
Điều 19	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Đối với các nội dung bổ sung quy định cơ quan thuế sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia về cư trú và cơ sở dữ liệu quốc gia về căn cước công dân để giải quyết thủ tục hành chính (Điều 18) để giảm thiểu chi phí tuân thủ cho người nộp thuế; sửa đổi, bổ sung quy định người nộp thuế không phải cung cấp thêm thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế lần đầu (Điều 31) khi đã có thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia để giảm thủ tục hành chính: <i>Đề nghị bổ sung nội dung cơ quan thuế có quyền yêu cầu người nộp thuế cung cấp thông tin có trong cơ sở dữ liệu quốc gia trong trường hợp không tra cứu được thông tin do lỗi kỹ thuật, tránh chậm trễ trong công tác giải quyết thủ tục hành chính.</i>	Nghiên cứu tiếp thu trong giai đoạn xây dựng nội dung chi tiết của dự thảo Luật.
Khoản 2 Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 2 Điều 27 (về nội dung cung cấp số hiệu tài khoản) <i>Nội dung dự thảo:</i> “Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng <i>2. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản thanh toán theo mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người nộp thuế khi cấp mới, thay đổi, đóng tài khoản tại tổ chức tín dụng, cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ”.</i>	- Ý kiến 1: Tiếp thu để phù hợp với thuật ngữ theo quy định của NHNN. - Ý kiến 2: Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật vì còn liên quan đến khả năng lưu trữ của hệ thống.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- <i>Góp ý 1:</i> Đề nghị sửa “cấp mới” thành “mở”; đồng thời làm rõ chủ thể thực hiện là NNT. Cụ thể, sửa thành: “... <i>khi người nộp thuế mở, thay đổi, đóng tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng.</i>” - <i>Căn cứ góp ý:</i> Thông tư 17/2024/TT-NHNN sử dụng thuật ngữ là “mở” tài khoản thanh toán. - <i>Góp ý 2:</i> Đề nghị bổ sung thêm hình thức cung cấp số hiệu tài khoản: Cục Thuế kết nối với hệ thống thông tin của TCTD để truy vấn khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi giới hạn được quy định bởi luật (MST và số hiệu tài khoản của khách hàng). - <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, định kỳ hàng tháng, TCT gửi MST cho NHTM. NHTM thực hiện xử lý để lấy thông tin số hiệu tài khoản tương ứng và cung cấp cho Cục Thuế. Quy định này dẫn tới luồng xử lý phức tạp tại các NHTM: tổng hợp MST vào cơ sở dữ liệu (CSDL), đối chiếu để tổng hợp thông tin số hiệu tài khoản (STK) tương ứng, so sánh với thông tin STK đã cung cấp, tổng hợp các thông tin khác biệt so với kỳ trước và cung cấp cho Cục Thuế. Ngoài ra, một số trường hợp Cục Thuế cung cấp thiếu MST cho các NHTM dẫn tới NHTM không cung cấp STK cho Cục Thuế. Các khách hàng không được cung cấp STK sẽ bị cơ quan thuế từ chối hoàn thuế GTGT. Việc NHTM cung cấp toàn bộ STK của khách hàng có MST tại NHTM theo hướng cho phép Cục Thuế chủ động truy vấn vừa đảm bảo NHTM thực hiện xử lý đơn giản (chỉ cần cung cấp 1 lần ban đầu và các STK mở mới/đóng trong kỳ), vừa đảm bảo	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Cục Thuế có đầy đủ STK phục vụ công tác quản lý thuế.	
		Về Khoản 2 Điều 27 (về nội dung cung cấp giao dịch thanh toán) - Nội dung tại dự thảo: “Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng 2. Tổ chức tín dụng cung cấp thông tin về số hiệu tài khoản thanh toán theo mã số thuế hoặc số định danh cá nhân của người nộp thuế khi mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, <u>cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế theo yêu cầu bằng phương thức điện tử</u>. Thời hạn cung cấp thông tin theo quy định của Chính phủ”. - Góp ý 1: Đề nghị bổ sung quy định: TCTD không phải chịu trách nhiệm trong trường hợp cơ quan quản lý thuế thực hiện sai quy định của pháp luật về yêu cầu cung cấp thông tin (TCTD không có trách nhiệm kiểm tra tính đúng đắn, chính xác yêu cầu của cơ quan quản lý thuế); đồng thời, quy định rõ hoặc giao Chính phủ quy định rõ hồ sơ, tài liệu cơ quan thuế gửi cho TCTD là những hồ sơ nào. - Căn cứ góp ý: Tại Khoản 3 Điều 13 Luật TCTD 2024: “Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền <u>theo quy định của luật</u> hoặc được sự chấp thuận của khách hàng”. Như vậy, yêu cầu cung cấp thông tin (bao gồm hồ sơ, tài liệu) phải được luật định. Bên cạnh đó, do thông tin yêu cầu ngày càng nhiều để phục vụ quản lý thuế, để TCTD có thể cung cấp nhanh chóng, kịp thời, đề nghị không quy định/miễn trách nhiệm của TCTD phải kiểm tra các yêu cầu cung cấp của cơ quan thuế (về thẩm quyền, về mục	- Góp ý 1: Nội dung quy định tại Điều 27 là phù hợp với Khoản 3 Điều 13 Luật các tổ chức tín dụng. Yêu cầu của cơ quan thuế chỉ là công văn hành chính trong đó nêu rõ yêu cầu cung cấp thông tin gì tùy theo từng trường hợp cụ thể do vậy, không cần thiết phải quy định rõ hồ sơ nào. Đây là Luật quản lý thuế nên nội dung quy định tại Luật là bảo đảm có cơ sở pháp lý cho cơ quan thuế khi yêu cầu cung cấp thông tin. - Góp ý 2: Tiếp thu sửa để minh bạch <u>cung cấp giao dịch thanh toán qua ngân hàng của người nộp thuế cho cơ quan quản lý thuế khi nhận được yêu cầu bằng phương thức điện tử từ cơ quan quản lý thuế</u> - Góp ý 3: Nghiên cứu tiếp thu.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đích,...). - <i>Góp ý 2:</i> Đề nghị bổ sung rõ chủ thể yêu cầu cung cấp thông tin giao dịch thanh toán là cơ quan thuế hay cơ quan khác. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Dự thảo mới chỉ đưa ra đối tượng được cung cấp thông tin là cơ quan thuế nhưng chưa làm rõ chủ thể có quyền yêu cầu cung cấp là cơ quan nào. Luật TCTD 2024 chỉ cho phép TCTD cung cấp thông tin khi có “<i>yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật</i>”. Do đó, tại Luật cần làm rõ cơ quan có thẩm quyền là cơ quan nào. - <i>Góp ý 3:</i> Đề nghị bổ sung quy định cơ quan thuế có trách nhiệm sử dụng và bảo mật thông tin khách hàng do ngân hàng cung cấp theo đúng quy định của pháp luật. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo quy định tại khoản 4, Điều 4, Nghị định 117/2018/NĐ-CP: “<i>Cơ quan nhà nước, tổ chức khác, cá nhân phải giữ bí mật thông tin khách hàng, sử dụng thông tin khách hàng đúng mục đích khi yêu cầu cung cấp thông tin và không được cung cấp cho bên thứ ba mà không có sự chấp thuận của khách hàng, trừ trường hợp cung cấp theo quy định của pháp luật.</i>” Để tăng cường trách nhiệm của cơ quan thuế trong sử dụng thông tin, cần có quy định rõ ràng tại Luật.	
Khoản 3 Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 3 Điều 27 - Nội dung hiện tại trong Luật Quản lý thuế năm 2019: “Điều 27. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ chức tín dụng 3. Khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam.” - <i>Góp ý:</i> Đề nghị xem xét bỏ quy định NHTM phải thực hiện	Nghiên cứu tiếp thu vì hiện nay pháp luật thuế không quy định nhiệm vụ tổ chức tín dụng khấu trừ nộp thuế thay thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam. Đồng thời lưu ý khi xây dựng dự thảo Nghị định quy định chi tiết Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp theo quy định pháp luật về thuế của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử có phát sinh thu nhập từ Việt Nam. - <i>Căn cứ góp ý</i> - Thứ nhất, theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, TCT công bố tên, địa chỉ website của nhà cung cấp ở nước ngoài chưa đăng ký thuế để NHTM khấu trừ, nộp thuế thay. Tuy nhiên, các NHTM chỉ thực hiện lệnh chuyển tiền căn cứ trên yêu cầu của khách hàng. Lệnh chuyển tiền chỉ có tên, số tài khoản của người thụ hưởng và ngân hàng người hưởng mở tài khoản, không yêu cầu thông tin website của người thụ hưởng. Do đó, thông tin website mà TCT cung cấp hoàn toàn không thể sử dụng được để xác định người thụ hưởng có thuộc đối tượng phải khấu trừ thuế hay không. Bên cạnh đó, các nhà cung cấp nước ngoài đến từ các quốc gia khác nhau có thể có tên trùng nhau. Trường hợp chỉ xác định đối tượng phải khấu trừ theo thông tin duy nhất là tên có thể dẫn tới việc khấu trừ không đúng đối tượng. - Thứ hai, NHTM không tham gia vào giao dịch mua bán, do đó không nắm được bản chất giao dịch và không có đầy đủ thông tin để xác định được đúng ngành kinh doanh để khấu trừ theo các tỷ lệ quy định. Hiện nay, các quốc gia phát triển như Hoa Kỳ, Australia,... và Liên minh Châu Âu đều không có quy định NHTM thực hiện khấu trừ thuế đối với bên bán nước ngoài. Thông lệ được OECD khuyến nghị là các nền tảng số (digital platforms) thực hiện khai, nộp thuế thay cho người bán trong hoạt động TMĐT. Tại khoản 5 Điều 6 Luật số 56/2024/QH15 có quy định sửa đổi Điều 42 của Luật Quản lý thuế 2019 như sau: “4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.”</i> Như vậy, việc quy định NHTM thực hiện khấu trừ thuế tại Luật Quản lý thuế 2019 là thiếu khả thi, chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.	
Khoản 6, Điều 27	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 6, Điều 27 - <i>Nội dung tại dự thảo:</i> <i>“6. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế, người nộp thuế thế chấp cho TCTD để làm TSBĐ các khoản vay nhưng chưa kê khai, nộp thuế cho cơ quan hải quan, TCTD xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ thì TCTD có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho người nộp thuế.”</i> - Góp ý 1: Đề nghị sửa “tài sản thế chấp” thành “tài sản bảo đảm” <i>Căn cứ góp ý:</i> Đảm bảo phù hợp với Luật TCTD 2024 và Bộ luật Dân sự. - Góp ý 2: Đề nghị chỉ quy định TCTD có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế liên quan đến tài sản thế chấp thay cho NNT khi vẫn còn tiền sau khi đã phân chia theo khoản 1 Điều 199 Luật TCTD 2024. Trường hợp có quy định khác với Điều 199 này thì phải quy định sửa Điều 199. <i>Căn cứ góp ý:</i> Khoản 1 Điều 199 Luật TCTD 2024 quy định đã quy định rõ về thứ tự phân chia số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm. Trong đó, không có quy định về việc dùng số tiền này để nộp thuế nhập khẩu. Để tránh mâu thuẫn, chông chéo giữa các Luật, trường hợp có quy định khác với Luật hiện hành, đề nghị có quy định sửa đổi Luật hiện hành.	- Góp ý 1: Tiếp thu, sửa “tài sản thế chấp” thành “tài sản bảo đảm”. - Góp ý 2: Nghiên cứu tiếp thu để thống nhất với thứ tự ưu tiên khi bán tài sản bảo đảm tại Điều 199 Luật các Tổ chức tín dụng.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 3 Điều 30	Tập đoàn công nghiệp - viện thông quân đội	Điều 30. Đăng ký thuế 3. Việc cấp mã số thuế được quy định như sau: a) Doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác được cấp 01 mã số thuế duy nhất để sử dụng trong suốt quá trình hoạt động..... c) Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm khấu trừ, nộp thuế thay được cấp mã số thuế nộp thay để thực hiện khai thuế, nộp thuế thay cho người nộp thuế; Đề xuất bổ sung thêm MST sử dụng kê khai thuế tối thiểu toàn cầu. Như vậy Doanh nghiệp có thể được cấp 3 MST - MST theo đăng ký doanh nghiệp - MST nộp thay (Ví dụ nộp thay Nhà thầu nước ngoài) - MST kê khai Thuế tối thiểu toàn cầu. Lý do: Đề xuất bổ sung để bao hàm cả các quy định của Thuế tối thiểu toàn cầu sắp ban hành.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.
Khoản 3 Điều 33	Tập đoàn công nghiệp - viện thông quân đội	Điều 33. Đăng ký thuế lần đầu 3. Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm đăng ký thuế thay cho cá nhân có thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế trong trường hợp cá nhân chưa có mã số thuế; đăng ký thuế thay cho người phụ thuộc của người nộp thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế đăng ký giảm trừ gia cảnh theo quy định của pháp luật trong trường hợp người phụ thuộc chưa có mã số thuế. Đề xuất bỏ khoản 3, không cần sửa đổi nội dung do nội dung này không cần thiết nữa. Lý do: Theo quy định của thông tư 86/2024/TT-BTC về đăng ký thuế, từ ngày 01/07/2025 Hộ gia đình, cá nhân sẽ sử dụng thống nhất Mã định danh làm/thay thế MST. Do vậy tất cả cá nhân đều có MST ngay từ lúc được cấp Mã định danh => Tổ	Cơ quan thuế không có sẵn dữ liệu số định danh cá nhân của tất cả cá nhân trong hệ thống thuế, do đó thủ tục đăng ký thuế lần đầu là cần thiết để xác định danh tính của người nộp thuế. Đối với người Việt Nam, cần phải kê khai các thông tin họ và tên, số định danh cá nhân, ngày tháng năm sinh, điện thoại liên hệ, CQT sẽ thực hiện truy vấn thông tin trong CSDLQGDC đảm bảo khớp đúng (có tồn tại) mới thực hiện sử dụng số định danh cá nhân làm mã số thuế. Đối với người nước ngoài, cá nhân phải kê khai các thông tin về họ và tên, giấy tờ pháp lý của cá nhân, địa chỉ liên lạc...để CQT có đủ thông tin cấp MST cho NNT thực hiện kê khai nộp thuế.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chức chi trả thu nhập không cần đăng ký thuế thay cá nhân để khấu trừ thuế khi chi trả thu nhập. (Hiện mới ở bước xây dựng Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), còn trải qua nhiều bước nên đến 01/07/2025 thì quy định điều này sẽ trở nên không còn phù hợp).	Ngoài ra, thủ tục đăng ký thuế lần đầu đối với người phụ thuộc còn bao gồm cả thông tin đăng ký giảm trừ gia cảnh của người phụ thuộc.
Khoản 1 Điều 34	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 34. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế 1. Cơ quan thuế cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế theo quy định. Thông tin của giấy chứng nhận đăng ký thuế bao gồm: a) Tên người nộp thuế; b) Mã số thuế; c) Số, ngày, tháng, năm của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh; số, ngày, tháng, năm của quyết định thành lập đối với tổ chức không thuộc diện đăng ký kinh doanh; thông tin của giấy chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân không thuộc diện đăng ký kinh doanh; d) Cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Đánh giá khó khăn vướng mắc: Thực tế hiện nay Giấy chứng nhận đăng ký thuế cũng không còn được sử dụng trong các thủ tục hành chính về thuế. Đối với các Doanh nghiệp chỉ có Giấy chứng nhận ĐKKD, không còn Giấy chứng nhận đăng ký thuế. Đề xuất bỏ thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế và kiến nghị bỏ yêu cầu Người nộp thuế cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong các thủ tục hành chính có liên quan (nếu có). Căn cứ, lý do: Thủ tục này không cần thiết. Khi ứng dụng các	Quy định này chỉ áp dụng đối với đối tượng không liên thông và hiện nay Giấy chứng nhận đã được cấp dưới dạng điện tử nên thuận tiện cho NNT sử dụng. Đối với đối tượng liên thông thì cơ quan thuế đã không cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế, mà Giấy chứng nhận ĐKKD đồng thời là Giấy chứng nhận ĐKT.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hệ thống điện tử thì Thông tin người nộp thuế đã được cập nhật trên hệ thống Dữ liệu của ngành thuế. Mọi đối tượng có liên quan, hoặc có quan tâm đều có thể dễ dàng tra cứu trên các phương tiện điện tử. Đề xuất này nhằm cải cách, giảm bớt thủ tục hành chính.	
Khoản 2, Điều 35	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 2 Điều 35. Sử dụng mã số thuế - Dự thảo: <i>“2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế.”</i> - Đề xuất sửa đổi, bổ sung như sau: <i>“2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế.”</i> - Lý do: Điều chỉnh này nhằm làm rõ trách nhiệm của người nộp thuế trong việc cung cấp mã số thuế cho cơ quan chi trả thu nhập để thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân và bổ sung cơ sở pháp lý để quy trách nhiệm các trường hợp đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc sai dẫn đến mất quyền lợi của các cá nhân khác.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật (khoản 2 Điều 35): 2. Người nộp thuế phải cung cấp đầy đủ, chính xác mã số thuế <u>của người nộp thuế và người phụ thuộc</u> cho tổ chức, cá nhân thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hoặc khai thay, nộp thuế thay; cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc ghi mã số thuế trên hồ sơ khi thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông với cơ quan quản lý thuế).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 3 Điều 36	Tập đoàn công nghiệp - viện thông quân đội	Điều 36. Thông báo thay đổi thông tin đăng ký thuế 3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và <u>người phụ thuộc</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân.Định hướng sửa đổi, bổ sung:Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 36 theo hướng người nộp thuế không được đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi cơ quan thuế đã có Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký để đảm bảo đồng bộ thống nhất quy định về quản lý thuế. Đề xuất sửa đổi lại nội dung tại khoản 3 để bỏ phần nội dung <i>phải thay đổi thông tin đăng ký thuế của cá nhân và thông tin của Người phụ thuộc liên quan đến việc chưa có MST hoặc với trường hợp các thông tin thay đổi của cá nhân đã được CQQL cập nhật theo Mã định danh do nội dung này không cần thiết nữa. (Chỉ giữ lại nội dung phải đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế khi có sự thay đổi về bổ sung/giảm bớt đối tượng là người phụ thuộc)</i> Nội dung đề nghị sửa lại như sau:"3. Trường hợp cá nhân có ủy quyền cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập thực hiện đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế cho cá nhân và <u>do thay đổi về người phụ thuộc (bổ sung/giảm bớt)</u> thì phải thông báo cho tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thông tin thay đổi; tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý thuế chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ủy quyền của cá nhân"	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng như sau: - Vẫn quy định mang tính nguyên tắc tại Luật đối với trường hợp có thay đổi thông tin đăng ký thuế (quy định này đang áp dụng chung cho cá nhân người Việt Nam và cá nhân người nước ngoài). - Tại Nghị định, Thông tư sẽ quy định chi tiết hơn về mẫu biểu đăng ký thuế, trên cơ sở mẫu biểu đăng ký thuế sẽ xác định trường hợp nào phải thay đổi thông tin, trường hợp nào không phải thay đổi thông tin.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Căn cứ, lý do đề xuất: Theo quy định của thông tư 86/2024/TT-BTC về đăng ký thuế, từ ngày 01/07/2025 Hộ gia đình, cá nhân sẽ sử dụng thống nhất Mã định danh làm/thay thế MST. Do vậy tất cả cá nhân đều có MST ngay từ lúc được cấp Mã định danh => Tổ chức chi trả thu nhập không cần đăng ký thuế, không cần đăng ký thay đổi đăng ký thuế với trường hợp các thông tin thay đổi của cá nhân đã được CQQL cập nhật theo Mã định danh.(Hiện mới ở bước xây dựng Dự án Luật Quản lý thuế (thay thế), còn trải qua nhiều bước nên đến 01/07/2025 thì quy định điều này sẽ trở nên không còn phù hợp)	
Điều 38	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<i>“Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp”</i> Đề xuất sửa đổi thành: <i>“Điều 38. Đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại doanh nghiệp, hợp tác xã”.</i> Lý do: để phù hợp khi bổ sung thêm trường hợp đăng ký thuế khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hợp tác xã.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Điều 39	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại Điều 39. Chấm dứt hiệu lực mã số thuế - Dự thảo: Quy định hiện tại chưa làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp về việc kết thúc thời gian giảm trừ gia cảnh cho người phụ thuộc khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế. Việc này tạo ra tình trạng một số tổ chức, doanh nghiệp khi đóng mã số thuế không kết thúc thời gian giảm trừ gia cảnh. Do đó, cá nhân không thể đăng ký giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc khi chuyển sang đơn vị khác và mất đi khoản được giảm trừ. - Đề xuất: Quy định Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành điều này theo hướng hệ thống quản lý thuế tự động kết thúc thời gian giảm trừ gia cảnh người phụ thuộc (đối với người phụ thuộc chưa được kết thúc giảm trừ gia cảnh) tại thời điểm chuyển trạng thái mã số	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật. - Bộ Tài chính (Cục thuế) sẽ nâng cấp ứng dụng đáp ứng việc đăng ký giảm trừ gia cảnh tại Cơ quan chi trả mới cho người lao động. - Đồng thời ghi nhận để sửa đổi quy định tại điểm i khoản 1 Điều 9 Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung) theo hướng NNT thay đổi nơi làm việc thì không phải đăng ký người phụ thuộc như lần đầu.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế của tổ chức, doanh nghiệp sang trạng thái 03 (NNT ngừng HĐ nhưng chưa hoàn thành thủ tục). - Lý do: Điều này giúp các cá nhân không bị mất đi quyền lợi của mình cũng như giảm thiểu thủ tục hành chính cho các tổ chức, doanh nghiệp khi chấm dứt hiệu lực mã số thuế.	
Điều c khoản 2 Điều 40	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại điểm c khoản 2 Điều 40 <i>“c) Khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế.”</i> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: <i>“c) Khi cơ quan thuế có thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký nhưng chưa bị thu hồi giấy phép và chưa bị chấm dứt hiệu lực mã số thuế, trừ trường hợp cơ quan thuế đã chuyển tin báo sang cơ quan công an do nghi vấn người nộp thuế có dấu hiệu tội phạm”.</i> Lý do: Theo quy định tại Quy chế chuyển tin báo vụ việc về thuế ban hành kèm theo Quyết định 489/QĐ-TCT ngày 07/4/2022 thì Cơ quan Thuế qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý thuế phát hiện người nộp thuế có hành vi phạm về thuế có dấu hiệu tội phạm (xuất không hóa đơn, hoặc đầu vào có rủi ro cao về thuế) nhưng chưa đủ căn cứ để xác định nên có công văn chuyển thông tin, hồ sơ đến Cơ quan Điều tra đề nghị xác minh, điều tra để giải quyết theo quy định. Vì vậy cần phải chờ kết luận của Cơ quan Công an nên đề xuất chưa khôi phục mã số thuế khi người nộp thuế đề nghị khôi phục đối với trường hợp này.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 40	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	<i>“4. Hồ sơ đề nghị khôi phục mã số thuế bao gồm:</i> <i>a) Văn bản đề nghị khôi phục mã số thuế;</i> <i>b) Các giấy tờ khác có liên quan.”</i> Đề xuất sửa đổi điểm b Khoản 4 Điều 40: <i>“b) Các giấy tờ có liên quan chứng minh người nộp thuế đang hoạt động tại địa chỉ đăng ký kinh doanh và đã khắc phục các hành vi vi phạm (nếu có), bao gồm một hoặc một số loại tài liệu như: sổ sách kế toán, hóa đơn, hợp đồng cung cấp hàng hóa dịch vụ phát sinh, giấy tờ chứng minh đã nộp đủ nghĩa vụ thuế, biên bản xác nhận của chính quyền địa phương về tình trạng hoạt động thực tế tại địa điểm kinh doanh.”</i> Lý do: - Cụm từ “các giấy tờ khác có liên quan” quy định trong dự thảo hiện nay còn quá chung chung, dễ dẫn đến cách hiểu và cách áp dụng không thống nhất giữa các cơ quan thuế, gây khó khăn cho cả người nộp thuế và cán bộ tiếp nhận, xử lý hồ sơ. Trên thực tế có trường hợp cơ quan thuế đã phối hợp với cơ quan liên quan để xác minh xác định người nộp thuế vẫn không hoạt động tại địa chỉ đăng ký nhưng người nộp thuế liên tục gửi văn bản đề nghị khôi phục dẫn đến mất thời gian tổ chức thực hiện xác minh lại. - Phù hợp với thực tiễn phát sinh nhiều trường hợp sử dụng địa chỉ ảo, địa chỉ không tồn tại hoặc doanh nghiệp không thực sự hoạt động tại địa chỉ đăng ký, nhưng vẫn đề nghị khôi phục mã số thuế nhằm mục đích mua bán hóa đơn hoặc tiếp tục hành vi gian lận thuế. Do đó, cần có hồ sơ chứng minh rõ ràng về hoạt động thực tế và việc khắc phục vi phạm (nếu có) làm điều kiện xem xét việc khôi phục mã số thuế.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Chương IV. Khai thuế, tính thuế	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Đối với các nội dung hướng dẫn chi tiết thi hành về hồ sơ khai thuế, kỳ tính thuế, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, nơi nộp hồ sơ khai thuế, khai bổ sung hồ sơ khai thuế: Đề nghị thống nhất cơ quan hướng dẫn chi tiết đối với các nội dung trên (Chính phủ/Bộ Tài chính) để đảm bảo việc áp dụng chính sách được đồng bộ, tránh vướng mắc.	Tiếp thu giao Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn để thực hiện chủ trương đẩy mạnh phân cấp phân quyền.
Khoản 2 Điều 42	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế 2. Người nộp thuế tự tính số tiền thuế phải nộp, trừ trường hợp việc tính thuế do cơ quan quản lý thuế thực hiện theo quy định của Chính phủ. 3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này. Đánh giá khó khăn vướng mắc: 1. Vướng mắc trong việc xác định khi nào người nộp thuế được xem xét là trường hợp người nộp thuế <u>hạch toán tập trung tại trụ sở chính</u>. Cả văn bản về thuế và kế toán không có định nghĩa cho thuật ngữ này. 2. Hiện văn bản pháp luật về thuế có hướng dẫn cho một số hoạt động, chưa hướng dẫn đối với địa điểm kinh doanh là <u>cơ sở cung cấp dịch vụ, cơ sở thương mại</u>. 3. Các trường hợp được phân bổ thuế TNDN cũng chưa hướng dẫn đủ cho các tình huống người nộp thuế có địa điểm kinh doanh ở địa phương khác là cơ sở <u>cung cấp dịch vụ, cơ sở thương</u>	Đã tiếp thu, tại dự thảo lấy ý kiến kèm theo CV số 7960 đã sửa đổi khoản 3 Điều 42 như sau: <i>“3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại với cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thuộc trường hợp phải phân bổ thuế thì người nộp thuế khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.”</i> Theo đó, đã bỏ quy định về “hạch toán tập trung tại trụ sở chính”, việc kê khai thuế thực hiện theo nguyên tắc chung là khai thuế tại CQT quản lý trực tiếp hoặc CQT quản lý khoản thu. Việc xác định các trường hợp phải phân bổ sẽ được hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính theo hướng thống nhất với quy định về phân bổ thuế tại các Luật thuế.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>mai.</u> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: - PA1: Đề xuất sửa đổi cho phép doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng khai thuế tập trung và nộp thuế phân bổ hoặc nộp tập trung, sau đó cơ quan thuế phân bổ <u>hoặc</u> lựa chọn khai, nộp thuế ở các địa phương trên nguyên tắc phân bổ mà cơ quan thuế quy định để tạo điều kiện cho các DN trong việc tổ chức mô hình SXKD tinh gọn miễn đảm bảo khai đúng đủ nghĩa vụ thuế, không chỉ giới hạn ở một số hoạt động đã được Bộ Tài chính hướng dẫn như hiện nay. - PA2: 1. Đề nghị bổ sung quy định <u>địa điểm kinh doanh ở địa phương khác được áp dụng phân bổ thuế đầy đủ các loại địa điểm kinh doanh đảm bảo quy định của bộ Luật Dân sự, Luật DN; không bị giới hạn một số hoạt động, cơ sở sản xuất như Bộ Tài chính đang hướng dẫn như hiện tại.</u> giao Bộ Tài chính hướng dẫn nguyên tắc và phương pháp lựa chọn tiêu chí phân bổ nghĩa vụ thuế cho các đơn vị phụ thuộc khi thực hiện tính thuế và phân bổ thuế theo quy định tại Điều này. 2. Đề nghị bổ sung quy định thể nào là hạch toán tập trung tại trụ sở chính. Căn cứ, lý do đề xuất: 1. Giảm vướng mắc cho các doanh nghiệp khi thực hiện tính và phân bổ thuế khi quy định chưa đầy đủ các trường hợp hoặc các quy định mang tính nguyên tắc để các doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng Luật có thể thực hiện được. 2. Các hướng dẫn hiện hành tại Thông tư <u>80/2021/TT-BTC</u> và Thông tư 13/2023/TT-BTC.	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 42	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 42. Nguyên tắc khai thuế, tính thuế Định hướng sửa đổi, bổ sung: Nghiên cứu bổ sung quy định tại Điều 42 theo hướng: Đối với các trường hợp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có thời điểm lập hóa đơn khác với thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa, cung cấp dịch vụ thì thời điểm khai thuế, tính thuế được thực hiện theo quy định của Chính phủ. Đề xuất không bổ sung nội dung này do không thuộc nội dung của Luật Quản lý thuế mà thuộc nội dung quy định của các Luật Thuế cụ thể. Nội dung này đã có quy định trong Luật Thuế GTGT, Luật thuế TNDN. Lý do: Nội dung đã được quy định trong Luật Thuế GTGT, Luật thuế TNDN. Do đó không nên bổ sung, tránh chồng chéo và không phù hợp với phạm vi của Luật Quản lý thuế.	Tại bản thuyết minh chính sách kèm theo Công văn số 7960 đã không bổ sung quy định này.
Khoản 3 Điều 42	Đài truyền hình Việt Nam	Khoản 3 Điều 42 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 quy định: “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.” Đề nghị sửa đổi như sau: “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương có thẩm quyền nơi có trụ sở. Trường hợp Người nộp thuế có đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế và hạch toán phụ thuộc, có cùng đơn vị hành chính cấp tỉnh được lựa chọn đăng ký kê khai tập trung, nộp	Tại bản thuyết minh chính sách kèm theo Công văn số 7960 đã đề xuất sửa đổi khoản “3. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế hoặc cơ quan thuế quản lý khoản thu. Người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì thuộc trường hợp phải phân bổ thuế, người nộp thuế khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này”. Cơ quan soạn thảo ghi nhận ý kiến này để trao

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế tại cơ quan thuế địa phương nơi có trụ sở. Trường hợp người nộp thuế hạch toán tập trung tại trụ sở chính, có đơn vị phụ thuộc tại đơn vị hành chính cấp tỉnh khác nơi có trụ sở chính thì người nộp thuế khai thuế tại trụ sở chính và tính thuế, phân bổ nghĩa vụ thuế phải nộp theo từng địa phương nơi được hưởng nguồn thu ngân sách nhà nước. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.” Lý do đề xuất: Việc sửa đổi nhằm tạo thuận lợi cho các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp có mô hình tổ chức gồm các đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế phụ thuộc, hạch toán phụ thuộc, hoạt động theo tính chất chuyên môn hóa (chuyên thu hoặc chuyên chi). Nếu không cho phép kê khai thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong quản lý dòng tiền, hiệu quả sử dụng vốn thấp và phát sinh nhiều thủ tục hoàn thuế phức tạp. Theo Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài THVN, Đài là cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện cơ chế tài chính như doanh nghiệp, có 22 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc. Nguồn thu của Đài chủ yếu tập trung tại Trung tâm Quảng cáo và Khai thác bản quyền, trong khi các đơn vị khác chủ yếu phát sinh chi phí. Đài THVN không có đăng ký kinh doanh do không phải là doanh nghiệp; mã số thuế của Đài là 0101567589 (10 số), còn các đơn vị trực thuộc được cấp mã số thuế phụ thuộc (13 số). Các đơn vị trực thuộc sử dụng tài khoản, con dấu và mã số thuế 13 số để ký kết, thực hiện hợp đồng theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hàng tháng, Đài THVN và các đơn vị trực thuộc tại khu vực Hà Nội thực hiện tổng hợp, kê khai, bù trừ, nộp thuế và hoàn thuế tập trung tại Chi cục Thuế khu vực I theo mã số thuế của Đài (10 số). Việc sửa đổi quy định trên sẽ đảm bảo phù hợp với thực tiễn hoạt động của Đài THVN và các tổ chức tương tự, đồng thời đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý thuế.	đôi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 42	Ủy ban TU MTTQ VN	Tại khoản 4 Điều 42 quy định: <i>“Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính”</i> Đề nghị sửa đổi khoản 4 Điều 42 Luật Quản lý thuế và/hoặc Thông tư 80/2021/TT-BTC theo hướng: Làm rõ phạm vi áp dụng của quy định này đối với các doanh nghiệp nước ngoài hoạt động theo mô hình B2B thuần túy – tức chỉ cung cấp dịch vụ cho doanh nghiệp tại Việt Nam và không có khách hàng cá nhân. Trong trường hợp này, nghĩa vụ thuế sẽ tiếp tục được thực hiện bởi doanh nghiệp Việt Nam sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài, theo đúng quy định hiện hành tại Thông tư 103/2014/TT-BTC. Việc này không chỉ đảm bảo tính hợp lý và hiệu quả trong quản lý thuế mà còn góp phần duy trì môi trường đầu tư minh bạch, ổn định và phù hợp với thông lệ quốc tế, tránh tạo ra các rào cản không cần thiết cho các hoạt động kinh doanh hợp pháp của doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam.	Đã tiếp thu, tại dự thảo lấy ý kiến kèm theo Công văn số 7960 đã sửa đổi quy định tại khoản 4 như sau: <i>“4. Đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác được thực hiện bởi nhà cung cấp ở nước ngoài thì nhà cung cấp ở nước ngoài có nghĩa vụ trực tiếp hoặc ủy quyền thực hiện đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế tại Việt Nam theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính; trừ trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam khấu trừ, nộp thuế thay.”</i> Theo đó, trường hợp nhà cung cấp nước ngoài đã được bên Việt Nam khấu trừ, nộp thuế thay (theo Thông tư 103/2014/TT-BTC) thì tiếp tục thực hiện theo Thông tư 103/2014/TT-BTC.
Điều 43	UBND TP Hà Nội	Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung quy định tại Điều 43 Hồ sơ khai thuế và kỳ tính thuế <i>“1. Kỳ tính thuế bao gồm kỳ tính thuế tháng, kỳ tính thuế quý, kỳ tính thuế năm, kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh và kỳ quyết toán thuế.”</i> Đề nghị bổ sung quy định về việc doanh nghiệp, tổ chức thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch. Lý do: Theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14, thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng: <i>“4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế phải khai quyết toán thuế được quy định như sau:</i> a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính; đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức, cá nhân trả thu nhập

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế có kỳ tính thuế theo năm được quy định như sau: <i>“a) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ quyết toán thuế năm; chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng đầu tiên của năm dương lịch hoặc năm tài chính đối với hồ sơ khai thuế năm;”</i> <i>b) Chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 4 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch đối với hồ sơ quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân trực tiếp quyết toán thuế;”</i> Như vậy, đối với quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân, Luật Quản lý thuế có quy định rõ về việc quyết toán thuế thực hiện theo năm dương lịch, tuy nhiên đối với quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức thì Luật Quản lý thuế quy định theo năm dương lịch hoặc năm tài chính. Tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể về việc tổ chức có bắt buộc thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch hay không. (Trước đây, tại khoản a1 Điều 10 Thông tư 156/2013/TT-BTC có quy định “Kỳ tính thuế năm của thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế. Kỳ tính thuế năm của các loại thuế khác là năm dương lịch”, quy định rõ kỳ tính quyết toán thuế thu nhập cá nhân của tổ chức là năm dương lịch). Việc không có quy định cụ thể tổ chức thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm dương lịch có thể dẫn đến việc một số doanh nghiệp, tổ chức có kỳ tính thuế theo năm tài chính thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân theo năm tài chính. Điều đó dẫn tới vướng mắc: nếu tổ chức quyết toán theo năm tài chính, dữ liệu thu nhập cá nhân theo năm dương lịch trên hệ	<u><i>thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế chậm nhất là ngày cuối cùng của tháng thứ 3 kể từ ngày kết thúc năm dương lịch”.</i></u>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thống cơ quan thuế sẽ không chính xác, đầy đủ.	
Khoản 3 Điều 44	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế 3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Đối với người nộp thuế phát sinh nhiều giao dịch với nhà thầu nước ngoài làm tăng thủ tục hành chính thuế mà bản chất của các khoản thuế phải tính, khai là thuế GTGT, TNDN, TNCN. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Áp dụng thời hạn khai <u>thuế NTNN</u> cùng thời hạn của khoản thuế GTGT (tháng), TNDN, TNCN (tạm nộp hàng quý và quyết toán năm do còn phát sinh các khoản CLTG trong thanh toán). Cho phép doanh nghiệp khai 1 lần cho tất cả các nhà thầu phát sinh trong kỳ tính thuế; hồ sơ khai thuế là bảng tổng hợp giao dịch và các khoản thuế phát sinh từ giao dịch trong kỳ. Lý do: Giảm bớt thủ tục hành chính cho người nộp thuế, vẫn đảm bảo các khoản thuế được thu đúng kỳ theo quy định chung.	Luật chỉ quy định mang tính nguyên tắc. Tại điểm n khoản 4 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP đã quy định thuế nhà thầu là loại khai theo lần phát sinh nhưng trường hợp bên Việt Nam thanh toán tiền cho nhà thầu nước ngoài nhiều lần trong tháng thì được khai theo tháng thay cho việc khai theo từng lần phát sinh. Quy định hiện hành cũng đã cho phép doanh nghiệp được khai 1 lần cho tất cả các nhà thầu (thể hiện tại mẫu biểu tờ khai).
khoản 3 Điều 44	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế.” - Đề xuất sửa đổi: “3. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế. Đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>phát sinh nghĩa vụ thuế</i>”. Để phù hợp với các qui định sau: + Căn cứ Điều 133 Luật Đất đai năm 2024 qui định thời hạn nộp sơ đăng ký biến động về đất đai đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; góp vốn bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất là 30 ngày kể từ ngày có biến động. + Căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định thời hạn nộp sơ kê khai lệ phí trước bạ cùng với thời hạn nộp hồ sơ đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. + Tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân quy định: <i>"3. Thời điểm tính thuế từ chuyển nhượng bất động sản được xác định như sau:</i> <i>- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì thời điểm tính thuế là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực theo quy định của pháp luật;</i> <i>- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng có thỏa thuận bên mua là người nộp thuế thay cho bên bán thì thời điểm tính thuế là thời điểm làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng bất động sản.</i> <i>- Trường hợp cá nhân nhận chuyển nhượng nhà ở hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất gắn với công trình xây dựng tương lai là thời điểm cá nhân nộp hồ sơ khai thuế với cơ quan</i>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		thuế.”. Thực tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình xử lý hồ sơ kê khai thuế, lệ phí trước bạ của hoạt động chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì có sự không thống nhất giữa các quy định về thời điểm tính thuế theo khoản 3 Điều 44 Luật Quản lý thuế và thời điểm nộp sơ đăng ký biến động về đất đai theo Luật Đất đai và lệ phí trước bạ. Đối với những hồ sơ thời hạn theo quy định theo Luật Quản lý thuế là 10 ngày từ ngày hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực, nhưng thời điểm đăng ký hồ sơ biến động đất đai là 30 ngày thì khi người nộp thuế đến thực hiện nghĩa vụ thuế theo Luật Đất đai, cơ quan thuế sẽ xử phạt vi phạm hành chính về trễ hạn. Điều này luôn gặp phải sự phản ứng gắt gao của người nộp thuế. Do đó, Thuế Thành phố đề xuất sửa đổi: đối với hoạt động chuyển nhượng, thừa kế, nhận tặng cho bất động sản (nhà, đất) thì thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế chậm nhất là ngày thứ 30 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế để thống nhất giữa các quy định.	
Khoản 4 Điều 44	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 4 Điều 44 - Nội dung hiện tại: “Điều 44. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế 4. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế đối với trường hợp chấm dứt hoạt động, <u>chấm dứt hợp đồng</u> hoặc tổ chức lại doanh nghiệp chậm nhất là ngày thứ 45 kể từ ngày xảy ra sự kiện.” - Góp ý: Đề nghị quy định khi khai thuế nhà thầu với hợp đồng chỉ quy định một lần thanh toán hoặc với từng lần đặt hàng/đặt dịch vụ của một hợp đồng nguyên tắc thì chỉ cần khai thuế khi phát sinh mà không cần phải khai quyết toán thuế (hoặc cho phép khai thuế đồng thời với khai quyết toán thuế trên cùng một tờ khai).	Ghi nhận để sửa đổi khoản 4 Điều 44 cho phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- <i>Căn cứ góp ý:</i> Theo quy định tại Nghị định 126/2020/NĐ-CP, phải khai thuế và khai quyết toán thuế đối với thuế nhà thầu bằng 2 tờ khai khác nhau. Điều này làm tăng thủ tục hành chính không cần thiết cho doanh nghiệp (đặc biệt với các hợp đồng chỉ phát sinh một lần thanh toán duy nhất).	
Điều 45	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Điều 45. Nơi nộp hồ sơ khai thuế Tại dự thảo chưa quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với dự án đầu tư của các hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí. Trên thực tế tại địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh có vướng mắc trường hợp Văn phòng điều hành tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng địa điểm thực hiện dự án là ngoài khơi lãnh thổ Việt Nam không có địa giới hành chính cụ thể dẫn đến cơ quan thuế còn lúng túng trong công tác quản lý thuế và thực hiện hoàn thuế GTGT cho đối tượng này. Kiến nghị: Bổ sung thêm quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với dự án đầu tư của các hợp đồng thăm dò khai thác dầu khí thực hiện ngoài khơi lãnh thổ Việt Nam không có địa giới hành chính nêu trên.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 4 Điều 45	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 45. Địa điểm nộp hồ sơ khai thuế 1. Người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế tại cơ quan thuế quản lý trực tiếp. 4. Chính phủ quy định địa điểm nộp hồ sơ khai thuế đối với các trường hợp sau đây: b) Người nộp thuế thực hiện hoạt động sản xuất, kinh doanh ở nhiều địa bàn; người nộp thuế có phát sinh nghĩa vụ thuế đối với các loại thuế khai và nộp theo từng lần phát sinh; ...	- Ý 1, 2: Để thực hiện chủ trương phân cấp phân quyền, dự kiến khoản 4 Điều 45 sẽ sửa đổi theo hướng giao Bộ Tài chính quy định chi tiết điều này và các trường hợp cần thiết. - Ý 3: Theo quy định hiện hành, số lượng Thuế tỉnh, thành phố đã tương đương với số lượng tỉnh, thành phố (34 đơn vị).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đ) Người nộp thuế thực hiện khai thuế thông qua giao dịch điện tử và các trường hợp cần thiết khác. Định hướng sửa đổi, bổ sung: Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Điều 45 để có cơ sở pháp lý về việc kê khai, nộp thuế đối với trường hợp người nộp thuế có đơn vị phụ thuộc sản xuất, kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cùng nơi người nộp thuế có trụ sở chính. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: - Hiện chưa có quy định cụ thể về sử dụng Hóa đơn trường hợp đơn vị phụ thuộc kê khai thuế chung với Tập đoàn, nên có quan điểm khác nhau ngay cả trong Cơ quan thuế về việc sử dụng hóa đơn, kê khai thuế, khấu trừ thuế GTGT. - Việc thay đổi mô hình dẫn tới dự kiến có hơn 30 tỉnh thành phố nhưng có 20 chi cục thuế khu vực => Xuất hiện Chi nhánh phụ thuộc khác địa bàn nhưng cùng Cơ quan thuế quản lý với trụ sở chính, trong khi chưa có quy định về việc Chi nhánh phụ thuộc này được kê khai cùng với Trụ sở chính. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: - Đề xuất Quy định rõ đơn vị phụ thuộc cùng địa bàn với Trụ sở chính thì Kê khai qua trụ sở chính, <u>trường hợp có nhu cầu kê khai riêng</u> thì đăng ký kê khai riêng (Như thông tư 156/2013/TT-BTC) do các đơn vị phụ thuộc chỉ thực hiện 1 phần chức năng kinh doanh của trụ sở chính nên không đảm bảo hạch toán đầy đủ thuế GTGT đầu vào, đầu ra phát sinh. - Đề xuất Quy định cụ thể về việc <u>sử dụng Hóa đơn đối với trường hợp các Chi nhánh phụ thuộc kê khai cùng Trụ sở chính</u>. - Đề xuất Quy định cụ thể trường hợp <u>Chi nhánh không cùng địa bàn với Trụ sở chính</u> nhưng vẫn cùng Cơ quan thuế quản lý do chỉ có 20 Chi cục thuế Khu vực nhưng dự kiến có hơn 30	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		tỉnh/TP. Lý do đề xuất: - Thông tư 156/2013 trước đây Quy định Chi nhánh phụ thuộc cùng địa bàn kê khai thuế chung với Trụ sở chính, nếu có nhu cầu kê khai riêng phải đăng ký riêng và Sử dụng hóa đơn riêng: Hiện nay Nghị định 123/2020, 126/2020; Thông tư 78/2021, 80/2021 không quy định cụ thể dẫn tới khác biệt quan điểm về sử dụng hóa đơn. - Theo Mô hình tổ chức mới, Cơ quan thuế có 20 Chi cục thuế Khu vực, tuy nhiên số lượng Tỉnh/TP sau khi Sáp nhập dự kiến trên 30 tỉnh => Người nộp thuế có hoạt động kinh doanh tại 30 tỉnh nên Người nộp thuế không cùng địa bàn cấp tỉnh nhưng vẫn cùng Cơ quan quản lý thuế với Trụ sở chính.	
Khoản 2 Điều 46	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 46. Gia hạn nộp hồ sơ khai thuế 2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; 60 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Một số trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng mà thời gian trở lại trạng thái bình thường dài hơn 30 ngày hoặc 60 ngày. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề nghị bổ sung vào khoản này nguyên tắc cho phép Chính phủ, Bộ Tài chính quyết định thời gian gia hạn trong một số trường hợp đảm bảo thời gian cần thiết, hợp lý để người nộp thuế có thể thực hiện được quy định về thời hạn nộp hồ sơ.	Tiếp thu, sửa đổi khoản 2 Điều 46 như sau: <i>“2. Thời gian gia hạn không quá 30 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai thuế tháng, khai thuế quý, khai thuế năm, khai thuế theo từng lần phát sinh nghĩa vụ thuế; 60 ngày đối với việc nộp hồ sơ khai quyết toán thuế kể từ ngày hết thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế. Trong trường hợp đặc biệt, giao Chính phủ quyết định về việc kéo dài thời gian gia hạn.</i>”
Điều 47	Ngân hàng TMCP	1. Về Điều 47	Ghi nhận các ý kiến góp ý để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Ngoại thương VN	- Nội dung dự thảo Điều 47. Khai bổ sung hồ sơ khai thuế 1. NNT phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây: a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan điều tra, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra, điều tra. ...c) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra. d) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ điều tra vụ án hình sự của cơ quan điều tra nhưng đã được cơ quan điều tra xác định lỗi vi phạm không do người nộp thuế.” - Góp ý 1: Đề nghị sửa công bố “quyết định điều tra” tại điểm a thành “quyết định khởi tố bị can là người nộp thuế”. Căn cứ góp ý: Tại thời điểm công bố quyết định điều tra, mới chỉ có đối tượng bị điều tra trên cơ sở dấu hiệu vi phạm mà chưa xác định được hành vi phạm tội cụ thể. Đặc biệt, đối với điều tra về hóa đơn không hợp pháp, đối tượng bị điều tra chính là bên bán và tại thời điểm ban hành quyết định điều tra chưa xác định được các bên mua cụ thể của bên bán có thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, việc không cho phép khai bổ sung tại thời điểm này là chưa phù hợp. - Góp ý 2: Đề nghị bổ sung địa điểm công bố vào cuối điểm a: “a) ... tại trụ sở của người nộp thuế”. Căn cứ góp ý: Bổ sung để làm rõ địa điểm công bố. Nếu không công bố tại trụ sở của NNT thì NNT sẽ không có thông tin để xem xét việc khai bổ sung.	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		- Góp ý 3: Đề nghị bổ sung vào điểm c và d quy định “Trường hợp cơ quan điều tra không đưa ra được kết luận điều tra trong vòng 06 tháng kể từ ngày ban hành quyết định điều tra, người nộp thuế không phải là đối tượng bị điều tra chính trong vụ án được tiếp tục khai bổ sung”. <i>Căn cứ góp ý:</i> Trong một số vụ việc, thời gian điều tra có thể kéo dài. Việc này có thể ảnh hưởng đến quyền lợi của NNT trong kê khai bổ sung các nội dung không liên quan đến vụ án. Do đó, cần thiết phải giới hạn thời gian tối đa của việc hạn chế kê khai bổ sung.	
Khoản 1 Điều 47	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 47. Kê khai bổ sung 1. Người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong trường hợp sau đây: a) Trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra; b) Hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế. Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Luật Quản lý thuế và Luật 56/2024 sửa đổi các luật chỉ cho phép kê khai bổ sung trong trường hợp chưa có quyết định Thanh kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền. Thực tế có trường hợp đã có kết luận của Cơ quan có thẩm quyền nhưng Cơ quan thanh kiểm tra khác khi kiểm tra ở kỳ khác lại có kết luận dẫn tới ảnh hưởng tới số liệu xác định nghĩa vụ thuế tại kỳ đã có kết luận.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật Nghị định cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Đề nghị bổ sung nội dung Người nộp thuế <u>được kê khai bổ sung các kỳ đã thanh kiểm tra</u> trong trường hợp Cơ quan thanh kiểm tra khác kiểm tra kỳ khác nhưng dẫn đến thay đổi cơ sở tính thuế của Kỳ đã có kết luận thanh kiểm tra. Lý do đề xuất: Do cơ quan có thẩm quyền kết luận kỳ khác dẫn tới thay đổi cơ sở tính thuế của kỳ đã có kết luận kiểm tra. Người nộp thuế phải tính lại nghĩa vụ thuế của kỳ này. Ví dụ: DN đã có Kiểm toán Nhà nước giai đoạn 2021-2023. Sau đó có đoàn Thanh tra khác kiểm tra giai đoạn 2016-2020 có nội dung kết luận của kỳ kiểm tra nhưng đồng thời dẫn tới số liệu 2021-2023 bị thay đổi theo => Cơ sở tính thuế của năm 2021-2023 đã thay đổi => DN cần được quyền Kê khai bổ sung giai đoạn 2021-2023.	
Khoản 1, Điều 56,	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại điểm h khoản 1 Điều 56. Hình thức nộp thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu - Dự thảo: <i>“1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo các hình thức sau đây:</i> <i>h) Nộp trực tiếp tại cơ quan quản lý thuế, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.”</i> - Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“1. Người nộp thuế nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo các hình thức sau đây:</i> <i>h) <u>Nộp thông qua tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán.</u>”</i> Lý do: Hiện nay đang thực hiện thông qua môi trường điện tử, cơ quan thuế không tổ chức bộ phận quản lý thu.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 1 và khoản 2, Điều 57	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 57. Thứ tự thanh toán tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu - Dự thảo: <i>“1. Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.</i> <i>2. Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh khoản phải nộp.</i> <i>Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này.”</i> - Đề xuất: + Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 57 như sau: <i>“1) Người nộp thuế phải thực hiện nộp các khoản tiền thuế nợ thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp cưỡng chế theo thời hạn trước, sau trước khi thực hiện theo thứ tự quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này.”</i> + Sửa đổi khoản 2 Điều 57 như sau: <i>“2) Người nộp thuế được lựa chọn thanh toán cho khoản nộp (tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu) đã có mã định danh phải nộp.</i> <i>Đối với các khoản nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin mã định danh khoản phải nộp, người nộp thuế</i>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng NNT có quyền lựa chọn các khoản phải nộp phù hợp với mã ID. Tại khoản 3 Điều 56 dự thảo hoàn thiện sau hội nghị miền Nam (VB TGYK số 848 ngày 06/6/2025 của Ban NVT) đã điều chỉnh lại theo hướng: <i>“3. Người nộp thuế thực hiện nộp thuế theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp. Trường hợp chưa hoặc không có mã định danh khoản phải nộp thì người nộp thuế xác định thông tin để lập chứng từ nộp thuế”.</i>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phải thực hiện nộp theo đúng mã định danh khoản phải nộp do cơ quan quản lý thuế cung cấp và không được thực hiện nộp theo các khoản nêu tại khoản 3 Điều này. Lý do: Người nộp thuế có quyền lựa chọn các khoản phải nộp phù hợp với mã ID và thứ tự thanh toán trước, sau.	
Khoản 1 Điều 59	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại điểm a khoản 1 Điều 59 “a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn tiền thuế nợ, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;”. Đề xuất bổ sung: “a) Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế hoặc các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu (trừ tiền chậm nộp) so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định ấn định thuế hoặc quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế;”. Lý do: Theo quy định hiện nay tại khoản 2 Điều 3 Luật quản lý thuế thì “Tiền chậm nộp” là một “khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu”, nên nếu bổ sung điểm a khoản 1 Điều 59 để bao quát tiền thuế nợ gồm thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu như định hướng tại đề cương thì “tiền chậm nộp” nếu chưa nộp thì sẽ tiếp tục bị tính tiền chậm nộp. Việc tiếp tục tính tiền chậm nộp trên chính khoản tiền chậm nộp chưa phù hợp với bản chất của khoản thu này và có thể dẫn đến việc xử lý lặp lại đối với một hành vi vi phạm, chưa bảo đảm	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		nguyên tắc công bằng trong quản lý thuế. Vì vậy, Thuế Thành phố kiến nghị tổ soạn thảo bổ sung quy định theo hướng: không tính tiền chậm nộp đối với chính số tiền chậm nộp mà người nộp thuế chưa nộp, nhằm bảo đảm tính minh bạch, hợp lý và đúng bản chất pháp lý của khoản thu này.	
Khoản 1 Điều 59	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế 1. Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp bao gồm: b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu; Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Chưa quy định cụ thể trường hợp nộp thừa thì không tính tiền chậm nộp. Hệ thống quản lý thuế đang mặc định tính dựa trên số kê khai bổ sung. Đề xuất bổ sung thêm nội dung: "<u>Trừ trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa và nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối với kỳ khai bổ sung</u>". Theo đó nội dung được sửa thành: b) Người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế làm tăng số tiền thuế phải nộp hoặc cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra phát hiện khai thiếu số tiền thuế phải nộp thì phải nộp tiền chậm nộp đối với số tiền thuế phải nộp tăng thêm kể từ ngày kế tiếp ngày cuối cùng thời hạn nộp thuế của kỳ tính thuế có sai, sót hoặc kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế của tờ khai hải quan ban đầu; <u>trừ trường hợp Người nộp thuế đang có số dư nộp thừa và nhiều hơn số thuế kê khai bổ sung, số thuế tăng thêm đối với kỳ khai bổ</u>	Tại điểm d khoản 5 Điều 59 Dự thảo Luật thay thế đã quy định; <i>"5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:</i> <i>d) Không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 60 Luật này."</i> Như vậy, đã có quy định trường hợp NNT có khoản nộp thừa được bù trừ với khoản phải nộp tăng thêm do kê khai hoặc do thanh tra, kiểm tra thì NNT không bị tính tiền chậm nộp trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>sung</u>" Lý do đề xuất: Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế thực thiếu. Trường hợp kê khai bổ sung hoặc thực hiện theo kết luận của cơ quan thanh kiểm tra nhưng <i>số kê khai bổ sung, số tăng thêm</i> theo kết luận thanh kiểm tra <i>vẫn ít hơn số thuế còn thừa</i> thì không phát sinh tiền chậm nộp.	
Khoản 5, Điều 59,	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 59. Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế 5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây: a) Người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư ... b) Các trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều 55 của Luật này thì không tính tiền chậm nộp ... trị giá hải quan. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Tiền chậm nộp chỉ được tính trên số tiền thuế thực tế còn thiếu. Thực tế có trường hợp Doanh nghiệp Còn có số nợ thừa Đề xuất bổ sung nội dung không tính tiền chậm nộp trong trường hợp "Người nộp thuế đang có số dư nợ thừa" vào khoản 5: "5. Không tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây: ... c) <u>Người nộp thuế đang có số dư nợ thừa.</u> Lý do đề xuất: Thực tế tiền chậm nộp chỉ được tính trên số thuế thực thiếu.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng: không tính tiền chậm nộp tương ứng với khoản tiền bù trừ trong khoảng thời gian từ ngày phát sinh số tiền thuế nộp thừa đến ngày cơ quan quản lý thuế thực hiện bù trừ theo quy định tại Điều 60.
Khoản 6, Điều 59	Bộ VH, TT và DL	Đề nghị bổ sung đánh giá chính sách để sửa đổi, bổ sung Khoản 6, Điều 59 về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, thành: "Chưa tính tiền chậm nộp trong các trường hợp sau đây:	- Điểm a khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật thay thế quy định: <i>"Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra</i>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Chưa tính tiền chậm nộp trong thời gian người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh căn cứ dẫn đến phát sinh nợ thuế và chưa có kết quả xác minh”. Lý do: Trên thực tế, có trường hợp cơ quan thanh tra ban hành Kết luận thanh tra với nội dung yêu cầu đơn vị sự nghiệp phải nộp thuế (tiền thuê đất). Do còn có các ý kiến khác nhau giữa cơ quan thanh tra và các cơ quan quản lý chuyên ngành về đất đai và tài chính nên người có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu chuyển cơ quan công an để xác minh. Tuy nhiên, trong thời gian chưa có kết quả xác minh, do không được khoanh tiền nợ thuế nên cơ quan thuế vẫn tính tiền chậm nộp dẫn đến số tiền chậm nộp và tổng nợ thuế ngày càng tăng đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế về hóa đơn, trích nộp đã dẫn tới số tiền quá lớn, vượt quá khả năng nộp của đơn vị, dẫn đến những tồn đọng, vướng mắc không thể giải quyết được.	<i>nhà nước</i> <i>...2... Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;”</i> - Điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: <i>“Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại</i> <i>2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây:</i> <i>c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;”</i> - Điều 35 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: <i>“Điều 35. Áp dụng biện pháp khẩn cấp</i> <i>Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó.”</i> Căn cứ các quy định nêu trên, trong thời gian khiếu nại về số tiền thuế phải nộp theo kết luận của cơ quan Thanh tra nhà nước thì NNT vẫn phải nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ thi

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành. Cơ quan thuế không có thẩm quyền tạm đình chỉ thi hành quyết định hành chính của cơ quan Thanh tra nhà nước. Nội dung đề xuất của Bộ VH, TT và DL không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quản lý thuế.
Điều 60	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa Định hướng sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo Luật: -Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 3 và khoản 5 Điều 60 để đảm bảo ngày phát sinh khoản nộp thừa theo đúng thực tế phát sinh và bổ sung giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết <i>ngày phát sinh khoản nộp thừa.</i> -.... Nghiên cứu sửa đổi quy định về xử lý <i>bù trừ giữa khoản nộp thừa với khoản phải nộp</i> giữa các tiểu mục, giữa các địa bàn với nhau mà không phải thực hiện qua thủ tục hoàn thuế tại Điều 60 Luật Quản lý thuế. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Dự thảo quy định về thuế tối thiểu toàn cầu mới còn một số bất cập, chưa đồng bộ với các quy định về thuế TNDN. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: - Nhất trí nội dung định hướng sửa đổi quy định cho phép xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp của cùng 1 DN (<i>theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế</i>), không phân biệt số nộp thừa của từng sắc thuế, từng loại phí, lệ phí hay các khoản phải nộp NSNN khác. Điều này tạo thuận lợi cho DN cũng như thuận lợi cho CQ QLT không phải tổ chức theo dõi riêng số dư tiền nộp thừa của từng loại thuế/khoản phải thu. - Đề xuất bổ sung thêm quy định liên quan đến <u>thuế Tối thiểu</u>	- Đối với đề xuất (1), (2): Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng NNT được bù trừ nộp thừa theo mã định danh khoản phải nộp trước thời gian chỉnh lý quyết toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc được đề nghị hoàn trả số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa để đảm bảo nguyên tắc NNT tự khai, tự nộp, tự chịu trách nhiệm, thống nhất về nghĩa vụ theo dõi. Theo đó, NNT được chủ động lựa chọn bù trừ các loại thuế nộp thừa, phải nộp (bao gồm cả thuế TNDN tối thiểu toàn cầu). - Đối với đề xuất (3): Thuế tối thiểu toàn cầu là nghĩa vụ thuế xác định trên một nhóm đơn vị hợp thành trong Tập đoàn. Bên cạnh đó, mỗi Tập đoàn có đặc điểm hoạt động khác nhau nên việc quy định 01 tiêu thức phân bổ chung áp dụng cho tất cả Tập đoàn có thể gây vướng mắc trong quá trình thực hiện, không phù hợp với đặc điểm thực tế của Tập đoàn. Do vậy, dự thảo Nghị định hướng dẫn Nghị quyết số 107/2023/QH15 ngày 29/11/2023 về thuế thu nhập bổ sung chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu đang cho phép Tập đoàn chủ động quyết

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<u>toàn cầu</u> như sau: (1) Với các khoản thu nhập nhận được từ nước ngoài, cho phép bù trừ thuế TNDN đã nộp bổ sung <u>theo quy định về thuế TNDN</u> với thuế TNDN phải nộp bổ sung <u>theo quy định của thuế Tối thiểu toàn cầu</u>. (2) Cho phép bù trừ thuế TNDN nộp thừa với thuế Tối thiểu toàn cầu phải nộp (nếu có). (3) Bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế. Lý do đề xuất: - Việc cho phép xử lý bù trừ giữa các khoản nộp thừa với các khoản phải nộp với tất cả các loại thuế, tất cả các địa bàn của cùng 1 DN (tức là theo đầu mỗi cùng một Mã số thuế) là phù hợp với xu hướng quản lý thuế hiện đại ở nhiều quốc gia trên thế giới. - Đề xuất về thuế Tối thiểu toàn cầu xuất phát từ các lý do sau đây: (1) Cho phép bù trừ thuế TNDN đã nộp bổ sung theo quy định về thuế TNDN với thuế TND phải nộp bổ sung theo quy định của thuế Tối thiểu toàn cầu. Lý do: để tránh việc tính thuế 2 lần cho 1 khoản thu nhập do các quy định cách tính thuế khác nhau của các quy định về thuế TNDN và quy định về thuế tối thiểu toàn cầu. Theo quy định hiện hành của Thông tư 96/2015/TT-BTC, DN đã nộp bổ sung phần thuế TNDN do chênh lệch thuế suất tại nước ngoài thấp hơn mức thuế suất 20% theo quy định của Việt Nam. (2) Cho phép bù trừ thuế TNDN nộp thừa với thuế Tối thiểu	định tiêu thức phân bổ số thuế phải nộp cho các đơn vị hợp thành.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>toàn cầu phải nộp (nếu có).</i> Lý do: Bản chất đây cùng là thuế TNDN, chỉ khác nhau về cách tính lại thuế suất thực tế của thuế TNDN. <i>(3) Bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu cho các đơn vị hợp thành tại Việt Nam, đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.</i> Lý do: (i) Tại Điều 4 "Nguyên tắc áp dụng QDMTT" dự thảo Nghị định hướng dẫn chi tiết về thuế tối thiểu toàn cầu tại văn bản số 12367/BTC-TCT ngày 12/11/2024 của Bộ Tài chính có quy định: "<i>Tập đoàn đa quốc gia có các đơn vị hợp thành thuộc đối tượng áp dụng QDMTT tự quyết định việc phân bổ thuế bổ sung phải nộp theo QDMTT giữa các đơn vị hợp thành tại Việt Nam và kê khai thông tin số thuế phân bổ tại Tờ khai ...</i>" DN tự quyết định phân bổ thuế tối thiểu toàn cầu nộp bổ sung là chưa hợp lý do việc kê khai được tổng hợp trên cơ sở số liệu của các đơn vị hợp thành, <u><i>có đơn vị lãi, đơn vị lỗ</i></u>, các đơn vị hợp thành có cơ sở tính thuế khác nhau, không thể chuyển thuế phải nộp bổ sung giữa pháp nhân này sang pháp nhân khác.(ii) Cần thiết bổ sung nguyên tắc phân bổ thuế nộp bổ sung theo quy định thuế tối thiểu toàn cầu để đảm bảo bao quát hết các loại thuế và đảm bảo đồng nhất với quan điểm quản lý, nguyên tắc phân bổ thuế TNDN và các loại thuế khác trong Luật Quản lý thuế.	
Điều 60	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 60. Xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa Định hướng sửa đổi, bổ sung về hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu: Nghiên cứu bổ sung quy định <i>cơ quan hải quan không hoàn trả tiền thừa</i> đối với trường hợp người nộp thuế <i>nộp thừa tiền thuế GTGT cho cơ quan hải quan khi nhập khẩu hàng hóa nhưng</i>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật (điểm d khoản 3 Điều 60).

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người nộp thuế đã kê khai khấu trừ với cơ quan thuế nơi quản lý doanh nghiệp tại khoản 3 Điều 60. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu đã khấu trừ là không cần thiết, tăng thêm công việc cho cơ quan thuế lẫn người nộp thuế trong khi người nộp thuế không được gì và phát sinh thêm tiền chậm nộp do giảm khấu trừ với số thuế được hoàn. Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Nhất trí với nội dung định hướng sửa đổi: Không hoàn thuế GTGT đối với trường hợp thuế GTGT hàng nhập khẩu đã được khấu trừ vào tờ khai thuế GTGT nội địa. Lý do: Việc không hoàn thuế GTGT hàng nhập khẩu đã nộp thừa khi thuế này đã được khấu trừ vào tờ khai thuế GTGT nội địa sẽ làm giảm bớt thủ tục hoàn thuế, doanh nghiệp không phải điều chỉnh khấu trừ thuế GTGT tại kỳ phát sinh và không bị phát sinh tiền chậm nộp do giảm khấu trừ với số thuế được hoàn.	
khoản 2 Điều 66	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại khoản 2 Điều 66 <i>“2. Cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh về việc tạm hoãn xuất cảnh đối với về cá nhân, người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này”</i> Đề xuất: Cần luật hóa cụ thể trách nhiệm tiếp nhận, xử lý của các cơ quan liên quan việc kết nối liên thông điện tử trong ban hành Thông báo tạm hoãn xuất cảnh. Vì thực tế hiện nay, cơ quan thuế vẫn phải ban hành Thông báo giấy để gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh gây mất thời gian, tăng thủ tục hành chính và chưa tận dụng hết tiềm năng khai thác về chuyển đổi số.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 2 Điều 66	Bộ KH&CN	Để phân định rõ thẩm quyền của cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như sau: - Đề nghị bổ sung thêm khoản 2 Điều 66 về Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp xuất cảnh, như sau: “Cơ quan quản lý thuế và cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc NSNN có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý xuất cảnh, nhập cảnh về cá nhân, người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều này” .	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật (tại khoản 2 Điều 66).
Khoản 3, Điều 69; Khoản 2, Điều 85	UBND tỉnh Thái Bình	2. Giữ nguyên cụm từ “mất tích” in đậm sau tại khoản 3 Điều 69, đồng thời bổ sung cụm từ “mất tích” tại khoản 2 Điều 85: <i>“Điều 69. Hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong trường hợp người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.</i> 3. Trường hợp Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố một người là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì số nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đã xóa theo quy định tại Điều 85 của Luật này được phục hồi lại, nhưng không bị tính tiền chậm nộp cho thời gian bị tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự.” <i>“Điều 85. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt</i> 2. Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ”. Lý do: Tại Bộ Luật Dân sự có quy định các nội dung liên quan đến Tuyên bố mất tích, Quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích, Hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích. Nên cần xác định rõ	Căn cứ quy định tại Bộ Luật dân sự năm 2015: Điều 68 (về Tuyên bố mất tích), Điều 69 (về Quản lý tài sản của người bị tuyên bố mất tích), Điều 70 (về Hủy bỏ quyết định tuyên bố mất tích), Điều 71 (về Tuyên bố chết), người bị tuyên bố mất tích chưa được coi là đã chết. Trong thời gian mất tích, người đó có thể trở về và được xác minh còn sống. Mặt khác, theo Điều 66 Bộ luật dân sự thì người quản lý tài sản của người mất tích vẫn phải thực hiện thanh toán nợ và nghĩa vụ tài chính khác của người mất tích bằng tài sản của người mất tích. Đối với cá nhân bị Tòa án tuyên bố là mất tích thì tại Điều 83 Luật QLT có quy định về việc khoan nợ đối với trường hợp này. Trường hợp cá nhân bị mất tích sau đó bị tuyên bố là đã chết thì khi đó cá nhân mới thuộc trường hợp được xóa nợ. Do đó, việc bổ sung trường hợp mất tích vào các trường hợp được xóa nợ tại Điều 85 là không

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoàn thành nghĩa vụ thuế và bổ sung trường hợp Mất tích tại Điều 85 để phù hợp với quy định tại Bộ Luật Dân sự.	phù hợp.
Khoản 1, Điều 72	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại điểm a khoản 1 Điều 72. Trách nhiệm tiếp nhận, giải quyết và phản hồi thông tin hồ sơ hoàn thuế - Dự thảo: <i>“Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế.”</i> - Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“Cơ quan thuế quản lý khoản thu ngân sách nhà nước tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ hoàn trả tiền nộp thừa; trường hợp hoàn trả tiền nộp thừa theo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp của tổ chức, quyết toán thuế thu nhập cá nhân của cá nhân thì <u>cơ quan thuế nơi người nộp thuế nộp hồ sơ quyết toán thuế theo quy định thực hiện tiếp nhận, phân loại và giải quyết hồ sơ quyết toán thuế.</u>”</i> - Lý do: Điều này làm tăng trách nhiệm của cá nhân phải nộp hồ sơ quyết toán thuế đúng cơ quan thuế để được hoàn thuế. Ngoài ra, cá nhân có thể nộp hồ sơ quyết toán thuế tại cơ quan thuế theo từng trường hợp cụ thể tạo sự thuận lợi cho các cá nhân không còn sinh sống và làm việc tại nơi đăng ký mã số thuế trước đó.	Tiếp thu vì đây là nội dung đã được sửa tại Luật số 56/2024/QH15.
Điểm c khoản 2 Điều 73	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Tại điểm c khoản 2 Điều 73. Phân loại hồ sơ hoàn thuế: <i>“c) Hồ sơ hoàn thuế của tổ chức giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động, chấm dứt hợp đồng nhà thầu nước ngoài, chấm dứt</i>	Tiếp thu để thống nhất quy định tại điểm g Điều 110.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>hợp đồng, hiệp định dầu khí;”</i> Đề nghị bổ sung thêm trường hợp “<i>Chuyển địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố</i>”. Lý do: trên thực tế phát sinh hoàn thuế nộp thừa khi đơn vị chuyển địa điểm kinh doanh và để phù hợp với quy định về các trường hợp kiểm tra thuế tại trụ sở NNT nêu tại điểm g Điều 110.	
khoản 2 Điều 73	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại điểm b khoản 2 Điều 73 “2. Hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thuộc thẩm quyền của cơ quan thuế thực hiện, bao gồm: b) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế <u>thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế</u>. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế;” - Đề xuất sửa đổi bổ sung: “b) Hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trong thời hạn 02 năm kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế. Trường hợp người nộp thuế có nhiều lần đề nghị hoàn thuế	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		trong thời hạn 02 năm, nếu trong lần đề nghị hoàn thuế đầu tiên tính từ sau thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế, cơ quan thuế kiểm tra hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không có hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn quy định tại Điều 142 Luật Quản lý thuế, hoặc hành vi trốn thuế quy định tại Điều 143 Luật Quản lý thuế <u>thì những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế không thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo quy định tại điểm này</u>. Trường hợp phát hiện những lần đề nghị hoàn thuế tiếp theo, người nộp thuế có hành vi khai sai đối với hồ sơ hoàn thuế, hành vi trốn thuế quy định tại Điều 142, Điều 143 Luật Quản lý thuế thì hồ sơ đề nghị hoàn thuế vẫn thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế theo đúng thời hạn 02 năm, kể từ thời điểm bị xử lý về hành vi trốn thuế;”. Lý do: Khi người nộp thuế không có hành vi khai sai theo quy định tại điều này thì sẽ được phân loại tự động theo hệ thống quản lý rủi ro, để đảm bảo những trường hợp hồ sơ thuộc diện rủi ro theo các tiêu chí đánh giá tự động thì sẽ được phân loại kiểm tra trước hoàn thuế sau.	
Khoản 1 Điều 75	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Tại khoản 1 Điều 75 quy định thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế: “... Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.” Đề nghị quy định rõ trường hợp cơ quan Thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì NNT phải khai bổ sung lại tờ khai (để tiếp tục chuyển khấu trừ và đề nghị hoàn cho kỳ sau), hay là số thuế phát sinh kỳ đề nghị hoàn đó không được hoàn vĩnh viễn, tránh vướng mắc khi áp dụng trong thực tế.	Ghi nhận ý kiến này để nghiên cứu khi hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Tài chính.
Khoản 1 Điều 75,	UBND	Tại khoản 1 Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	- Dự thảo: <i>“Trường hợp hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan thuế căn cứ cơ sở dữ liệu về quản lý thuế, cơ sở dữ liệu về hóa đơn để tự động xác định, phân loại mức độ rủi ro cao của chuỗi mua bán liên quan đến hàng hóa, dịch vụ của cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế thì cơ quan thuế ban hành Thông báo chưa đủ điều kiện hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế đối với số tiền thuế có rủi ro cao và chuyển số tiền này sang diện kiểm tra trước hoàn để thực hiện kiểm tra, xác minh và xử lý hoàn thuế khi có đủ điều kiện theo quy định, thông báo cho người nộp thuế biết bằng phương thức điện tử; đối với số tiền thuế không có rủi ro cao thì thực hiện giải quyết hoàn ngay, không chờ kết quả kiểm tra, xác minh số tiền thuế có rủi ro cao.”</i> - Đề xuất: Bỏ nội dung trên tại khoản 1 Điều 75. - Lý do: Để phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 73 và Điều 16 (dự án Luật Quản lý thuế), người nộp thuế tuân thủ tốt pháp luật thuế được ưu tiên trong thực hiện thủ tục hành chính thuế theo quy định của Chính phủ và trường hợp NNT gửi nhiều hồ sơ hoàn thuế của từng trường hợp hoàn thuế trong cùng một ngày và có một hồ sơ hoàn thuế được phân loại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế thì các hồ sơ còn lại thuộc diện kiểm tra trước hoàn thuế.	Luật.
Khoản 1 Điều 75	UBND tỉnh Tuyên Quang	<i>Đề nghị bỏ 01 trong 02 cụm từ gạch chân dưới đây: Khi cơ quan thuế ban hành thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</i> Cụ thể: Điều 75. Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế 1. Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, chậm nhất là 0610 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế có thông báo về việc chấp nhận hồ sơ và thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế,	Tiếp thu

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		cơ quan quản lý thuế phải quyết định hoàn thuế cho người nộp thuế hoặc thông báo chuyển hồ sơ của người nộp thuế sang kiểm tra trước hoàn thuế nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 73 của Luật này hoặc Thông báo không hoàn thuế cho người nộp thuế nếu hồ sơ không đủ điều kiện hoàn thuế hoặc Thông báo chưa đủ điều kiện được hoàn thuế để tạm dừng hoàn thuế trong trường hợp hết thời hạn theo thông báo bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế lần 2 mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế. <u>Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</u> Trường hợp thông tin khai trên hồ sơ hoàn thuế khác với thông tin quản lý của cơ quan quản lý thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo bằng văn bản hoặc phản hồi thông qua cổng giao dịch điện tử để người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan quản lý thuế ban hành Thông báo, người nộp thuế có trách nhiệm gửi văn bản giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo của cơ quan quản lý thuế. Trường hợp hết thời hạn giải trình hoặc bổ sung thông tin, tài liệu theo Thông báo lần 1 của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế không giải trình, bổ sung hồ sơ hoàn thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo lần 2 gửi người nộp thuế. Thời gian giải trình, bổ sung thông tin không tính trong thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế. <u>Khi cơ quan thuế ban hành Thông báo không hoàn thuế thì người nộp thuế không được nộp lại hồ sơ hoàn thuế.</u> Lý do: Trùng lập	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
khoản 1 Điều 76	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại khoản 1 Điều 76: Thẩm quyền quyết định hoàn thuế <i>“1. Cục trưởng Cục Thuế, Chi cục trưởng Chi cục Thuế doanh nghiệp lớn, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thương mại điện tử, Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực, Đội trưởng Đội thuế cấp huyện quyết định việc hoàn thuế, thu hồi hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Trường hợp hoàn thuế tự động thì ứng dụng của cơ quan thuế được quyền quyết định việc hoàn thuế thay cho Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế. (đã được sửa đổi tại Luật số 56/2024/QH15).”</i> Đề xuất tổ soạn thảo rà soát sửa đổi thẩm quyền quy định tại Điều này để phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương sau sát nhập.	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.
Khoản 1 Điều 77	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Tại khoản 1 Điều 77 quy định về kiểm tra sau hoàn thuế: <i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn <u>10 năm</u> kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.”</i> Đề nghị rút ngắn lại thời hạn còn 5 năm để hạn chế trường hợp NNT đã được hoàn thuế trước nhưng sau đó bỏ địa chỉ kinh doanh nhưng cơ quan Thuế chưa kiểm tra sau hoàn, gây rủi ro cho cơ quan Thuế.	Theo quy định NNT có rủi ro cao phải kiểm tra sau hoàn ngay trong vòng 1 - 3 năm. Do vậy cơ quan soạn thảo xin giữ nguyên như luật hiện hành.
Điều 77	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại Điều 77. Kiểm tra sau hoàn thuế <i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế.”</i> Đề xuất sửa đổi bổ sung việc cơ quan thuế phải thực hiện kiểm tra sau hoàn đối với người nộp thuế giải thể, phá sản, chấm dứt	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		hoạt động có hồ sơ hoàn thuế trước chưa được kiểm tra sau hoàn. Cụ thể: <i>“1. Cơ quan quản lý thuế thực hiện kiểm tra đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước theo nguyên tắc rủi ro trong quản lý thuế và trong thời hạn 10 năm kể từ ngày ban hành quyết định hoàn thuế, hoặc trước khi người nộp thuế thực hiện giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động.”</i> Vì trên thực tế có trường hợp, người nộp thuế đã giải thể nhưng có hồ sơ hoàn trước chưa được kiểm tra sau hoàn, dẫn đến rủi ro người nộp thuế có số tiền kê khai, hoàn thuế sai quy định chưa được kiểm tra.	
khoản 2 Điều 79	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại khoản 2 Điều 79 <i>“2. Miễn thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân thuộc các trường hợp sau đây:</i> <i>a) Miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với hộ gia đình, cá nhân có số tiền thuế phải nộp hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống;</i> <i>b) Miễn thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân có số tiền thuế phát sinh phải nộp sau quyết toán thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công hằng năm từ 50.000 đồng trở xuống.</i> <i>c) Miễn thuế, miễn tiền chậm nộp, miễn tiền phạt đối với tổ chức, cá nhân có từng khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp từ 10.000 đồng trở xuống.”</i> Đề xuất: Sửa đổi mức miễn thuế, giảm tiền chậm nộp, miễn tiền phạt, giảm thuế tại các điểm a,b,c nêu trên thành 200.000 đồng trở xuống để thống nhất và góp phần giảm thủ tục hành chính. Theo thông kê trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thì số hộ phát sinh phi nông nghiệp dưới 200.000 đồng là 14.300/32.500 hộ chiếm 44%; tổng thu ngân sách là 1,45 tỉ đồng/	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		20 tỉ đồng chiếm tỷ trọng 7,25%. Cho thấy số lượng hộ có phát sinh thuế sử dụng đất phi nông nghiệp dưới 200.000 đồng là rất nhưng số nộp chỉ chiếm tỉ trọng 7,25%. Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế lần đầu theo đúng quy định, cần nghiên cứu áp dụng chính sách miễn thuế, giảm thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 33 dự thảo Luật Quản lý thuế. Nhằm khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi cho các hộ kinh doanh cá nhân kinh doanh mới thành lập hoạt động được ổn định trong thời gian đầu, kiến nghị xem xét miễn thuế từ 3 – 6 tháng đầu kể từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, quyết định thành lập;	
Điều 81	Bộ KH&CN	Theo dự thảo, các chính sách Luật Quản lý thuế (thay thế) gồm 06 nhóm chính sách chính: (1) Cải cách thủ tục trong quản lý thuế (2) Phân cấp phân quyền trong công tác quản lý thuế (3) Nhóm chính sách về chuyển đổi số toàn diện và tự động hóa quản lý thuế (4) Nhóm chính sách về đổi mới phương pháp quản lý đối với doanh nghiệp siêu nhỏ bao gồm hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh (5) Nhóm chính sách về kiểm tra thuế, kiểm tra giá giao dịch liên kết (6) Nhóm hoàn thiện chính sách chung trong công tác quản lý thuế. Trong đó, tại các nhóm chính sách (2), (3) và (6) có đề cập đến sửa Điều 81 (quy định Cơ quan tiếp nhận và giải quyết hồ sơ giảm thuế, miễn thuế) có quy định về phân cấp và phân định rõ trong tổ chức thực hiện, vậy đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc bổ sung nội dung phân cấp, phân định thẩm quyền liên quan đến các thủ tục xác nhận để được hưởng miễn thuế theo quy định.	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Khoản 4 Điều 82a,	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 4 Điều 82a. Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp cơ quan quản lý thuế quyết định, thông báo miễn thuế, giảm thuế - Dự thảo: <i>“4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông.”</i> - Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“4. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thuế nhận được hồ sơ miễn thuế, giảm thuế hợp pháp, đầy đủ, đúng mẫu quy định do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông chuyển đến đối với hồ sơ miễn thuế, giảm thuế cùng hồ sơ khai thuế theo cơ chế một cửa liên thông, cơ quan thuế xác định số tiền được miễn thuế, giảm thuế trên Thông báo nộp thuế hoặc thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế lý do không được miễn thuế, giảm thuế và chuyển trả hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông hoặc <u>trả Thông báo qua cổng giao dịch điện tử của cơ quan quản lý thuế.</u>”</i> - Lý do: Tăng cường việc giải quyết thủ tục hành chính cho người nộp thuế qua môi trường số.	Trong năm 2026 sẽ chỉ còn 1 cổng dịch vụ công quốc gia.
Điều 83	Bộ VH, TT và DL	Đề nghị bổ sung đánh giá chính sách để sửa đổi, bổ sung Điều 83 đối với trường hợp được khoan tiền thuế nợ, thành: “Người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh nội dung dẫn	- Điểm a khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật thay thế quy định: <i>“Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra</i>

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đến phát sinh nợ thuế và chưa có kết quả xác minh. Thời gian khoanh nợ được tính từ ngày người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan chức năng xác minh nội dung dẫn đến phát sinh nợ thuế”. Lý do: Như nội dung tại mục 1 Công văn này: (Lý do: Trên thực tế, có trường hợp cơ quan thanh tra ban hành Kết luận thanh tra với nội dung yêu cầu đơn vị sự nghiệp phải nộp thuế (tiền thuê đất). Do còn có các ý kiến khác nhau giữa cơ quan thanh tra và các cơ quan quản lý chuyên ngành về đất đai và tài chính nên người có thẩm quyền (Thủ tướng Chính phủ) đã yêu cầu chuyển cơ quan công an để xác minh. Tuy nhiên, trong thời gian chưa có kết quả xác minh, do không được khoanh tiền nợ thuế nên cơ quan thuế vẫn tính tiền chậm nộp dẫn đến số tiền chậm nộp và tổng nợ thuế ngày càng tăng đồng thời áp dụng các biện pháp cưỡng chế về hóa đơn, trích nộp đã dẫn tới số tiền quá lớn, vượt quá khả năng nộp của đơn vị, dẫn đến những tồn đọng, vướng mắc không thể giải quyết được.)	<i>nhà nước</i> ...2... Trường hợp người nộp thuế không đồng ý với kết luận của Thanh tra nhà nước thì người nộp thuế có quyền khiếu nại kết luận của Thanh tra nhà nước và gửi cho cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp một bản để theo dõi;” - Điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: “Điều 12. Quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại 2. Người khiếu nại có các nghĩa vụ sau đây: c) Chấp hành quyết định hành chính, hành vi hành chính mà mình khiếu nại trong thời gian khiếu nại, trừ trường hợp quyết định, hành vi đó bị tạm đình chỉ thi hành theo quy định tại Điều 35 của Luật này;” - Điều 35 Luật Khiếu nại năm 2011 quy định: “Điều 35. Áp dụng biện pháp khẩn cấp Trong quá trình giải quyết khiếu nại, nếu xét thấy việc thi hành quyết định hành chính bị khiếu nại sẽ gây hậu quả khó khắc phục, thì người giải quyết khiếu nại phải ra quyết định tạm đình chỉ việc thi hành quyết định đó.” Căn cứ các quy định nêu trên, trong thời gian khiếu nại về số tiền thuế phải nộp theo kết luận của cơ quan Thanh tra nhà nước thì NNT vẫn phải nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt, trừ trường hợp người giải quyết khiếu nại tạm đình chỉ thi

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành. Do vậy, nếu bổ sung quy định khoanh tiền thuế nợ để chưa tính tiền chậm nộp và chưa thực hiện biện pháp cưỡng chế trong thời gian chờ cơ quan khác xác minh lại như ý kiến của Bộ VHTT và DL thì sẽ dẫn đến việc NNT không thực hiện nộp ngay tiền thuế theo kết luận thanh tra, không đảm bảo việc thực hiện trách nhiệm của cơ quan thuế trong việc thực hiện theo kết luận của thanh tra và không phù hợp với quy định của pháp luật về thanh tra, xử lý khiếu nại nêu trên.
Khoản 4, Điều 84	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 4 Điều 84. Thủ tục, hồ sơ, thời gian, thẩm quyền khoanh tiền thuế nợ - Dự thảo: <i>“4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoanh tiền thuế nợ:</i> <i>a) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;</i> <i>b) Người nộp thuế đã được khoanh tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;</i> <i>c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;</i> <i>d) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoanh tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;</i> <i>đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoanh nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định</i>	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>tại Điều 85 Luật này.”</i> - Đề xuất bổ sung trường hợp chấm dứt quyết định khoan tiền thuế nợ như sau: <i>“4. Các trường hợp chấm dứt hiệu lực của quyết định khoan tiền thuế nợ:</i> <i>a) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng người nộp thuế tiếp tục sản xuất kinh doanh;</i> <i>b) Người nộp thuế đã được khoan tiền thuế nợ nhưng cơ quan quản lý thuế phát hiện người nộp thuế thành lập cơ sở kinh doanh hoặc doanh nghiệp khác;</i> <i>c) Tòa án hủy quyết định trước đó tuyên bố một người đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự;</i> <i>d) Cơ quan quản lý thuế phát hiện hoặc cơ quan có thẩm quyền phát hiện và kết luận việc khoan tiền thuế nợ không đúng quy định của pháp luật về thuế, quản lý thuế;</i> <i>đ) Số tiền thuế đã được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định khoan nợ nhưng đủ điều kiện để được xóa nợ theo quy định tại Điều 85 Luật này;</i> <u>e) Người nộp thuế không còn các khoản nợ thuế theo quyết định khoan nợ”</u> - Lý do: Hiện nay trường hợp này không có quy định cụ thể.	
Khoản 4 Điều 84	UBND TP Hà Nội	Bổ sung các trường hợp chấm dứt khoan nợ Bổ sung thêm trường hợp <i>Người nộp thuế nộp đủ số tiền khoan nợ vào NSNN</i> vào các trường hợp phải chấm dứt khoan nợ quy định tại khoản 4 Điều 84. Đồng thời nghiên cứu quy định rõ: Trường hợp phải tính đủ tiền chậm nộp từ ngày khoan nợ đến ngày nộp đủ tiền thuế nợ	- Nội dung 1: Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng bổ sung thêm trường hợp <i>Người nộp thuế nộp đủ số tiền khoan nợ vào NSNN</i> vào các trường hợp phải chấm dứt khoan nợ quy định tại khoản 4 Điều 84. - Nội dung 2: Ghi nhận ý kiến để nghiên cứu

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(ví dụ: người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký); Trường hợp chỉ tính từ ngày ban hành quyết định chấm dứt khoanh đến ngày nộp đủ tiền thuế nợ (ví dụ: người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể, phá sản).	xây dựng các văn bản dưới Luật.
Điều 85	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 85. Trường hợp được xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt 1. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt. 2. Cá nhân đã chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản, bao gồm cả tài sản được thừa kế để nộp tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ. 3. Các khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà cơ quan quản lý thuế đã áp dụng biện pháp cưỡng chế.... không có khả năng thu hồi. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Chưa có quy định xóa tiền chậm nộp do hệ thống tính toán sai Đề xuất bổ sung nội dung quy định <u>cho phép hệ thống Quản lý thuế có chế độ cho phép thay đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp với trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác.</u> Việc tính tiền chậm nộp sẽ theo văn bản xác định giữa cơ quan thuế quản lý và Người nộp thuế hoặc do Công chức thuế tính toán cụ thể theo số dư thuế nộp thừa (nếu có). Lý do: Trong thực tế hệ thống Quản lý thuế đang được cấu hình tự động sinh ra tiền chậm nộp thuế khi có phát sinh kê khai điều chỉnh làm tăng số thuế phải nộp, không tính đến số dư thuế nộp thừa. Một số trường hợp hệ thống tính tiền chậm nộp còn chưa chính xác. Do đó cần thiết bổ sung chế độ cho phép thay	Trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác tiền chậm nộp của NNT thì cơ quan thuế phải điều chỉnh dữ liệu trên hệ thống để phản ánh đúng nghĩa vụ của NNT. Do đây không phải là nợ thật của NNT nên việc bổ sung quy định xóa nợ tiền chậm nộp trong trường hợp hệ thống tính toán sai là không phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		đổi/chỉnh sửa lại/xóa tiền chậm nộp bị tính chưa chính xác.	
Điều 87	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 87. Thẩm quyền xóa tiền chậm nộp 1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với các trường hợp sau đây:c) Doanh nghiệp, ... có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt dưới 5 tỷ đồng. 2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định xóa nợ đối với từ 5 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng. 3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với ... từ 10 tỷ đồng đến dưới 15 tỷ đồng.4. Thủ tướng Chính phủ quyết định xóa nợ đối với ... từ 15 tỷ đồng trở lên. Định hướng sửa đổi, bổ sung: - Nghiên cứu sửa đổi thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính tại khoản 2, khoản 3 và khoản 5 Điều 87 do tác động của việc sắp xếp tổ chức bộ máy. - Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 87 quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với ... từ 10 tỷ đồng trở lên; bỏ quy định khoản 4 Điều 87 phù hợp với định hướng của Chính phủ. Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Văn bản hiện tại chỉ quy định thẩm quyền xóa tiền chậm nộp cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh, Cục trưởng Cục thuế/Hải quan, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thủ tướng theo mức tiền xóa. Chưa có quy định thẩm quyền xóa tiền chậm nộp do hệ thống Quản lý thuế tính sai => Cần quy định Thủ trưởng Cơ quan thuế trực tiếp thực hiện.	Trường hợp hệ thống tính toán chưa chính xác tiền chậm nộp của NNT thì cơ quan thuế phải điều chỉnh dữ liệu trên hệ thống để phản ánh đúng nghĩa vụ của NNT. Do đây không phải là nợ thật của NNT nên việc bổ sung quy định xóa nợ tiền chậm nộp và bổ sung thẩm quyền của cơ quan thuế đối với việc xóa nợ tiền chậm nộp trong trường hợp hệ thống tính toán sai là chưa phù hợp.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Đề xuất sửa đổi, bổ sung: Bổ sung thẩm quyền cho <u>Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp xóa/Điều chỉnh tiền chậm nộp bị hệ thống tính toán chưa phù hợp.</u> Lý do: Đề xuất bổ sung để phù hợp hơn với thực tế. Thực tế có phát sinh các trường hợp có sai sót từ hệ thống Quản lý thuế do cấu hình tự động tính tiền chậm nộp, khi đó cần phải có quy định cho phép Thủ trưởng cơ quan quản lý thuế trực tiếp xử lý số liệu, không phân biệt số tiền.	
Khoản 3, Điều 87	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 3 Điều 87. Thẩm quyền xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt - Dự thảo: “3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên.” - Đề xuất sửa đổi như sau: “3. Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ <u>15.000.000.000 đồng</u> trở lên.” - Lý do: Để phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế.	Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ thì thẩm quyền quyết định xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt đối với trường hợp NNT có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 15 triệu trở lên thuộc thẩm quyền của Chính phủ theo quy định tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được chính phủ phân cấp cho Bộ Tài chính. Còn đối với những khoản nợ từ 10 tỷ đồng trở lên đến dưới 15 tỷ đồng thì hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế đã thuộc thẩm quyền của Bộ Tài chính. Do đó việc quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định xóa nợ đối với NNT có khoản nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt từ 10.000.000.000 đồng trở lên như dự thảo là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025.
Khoản 2 Điều 98	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	2. Về Khoản 2 Điều 98 - Nội dung dự thảo: Điều 98. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cung cấp thông tin người nộp thuế	Nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>b. Tổ chức tín dụng có trách nhiệm cung cấp thông tin về hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế được thể chấp làm tài sản bảo đảm các khoản vay theo yêu cầu của cơ quan hải quan để thực hiện ấn định thuế trước khi tài sản thể chấp được tổ chức tín dụng bán để thu hồi nợ.</i> - <i>Góp ý:</i> Dự thảo Luật và các văn bản hướng dẫn Luật cần quy định rõ TCTD chỉ có trách nhiệm cung cấp thông tin theo thông tin mà khách hàng của TCTD cung cấp, miễn trừ trách nhiệm của TCTD trong trường hợp khách hàng của TCTD cung cấp thông tin chưa chính xác đối với hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng miễn thuế, không chịu thuế. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Bản thân khách hàng của TCTD chịu trách nhiệm trong việc xác định hàng hóa thuộc đối tượng miễn thuế/không chịu thuế. TCTD không có trách nhiệm trong việc xác định đối tượng chịu thuế của từng loại hàng hóa nhập khẩu của khách hàng.	
Điều 98a	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 98a: Cung cấp thông tin cho người nộp thuế. <i>2. Khi thực hiện thủ tục pháp lý, tài chính hoặc xuất nhập cảnh theo quy định của pháp luật có yêu cầu xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, người nộp thuế hoặc CQNN có thẩm quyền phải có văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế gửi cơ quan quản lý thuế. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, cơ quan quản lý thuế có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế và thông báo cho NNT hoặc CQNN có thẩm quyền kết quả xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc xác nhận chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế hoặc yêu cầu NNT hoàn thiện bổ sung hồ sơ để CQ QLT có cơ sở xác nhận hoàn thành</i>	- Luật QLT năm 2019 quy định: Người nộp thuế có quyền yêu cầu cơ quan quản lý thuế xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế của mình (Khoản 9, Điều 16); Cơ quan thuế có nhiệm vụ xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế khi có đề nghị theo quy định của pháp luật (Khoản 6, Điều 18 Luật QLT). - Nội dung đề nghị bổ sung (tại Khoản 2 Điều 98a) chỉ làm rõ quy định về quyền của người nộp thuế và nhiệm vụ của cơ quan quản lý thuế trong việc xác nhận nghĩa vụ thuế, không làm tăng thủ tục hành chính, hay khối lượng công việc phải thực hiện của NNT và cơ quan thuế, cụ thể: khi

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>nghĩa vụ thuế.</i> ... <i>3. Bộ trưởng BTC quy định trường hợp, thẩm quyền, thủ tục tra soát, xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế quy định tại Điều này.</i> Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Nội dung bổ sung chưa phù hợp với thực tế và tăng tải công tác hành chính của CQ QLT và cả NNT. Đề xuất sửa đổi bổ sung: bỏ khoản 2 và khoản 3 điều 98a. Thay vào đó, CQ soạn thảo có thể nghiên cứu phương án quản lý khác tối ưu hơn dựa trên hệ thống dữ liệu điện tử CQ QLT đang có sẵn. <i>Ví dụ như CQ QLT lập 1 trang web cho phép tra cứu các NNT còn chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế. Từ đó các CQ khác (ví dụ như Hải quan) có thể tự tra cứu thông tin theo MST của NNT, bao gồm cả NNT là cá nhân hay đại diện pháp lý của DN hay Nhà thầu nước ngoài.</i> Lý do đề xuất: Nội dung bổ sung chưa phù hợp với thực tế và tăng tải công tác hành chính của CQ QLT và cả NNT. Tỷ lệ NNT chưa hoàn thành nghĩa vụ thuế sẽ thấp hơn rất nhiều so với số lượng NNT hoàn thành nghĩa vụ thuế. Việc đưa nội dung tại khoản 2 vô hình chung tất cả NNT đều phải thực hiện gửi văn bản xin xác nhận và CQ QLT cũng phải thực hiện thủ tục gửi văn bản trả lời (kể cả NNT đã hoàn thành nghĩa vụ thuế, không có bất cứ hành vi nợ thuế nào). Ví dụ: ở khâu xuất nhập cảnh, những chủ DN thường xuyên có hoạt động hợp tác kinh doanh với nước ngoài, mỗi lần xuất nhập cảnh phải làm văn bản xin xác nhận nghĩa vụ thuế và CQ QLT	thực hiện thủ tục pháp lý của cơ quan khác có yêu cầu phải có xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế của cơ quan thuế thì NNT\CQNN có thẩm quyền mới cần làm văn bản đề nghị xác nhận gửi cơ quan thuế; đồng thời tại Khoản 1 Điều 98a, đã đề xuất quy định “Cơ quan quản lý thuế cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế.”

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		phải có văn bản trả lời. Mỗi lần xuất nhập cảnh dù trong 1 tháng có thể phải làm văn bản xác nhận do nghĩa vụ thuế có thể thay đổi do có các sự kiện (ví dụ thanh tra kiểm toán) làm thay đổi nghĩa vụ thuế các kỳ trước làm ảnh hưởng số dư thuế hiện tại.	
Tại Điều 99	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại Điều 99. Bảo mật thông tin người nộp thuế Đề xuất: sửa đổi bổ sung quy định rõ phạm vi được cung cấp thông tin cho các cơ quan nhà nước. Cụ thể là những cơ quan nào và trình tự thủ tục để yêu cầu cơ quan thuế cung cấp thông tin. Lý do thực tế hiện nay, có những vụ việc cơ quan điều tra khi gửi văn bản yêu cầu cung cấp thông tin người nộp thuế nhưng không cung cấp Quyết định khởi tố vụ án hình sự đối với những người nộp thuế bị yêu cầu cung cấp thông tin. Do đó, Thuế Thành phố Hồ Chí Minh đề xuất quy định rõ cơ quan liên quan cần cung cấp các hồ sơ liên quan (ví dụ Quyết định khởi tố vụ án hình sự) khi đề nghị cung cấp thông tin nhằm bảo mật thông tin người nộp thuế. Trong trường hợp cơ quan điều tra công an các cấp cần sự phối hợp trao đổi, cung cấp thông tin thì thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2016/TTLT-BTC-BCA, đảm bảo nguyên tắc ngang cấp, quan hệ phối hợp cấp nào trước hết do cấp đó phối hợp thực hiện; thông tin được trao đổi, cung cấp giữa các bên ngang cấp, được thực hiện trực tiếp qua các đơn vị chuyên môn đầu mối được hai bên chỉ định hoặc trực tiếp giữa các bộ phận đơn vị chức năng; đối với các vụ việc có tính chất nghiêm trọng, phức tạp, vượt quá thẩm quyền, báo cáo cơ quan cấp trên quản lý trực tiếp để phối hợp giải quyết.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng Dự thảo Luật.
Điều 107	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV	Tại Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế - Đề xuất: Bổ sung nguyên tắc: Áp dụng phương thức giao dịch điện tử	Nghiên cứu tiếp thu cho phù hợp Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	XIX)	giữa đoàn kiểm tra và người nộp thuế khi tiến hành kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. - Lý do: Theo tinh thần chỉ đạo tại điểm 2.2, mục III Nghị quyết số 68-NQ-TW ngày 04/5/2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng: “...<i>Xây dựng hệ thống dữ liệu và công cụ trí tuệ nhân tạo cảnh báo sớm về các nguy cơ vi phạm pháp luật. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra, kiểm toán. Triển khai thanh tra, kiểm tra trực tuyến, ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử, giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp. Miễn kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp tuân thủ tốt quy định pháp luật.</i>”	
Khoản 3 Điều 107	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại Khoản 3 Điều 107 “3. Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế.” Đề xuất bổ sung tại Khoản 3 Điều 107 hoặc thêm một Khoản quy định về số lần kiểm tra (bao gồm cả kiểm tra liên ngành) không được quá 01 lần trong năm. Cụ thể: “3. Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.” Lý do: căn cứ Điều 4 Nghị quyết 198/2025/QH15 quy định về nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh: “2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		ràng. 3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.” Vì vậy, để thực hiện hiệu quả tinh thần của Nghị quyết, cần bổ sung quy định cụ thể tại dự thảo Luật để có căn cứ pháp lý rõ ràng khi thực hiện.	
Khoản 4 Điều 107	UBND TP. Hồ Chí Minh (CCTKV II)	Tại Khoản 4 Điều 107: “Điều 107. Nguyên tắc kiểm tra thuế 4. Khi kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế, thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra” Đề xuất sửa đổi bỏ cụm từ “tại trụ sở của người nộp thuế”: “4. Khi kiểm tra thuế thủ trưởng cơ quan quản lý thuế phải ban hành quyết định kiểm tra”. Lý do: để đảm bảo tính thống nhất, minh bạch và phù hợp với thực tiễn quản lý thuế hiện đại. Thuế Thành phố đề xuất quy định khi kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế cũng cần phải ban hành quyết định kiểm tra, xử phạt theo quy định cho từng người nộp thuế. Vì quyết định kiểm tra là cơ sở pháp lý để làm rõ trách nhiệm của cơ quan thuế, đồng thời đảm bảo quyền lợi của người nộp thuế được biết về căn cứ, nội dung, phạm vi và thời gian kiểm tra qua đó đảm bảo tính minh bạch, công khai trong hoạt động công vụ. Cơ quan thuế có quyền lập biên bản, xác lập hành vi vi phạm và ra quyết định xử lý hành vi vi phạm ngay sau kết thúc kiểm tra tại trụ sở cơ quan thuế nếu có đủ căn cứ xác định về hành vi	Ghi nhận để nghiên cứu khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		kê khai sai dẫn đến tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn. Từ đó người nộp thuế có cơ sở để thực hiện nghĩa vụ thuế kịp thời. Đặc biệt, trong bối cảnh ngành Thuế đang tích cực chuyển đổi số, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong việc thu thập, phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý thuế ngày càng đóng vai trò trung tâm và kiểm tra thuế tại trụ sở cơ quan thuế đang trở thành một hình thức kiểm tra phù hợp, hiệu quả, tiết kiệm nguồn lực và tạo điều kiện thuận lợi cho cả cơ quan quản lý và người nộp thuế. Vì vậy, việc quy định thống nhất về việc ban hành quyết định kiểm tra khi kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế cũng như tại trụ sở cơ quan thuế sẽ góp phần chuẩn hóa quy trình quản lý rủi ro, xử lý dữ liệu điện tử, và đảm bảo tính pháp lý cho hoạt động kiểm tra trong môi trường số đang ngày càng phát triển.	
Khoản 1 Điều 110	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 1 Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế - Dự thảo: Chưa được quy định. - Đề xuất: + Bổ sung 02 trường hợp kiểm tra tại trụ sở NNT: (i) NNT không có rủi ro, sẽ thực hiện kiểm tra trong thời hạn 10 năm kể từ ngày kiểm tra, thanh tra về thuế lần trước liền kề. (ii) Kiểm tra để giải quyết khiếu nại, tố cáo. + Bổ sung quy định: Đối với quyết toán thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế, cho phép sử dụng kết quả xác nhận số liệu quyết toán thuế để chấm dứt hiệu lực mã số thuế do Đại lý thuế cung cấp cho NNT theo hợp đồng với NNT, làm căn cứ giải quyết hồ sơ chấm dứt hoạt động nếu như ứng dụng phân tích không rủi ro. - Lý do: Để tránh các trường hợp ứng dụng phân tích rủi ro	<u>+ Đề xuất 1:</u> (i) Việc kiểm tra thuế được thực hiện theo nguyên tắc rủi ro. (ii) Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng bổ sung điểm f tại khoản 1 điều 110 dự thảo Luật, cụ thể: <i>“f) Kiểm tra được tiến hành theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, tiêu cực”</i> <u>+ Đề xuất 2:</u> Các đại lý thuế không phải là cơ quan nhà nước có thẩm quyền, có chức năng kiểm tra quyết toán thuế. Bên cạnh đó, để giảm thiểu áp lực cho cơ quan thuế, các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động mà cơ quan thuế không phải

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quá 10 năm không chọn được để đưa vào kế hoạch, thì thực hiện đưa vào kế hoạch bằng hình thức trực tiếp lựa chọn thủ công; Đã bỏ hình thức thanh tra nên cần bổ sung trường hợp kiểm tra để giải quyết khiếu nại tố cáo; Giảm thủ tục phải quyết toán chấm dứt hiệu lực mã số thuế đối với các trường hợp phân tích số liệu không phát hiện rủi ro.	thực hiện quyết toán thuế, không thực hiện kiểm tra thuế sẽ được hướng dẫn chi tiết tại Nghị định của Chính phủ.
		Tại khoản 5 Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế - Dự thảo: Không thay đổi so với quy định tại Luật Quản lý thuế hiện hành: <i>“b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả phân tích rủi ro về thuế, dữ liệu thông tin kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra thuế;”</i> - Đề xuất bổ sung như sau: <i>“b) Đối chiếu nội dung khai báo với sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính, kết quả phân tích rủi ro về thuế, dữ liệu thông tin kiểm tra tại trụ sở của cơ quan thuế các tài liệu có liên quan, tình trạng thực tế trong phạm vi <u>quản lý thuế</u>, nội dung của quyết định kiểm tra thuế;”</i> - Lý do: Hiện nay thực trạng kiểm tra thuế tại trụ sở NNT chưa bao quát được hết tình hình thực hiện nghĩa vụ của NNT.	Việc kiểm tra thuế được thực hiện trong phạm vi, nội dung của quyết định kiểm tra để đảm bảo minh bạch với NNT. Trường hợp qua kiểm tra cơ quan thuế phát hiện phạm vi, nội dung trong quyết định chưa phù hợp có thể điều chỉnh phạm vi, nội dung quyết định kiểm tra.
Khoản 1 Điều 110	UBND tỉnh Tuyên Quang	Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế 1. Cơ quan Thuế kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây: ...	Ghi nhận đề nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng sửa đổi điểm e, khoản 1 Điều 110 thành “e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà <u>cơ quan thuế</u> không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này. Đề nghị sửa cụm từ: Cơ quan thuế, sửa thành: Người nộp thuế, cụ thể: Điều 110. Kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế 1. Cơ quan Thuế kiểm tra thuế tại trụ sở của người nộp thuế trong các trường hợp sau đây: ... e) Trường hợp chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh và các trường hợp kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà <u>người nộp thuế</u> không phải thực hiện quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này. Lý do: Xác định sai đối tượng	<i>kiểm tra đột xuất, kiểm tra theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trừ trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động, chuyển địa điểm kinh doanh mà cơ quan thuế không phải thực hiện kiểm tra quyết toán thuế theo quy định của pháp luật. Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết khoản này.</i>
Điều 110	Thanh tra Chính phủ	- Trang 80 dự thảo Bản thuyết minh có nội dung: "Thời hạn kiểm tra được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp thì người ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn 01 lần nhưng không quá 20 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế" (Điều 110). Trong khi đó, trang 24 dự thảo Tờ trình Chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế)	- Ý kiến 1: Tiếp thu, chỉnh sửa tại Tờ trình Chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) thành "<i>thời hạn</i> kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết...." - Ý kiến 2: Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây dựng luật theo hướng quy định riêng về thời hạn kiểm tra đối với doanh nghiệp

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		của Bộ Tài chính có nội dung: “thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế và gia hạn 01 lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở người nộp thuế”. Để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong sử dụng thuật ngữ và quy định về thời hạn kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế, Thanh tra Chính phủ đề nghị Bộ Tài chính cân nhắc nghiên cứu, sửa đổi nội dung Điều 110 theo hướng: - Sử dụng cụm từ “thời hạn kiểm tra” thay thế cho cụm từ “thời gian kiểm tra” (Luật Thanh tra sử dụng thuật ngữ “thời hạn kiểm tra”). - Quy định thời hạn kiểm tra trong trường hợp phạm vi kiểm tra lớn, nội dung phức tạp cho phù hợp với đề xuất của Bộ Tài chính tại dự thảo Tờ trình chính sách dự án Luật Quản lý thuế (thay thế) của Bộ Tài chính gửi Chính phủ (về thời hạn kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết).	có giao dịch liên kết, theo đó “<i>Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế</i>”. Quy định này đã phù hợp với đề xuất tại Tờ trình của Bộ Tài chính.
Điều 112a	UBND tỉnh Thái Bình	Bổ sung nội dung in đậm sau tại khoản 2 Điều 112a: <i>“Điều 112a. Kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế:</i> <i>2. Việc kiểm tra lại được thực hiện khi có một trong những căn cứ sau đây: (Trừ các trường hợp hồ sơ đang được giải quyết theo các hình thức Khiếu nại, Tố cáo hoặc Kiểm tra nội bộ). ”</i> Lý do: Để tránh trùng chéo các nội dung thực hiện giữa các hình thức kiểm tra.	Trường hợp hồ sơ đang được giải quyết theo các hình thức khiếu nại, tố cáo hoặc kiểm tra nội bộ thì sẽ được giải quyết theo quy trình giải quyết khiếu nại, tố cáo, quy trình kiểm tra nội bộ.
Điều 112b	UBND TP Hà Nội	Về chức năng kiểm tra thuế Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung “<i>Điều 112b Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm</i>	Đây là chức năng nhiệm vụ của Cục Quản lý, Giám sát Chính sách Thuế, phí và lệ phí, do vậy cần thiết phải giữ cụm từ “giám sát”.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		quyền”. Đề xuất: Sửa tên điều “Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, văn bản quy phạm pháp luật về chính sách thuế, phí, lệ phí của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”. Vì pháp luật (trong đó có Luật Quản lý thuế và các luật thuế) là công cụ để thực hiện chính sách. Chính sách do Đảng, Nhà nước ban hành và được cụ thể hóa thành luật. Do vậy, trong Luật Quản lý thuế chỉ nên quy định về giám sát thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về thuế, phí, lệ phí, không nên quy định về giám sát thực hiện chính sách thuế.	
Điều 113	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK <i>[Bỏ mục 3.Thanh tra thuế (từ Điều 113 đến 120), thay thế bằng các nội dung về kiểm tra giá Giao dịch liên kết (GDLK)].</i> Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK <i>Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết CQT thực hiện tham vấn, trao đổi, khảo sát, đề nghị NNT cung cấp thông tin kê khai xác định giá GDLK, hồ sơ xác định giá GDLK và các thông tin làm căn cứ xác định giá GDLK của NNT. Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở CQT hoặc trụ sở NNT và CQT có văn bản thông báo cho NNT. Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cung cấp thông tin.</i> <i>Thời hạn cung cấp thông tin không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của CQT. Trường hợp NNT có lý do khách quan, bất khả kháng thì thời hạn cung cấp thông tin được gia hạn 01 lần không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn.</i>	Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 132/2020/NĐ-CP quy định NNT có trách nhiệm kê khai thông tin về quan hệ liên kết và giao dịch liên kết theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này và nộp cùng Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Các hồ sơ tài liệu chứng minh chi tiết làm căn cứ để kê khai Phụ lục II và Phụ lục III là Hồ sơ quốc gia và Hồ sơ toàn cầu được lưu tại trụ sở NNT. Việc kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết thường phức tạp và cần thu thập rất nhiều thông tin liên quan đến các bên liên kết của người nộp thuế thuộc đối tượng kiểm tra và các thông tin là căn cứ để NNT kê khai tại các Phụ lục đính kèm tờ khai Quyết toán thuế TNDN. Do đó, để nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, trong các trường hợp có tính chất phức tạp, cần tiến hành thủ tục tham vấn.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở NNT, thời gian thực hiện khảo sát không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở NNT.</i> Đề xuất sửa đổi, bổ sung: 1.Đề nghị sửa đổi nội dung điều 113 do NNT đã có sẵn tờ khai và các báo cáo về thông tin căn cứ xác định giá GDLK theo quy định về thuế TNDN và có thể gửi cho CQT khi có yêu cầu khảo sát. 2.Đề nghị gộp thời gian thực hiện khảo sát về giá GDLK tại trụ sở NNT vào thời gian kiểm tra của đoàn kiểm tra tại điều 114.Theo đó, nội dung đề nghị sửa lại như sau:"<u>Điều 113. Tham vấn, trao đổi thông tin, khảo sát trước khi thực hiện kiểm tra giá GDLK</u> Trước khi thực hiện kiểm tra, trong trường hợp cần thiết CQT thực hiện tham vấn, trao đổi, khảo sát, đề nghị NNT cung cấp thông tin kê khai xác định giá GDLK, hồ sơ xác định giá GDLK và các thông tin làm căn cứ xác định giá GDLK của NNT. Việc tham vấn, đề nghị cung cấp thông tin, khảo sát được thực hiện tại trụ sở CQT hoặc trụ sở NNT và CQT có văn bản thông báo cho NNT. Hình thức tham vấn, trao đổi, đề nghị cung cấp thông tin được thực hiện trực tiếp hoặc bằng văn bản đề nghị cung cấp thông tin. <u>Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở CQT, CQT đề nghị NNT cung cấp hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu và các tài liệu liên quan kèm theo (nếu có).</u> Thời hạn cung cấp thông tin không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của CQT. Trường hợp NNT có lý do khách quan, bất khả kháng thì thời hạn cung cấp thông tin được gia hạn 01 lần không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn. Trường hợp thực hiện khảo sát tại trụ sở NNT, thời gian thực hiện khảo sát không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở NNT. <u>Thời gian khảo sát này được trừ vào thời gian thực hiện cuộc kiểm tra theo quy định.</u>"	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		Căn cứ lý do đề xuất: 1. Theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành: trên tờ khai quyết toán thuế TNDN đã có phần thông tin kê khai về GDLK và NNT có nộp báo cáo Lợi nhuận liên quốc gia hàng năm; đồng thời NNT đã thực hiện lập và lưu tại DN hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu, trong đó có thông tin về các căn cứ xác định giá GDLK. Do đó, CQT có thể yêu cầu NNT gửi hồ sơ quốc gia, hồ sơ toàn cầu (bên cạnh tờ khai GDLK và BC lợi nhuận liên quốc gia NNT đã nộp hàng năm) với trường hợp CQT thực hiện khảo sát, thu thập thông tin tại trụ sở CQT. 2. Với trường hợp CQT thực hiện khảo sát, thu thập thông tin tại trụ sở NNT: Đề nghị gộp thời gian thực hiện khảo sát vào thời gian kiểm tra của đoàn kiểm tra tại điều 114 do Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 cũng KHÔNG có quy định về thời gian khảo sát trước thanh tra.	
Điều 114	Tập đoàn công nghiệp - viện thông quân đội	Điều 114. Kiểm tra thuế đối với DN có GDLK <i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với DN có GDLK được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của NNT.</i> Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Thời hạn 40 ngày làm việc tương ứng 15% thời gian làm việc 1 năm; nếu tính cả thời gian gia hạn 30 ngày là việc thì tổng 70 ngày làm việc tương ứng 27% thời gian làm việc 1 năm của DN, do đó sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của DN. Đề xuất khó khăn, vướng mắc: 1. Đề nghị sửa lại nội dung khoản 2 điều 114 về thời hạn kiểm tra cho đầy đủ hơn theo quy định tại điều 47 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15	Trong thực tế, kiểm tra giá chuyển nhượng thường gặp nhiều khó khăn, phức tạp, dễ xảy ra tranh chấp khiếu nại, khiếu kiện do liên quan đến thuế quốc tế và bảo vệ quyền đánh thuế của các nước. Phía công ty con tại Việt Nam do chịu sự chi phối, kiểm soát từ Công ty mẹ nên vấn đề xử lý qua thanh tra, kiểm tra Công ty con báo cáo về Công ty mẹ quyết định và nhiều trường hợp các đoàn thanh tra phải chờ sắp xếp lịch làm việc đối thoại trực tiếp với Công ty con tại Việt Nam và Công ty mẹ nên thời gian thực hiện thanh tra thường kéo dài. Vì vậy để đảm bảo việc kiểm tra đối với doanh nghiệp giao dịch có liên kết đạt hiệu quả, đồng thời không gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, Cơ quan soạn thảo ghi nhận để nghiên cứu tiếp

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		11/2022/QH15, trong đó có quy đổi lại theo "<u>ngày làm việc</u>": "2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với DN có GDLK được xác định trong quyết định kiểm tra <u>và theo quy định như sau</u>: <u>-Cuộc kiểm tra do Bộ, Cục thuế tiến hành</u> không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 25 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. <u>-Cuộc kiểm tra do Chi cục thuế tiến hành không quá 25 ngày làm việc tại trụ sở của NNT. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 10 ngày làm việc tại trụ sở của NNT."</u> Lý do đề xuất: -Luật Thanh tra số 11/2022/QH15: "Điều 47. Thời hạn thanh tra1. Thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra được quy định như sau: a) Cuộc thanh tra do Thanh tra Chính phủ tiến hành không quá 60 ngày; ...; b) Cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành không quá <u>45 ngày</u>; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá <u>30 ngày</u>; c) Cuộc thanh tra do <u>Thanh tra sở, Thanh tra huyện</u> tiến hành không quá <u>30 ngày</u>; trường hợp phức tạp hoặc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì có thể gia hạn một lần không quá <u>15 ngày</u>."	thu giai đoạn xây dựng luật để đề xuất thời gian kiểm tra đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết tại Cơ quan thuế (bao gồm cả cấp Cục và cấp Chi cục Thuế) .

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 114	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 114. Kiểm tra thuế đối với DN có GDLK Đề nghị bổ sung khoản 3 vào điều 114 nội dung về giới hạn <i>số lần kiểm tra chỉ 01 lần trong năm</i> theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân do hoạt động kiểm tra giá GDLK là cùng nội dung quản lý với hoạt động kiểm tra thuế của CTQ: <u>"3.Trong một năm nếu đã thực hiện kiểm tra giá GDLK thì không thực hiện hoạt động kiểm tra thuế khác đối với DN và ngược lại, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."</u> Lý do đề xuất: - Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân: "Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh 1. Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ .. (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. 2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ .. (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, <u>không được quá 01 lần trong năm</u>, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng. 3. Đối với <u>cùng một nội dung quản lý nhà nước</u>, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng."	Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết cũng thực hiện theo nguyên tắc như kiểm tra thuế nói chung và tuân theo nguyên tắc hoạt động tại Nghị quyết 198/2025/QH15. Do đó, không cần thiết bổ sung quy định giới hạn số lần kiểm tra như ý kiến của Tập đoàn công nghiệp viễn thông quân đội. Trường hợp cần thiết thì phải bổ sung vào quy định chung đối với kiểm tra thuế.
Điều 114	UBND TP	Về việc kiểm tra giá giao dịch liên kết	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu giai đoạn xây

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Hà Nội	Tại dự thảo Luật đề xuất bổ sung: <i>“Điều 114. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ...</i> <i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế.”</i> Đề xuất: Gia hạn thời gian kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết từ 30 ngày tăng lên 40 ngày vì: + Đảm bảo đủ thời gian để kiểm tra những trường hợp phức tạp về giao dịch liên kết. + Đảm bảo nhất quán nguyên tắc: thời gian gia hạn bằng một lần thời gian kiểm tra chuẩn của trường hợp bình thường.	dụng luật theo hướng <i>“Điều 114. Kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết ...</i> <i>2. Thời hạn kiểm tra thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết được xác định trong quyết định kiểm tra nhưng không quá 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế. Trường hợp cần thiết, người đã ra quyết định kiểm tra có thể gia hạn một lần không quá 30 40 ngày làm việc tại trụ sở của người nộp thuế.”</i>
Điều 115	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 115. Nguyên tắc kiểm tra việc xác định giá GDLK <i>"Kiểm tra việc xác định giá GDLK là một nội dung trong kiểm tra thuế đối với DN có GDLK và thực hiện theo nguyên tắc sau: 1. Kiểm tra việc xác định giá GDLK của NNT theo nguyên tắc giá GD độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD của NNT, không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT."</i> Đề nghị bỏ đoạn nội dung <i>"không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT"</i> trong khoản 1: <i>"Kiểm tra việc xác định giá GDLK là một nội dung trong kiểm tra thuế đối với DN có GDLK và thực hiện theo nguyên tắc sau: 1. Kiểm tra việc xác định giá GDLK của NNT theo nguyên tắc</i>	Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng quy định pháp luật về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết nhằm đảm bảo các giao dịch liên kết tuân theo nguyên tắc giao dịch độc lập để xác định đúng nghĩa vụ với NSNN. Nguyên tắc phân tích, so sánh giao dịch liên kết phải phù hợp với giao dịch độc lập. Các phương pháp so sánh, xác định giá giao dịch liên kết đều thực hiện dựa trên nguyên tắc nêu trên. Các nguyên tắc này phù hợp với thông lệ quốc tế chung được các nước áp dụng, bao gồm các hướng dẫn của OECD và hành động 8-10 BEPS mà Việt Nam là thành viên. Nếu bỏ quy định này, vô hình chung Việt Nam từ bỏ quyền trong việc đánh thuế trong xác định giá giao dịch liên kết mà

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>giá GD độc lập và bản chất hoạt động, giao dịch quyết định nghĩa vụ thuế tương ứng với giá trị tạo ra từ bản chất giao dịch, hoạt động SXKD của NNT, không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập làm giảm nghĩa vụ thuế của DN với NSNN để xác định đúng nghĩa vụ thuế của NNT."</i> Lí do: các quy định hiện hành về GDLK, việc xác định giá GDLK có nhiều phương pháp xác định khác nhau, đặc biệt với các sản phẩm công nghệ cao, công nghệ mới việc xác định giá GDLK không dễ có giao dịch độc lập tương tự để so sánh mà phải sử dụng các phương pháp định giá đặc thù khác và có thể sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp. Việc quy định không công nhận các GDLK không theo nguyên tắc GD độc lập là chưa đảm bảo đầy đủ và khách quan theo thực tiễn xác định giá.	các quốc gia đang áp dụng.
Mục 3 về GDLK	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Mục 3 về GDLK Nội dung dự thảo: Chưa có quy định Đánh giá khó khăn, vướng mắc: Mỗi DN đều phải thuê các đối tác tư vấn để có thông tin tham khảo về đối tượng so sánh giao dịch độc lập do chi phí tự mua dữ liệu là rất cao. Đồng thời trong thực tế để tiết kiệm CP, DN cũng khó có thể duy trì việc thuê đơn vị tư vấn đồng hành thường xuyên mà thường chỉ thuê tư vấn vào một thời điểm quan trọng nào đó, do đó thông tin tham khảo về đối tượng, chỉ số so sánh độc lập có thể không kịp thời, chủ động và thường xuyên ngay từ khi DN xây dựng giá GDLK. Có khi giao dịch đã kết thúc DN mới có thêm các thông tin tham khảo về đối tượng, chỉ số so sánh độc lập đáng tin cậy hơn để đối chiếu lại và có thể phải thực hiện điều chỉnh. Đề nghị bổ sung một điều tại mục về GDLK để quy định về <u>vai trò hỗ trợ, đồng hành của CQT trong việc cung cấp các cơ sở dữ liệu so sánh độc lập, chỉ số trung bình ngành,...</u> hỗ trợ cho DN có thêm các căn cứ tin cậy để tham khảo khi xây dựng	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		giá GDLK, đồng thời CQT và NNT cũng sẽ dễ dàng hơn trong việc có cùng một nguồn cơ sở dữ liệu so sánh trong quá trình kiểm tra, đánh giá về giá GDLK. Lý do: CQT là cơ quan có cơ sở dữ liệu của NNT toàn quốc và là cơ quan có lợi thế về các nguồn dữ liệu đa dạng từ nhiều đối tác, cơ quan hợp tác trong và ngoài nước. Do đó CQT có thể hỗ trợ công bố các chỉ số trung bình ngành; chỉ số giá trung bình của các nhóm Hàng hóa - dịch vụ; chỉ số trung bình của loại hình DN; các chỉ số tài chính kinh doanh khác để DN có thêm nguồn dữ liệu tin cậy, đa dạng để tham khảo ngay từ khi nghiên cứu xây dựng chính sách giá GDLK. Đặc biệt các DN có quy mô lớn, có sản phẩm mới trong nước chưa sản xuất được sẽ phải tìm kiếm, tham khảo các đối tượng so sánh ở nước ngoài, việc này rất khó khăn cho DN khi tiếp cận các nguồn thông tin chính thống. CQT khi tiến hành kiểm tra GDLK của DN, nếu DN và NNT có cùng một nguồn cơ sở dữ liệu so sánh và thông tin công khai thì việc đánh giá, trao đổi sẽ dễ dàng thống nhất và có tính thuyết phục cao; tránh trường hợp phát sinh vướng mắc do sử dụng các nguồn thông tin không rõ ràng, thông tin không được công bố công khai.	
Khoản 2 Điều 125	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	3. Khoản 2 Điều 125 - Nội dung dự thảo: “Điều 125. Biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế <i>Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế quy định tại khoản 1 Điều này chấm dứt hiệu lực kể từ khi số tiền nợ thuế bị cưỡng chế đã được nộp đủ vào NSNN hoặc số tiền thuế nợ bị cưỡng chế được cơ quan quản lý thuế ban hành quyết định nộp dần tiền nợ hoặc quyết định gia hạn nộp</i>	Ghi nhận để quy định chi tiết hơn tại Nghị định.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>thuế hoặc quyết định miễn tiền chậm nộp thuế hoặc thông báo không tính tiền chậm nộp hoặc theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền."</i> - <i>Góp ý:</i> Đề nghị quy định rõ theo hướng cơ quan quản lý thuế phải ra văn bản chấm dứt hiệu lực của quyết định cưỡng chế thuế theo đúng quy định. Thực tế, một số trường hợp cơ quan thuế chậm thực hiện việc này nên NNT/TCTD gặp khó khăn trong quá trình sử dụng tài khoản đang bị phong tỏa. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Trong nhiều trường hợp, do chưa có quyết định chấm dứt hiệu lực của Quyết định cưỡng chế, khi hết thời gian hiệu lực của Quyết định cưỡng chế, TCTD cũng không có cơ sở để khấu trừ tài khoản đã phong tỏa, cũng không có cơ sở để chấm dứt phong tỏa đối với tài khoản bị phong tỏa. Do vậy, Cơ quan quản lý thuế cần ban hành các Quyết định liên quan kịp thời làm cơ sở thực hiện.	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 125	UBND TP Hà Nội	3. Về các biện pháp cưỡng chế Điều 125 Luật Quản lý thuế hiện hành đang quy định 7 biện pháp cưỡng chế gồm: (1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế</i>; (2) <i>Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập</i>; (3) <i>Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu</i>; (4) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn</i>; (5) <i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên</i>; (6) <i>Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ</i>; (7) <i>Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i>. Dự thảo Luật vẫn giữ nguyên 7 biện pháp cưỡng chế và đề xuất thêm 01 biện pháp cưỡng chế: “<i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i>”. Đánh giá: - Thực tế triển khai công tác cưỡng chế nợ thuế trong các năm qua (từ Luật QLT số 78/2006/QH11 năm 2006 đến Luật QLT số 38/2019/QH14 năm 2019) thì hầu hết các Cơ quan Thuế trong cả nước chưa triển khai được biện pháp “<i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên</i>” do vướng mắc về trình tự, thủ tục trong quá trình triển khai; biện pháp “<i>Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ</i>” triển khai rất hạn chế do khó khăn trong việc thu thập thông tin để áp dụng biện pháp cưỡng chế này, hầu hết các đối tượng nợ thuế và đã bị áp dụng đến biện pháp cưỡng chế này đều không còn khả năng nộp, các khoản công nợ với bên thứ ba cũng đã bị bù trừ công nợ.... Việc xử lý tài sản của người nộp thuế nợ thuế cần có cơ quan chuyên môn (như Tòa án, Thi hành án) thực hiện sẽ có hiệu quả hơn. - Ngoài ra Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 năm 2019 chưa quy định cụ thể các biện pháp cưỡng chế đối với từng loại	Ghi nhận để trao đổi khi xây dựng dự thảo Luật.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		người nộp thuế như: doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân làm công ăn lương dẫn đến các cơ quan thuế còn lúng túng trong triển khai, hiệu quả triển khai cưỡng chế đối với từng nhóm đối tượng còn hạn chế. - Hiện Chính phủ đang triển khai nhiều giải pháp thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, xuất hóa đơn điện tử ngay khi bán hàng hóa, dịch vụ, đặc biệt là các Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Do đó, Chi cục Thuế Khu vực I đánh giá biện pháp cưỡng chế “<i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản</i>” sẽ phát huy hiệu quả hơn nữa trong thời gian tới; đối với biện pháp hành chính như cưỡng chế ngừng sử dụng hóa đơn đề nghị cần giảm tần suất thực hiện (hiện nay, đang khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng hóa đơn khi mua bán hàng hóa, dịch vụ). - Đối với biện pháp cưỡng chế: “<i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i>”, theo quy định tại khoản 2 Điều 109 Luật Phá sản thì: “Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, Tòa án nhân dân phải gửi quyết định cho cơ quan đăng ký kinh doanh để <u>xoá tên doanh nghiệp, hợp tác xã trong sổ đăng ký kinh doanh...</u>”. Như vậy khi cơ quan thuế đã thực hiện biện pháp <i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i> thì không cần thiết phải thực hiện biện pháp <i>Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh</i> Đề xuất: - Bỏ biện pháp cưỡng chế (1) <i>Kê biên tài sản, bán đấu giá tài sản kê biên</i>; (2) <i>Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế do cơ quan, tổ</i>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		<i>chức, cá nhân khác đang nắm giữ.</i> - Quy định biện pháp cưỡng chế phù hợp với từng đối tượng: + Đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, các biện pháp đề xuất áp dụng như sau: (1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;</i> (2) <i>Dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;</i> (3) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn;</i> (4) <i>Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.</i> + Đối với người nộp thuế là tổ chức, các biện pháp đề xuất áp dụng như sau: (1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản.</i> (2) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn.</i> (3) <i>Thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.</i> + Đối với người nộp thuế là hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh, cá nhân làm công ăn lương: (1) <i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản;</i>	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		(2) <i>Khấu trừ một phần tiền lương hoặc thu nhập;</i> (3) <i>Ngừng sử dụng hóa đơn (đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh);</i> (4) <i>Khởi kiện ra tòa án để thu hồi tiền thuế nợ vào ngân sách Nhà nước.</i> - Về hiệu lực của các biện pháp cưỡng chế: + Biện pháp “<i>Trích tiền từ tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng khác; phong tỏa tài khoản</i>” có hiệu lực thi hành trong thời hạn 1 năm kể từ ngày ghi trên quyết định (đề xuất bổ sung Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế nội dung về việc Cơ quan Thuế định kỳ hàng tháng theo dõi dữ liệu tài khoản ngân hàng của người nộp thuế truyền sang Cơ quan Thuế, nếu có phát sinh thêm tài khoản thì bổ sung thêm Quyết định cưỡng chế tài khoản). + Bổ sung thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế tiếp theo, cơ sở để chuyển sang biện pháp cưỡng chế cuối cùng đối với từng nhóm đối tượng (ví dụ: <i>đối với doanh nghiệp là cưỡng chế hóa đơn 3 năm liên tiếp thì chuyển sang biện pháp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản</i>).	

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 126	Bộ KH&CN	Để phân định rõ thẩm quyền của cơ quan được giao quản lý thu các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như sau: - Nội dung Điều 126. Thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế: Đề nghị bổ sung thẩm quyền cưỡng chế cho cơ quan được giao quản lý các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước để đồng bộ với nguyên tắc quản lý thuế tại điểm b khoản 2 Điều 5.	Ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu để thực hiện chủ trương phân định thẩm quyền đồng thời xử lý bất cập hiện nay, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao quản lý thu khác thuộc ngân sách đang không có biện pháp gì để yêu cầu NNT nộp dẫn đến số nợ NSNN tăng, cơ quan thuế cũng không có sự phối hợp để thu (ví dụ như các khoản phí).
Khoản 3 Điều 127	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Khoản 3 Điều 127 - Nội dung dự thảo: “Điều 127. Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế 3. Quyết định cưỡng chế có hiệu lực thi hành trong thời hạn 01 năm kể từ ngày ban hành quyết định; trường hợp cưỡng chế bằng biện pháp trích tiền từ tài khoản, phong tỏa tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế thì có hiệu lực thi hành trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.” - Góp ý: Đề nghị quy định rõ khi hết 30 ngày, TCTD sẽ dừng việc phong tỏa tài khoản khách hàng hay TCTD chỉ dừng phong tỏa khi có quyết định chấm dứt phong tỏa từ cơ quan thuế. - Căn cứ góp ý: Để TCTD có cơ sở thực hiện theo đúng quy định. Tránh trường hợp cơ quan quản lý thuế không yêu cầu chấm dứt phong tỏa hoặc NNT cho rằng hết thời hạn 30 ngày là đương nhiên chấm dứt phong tỏa tài khoản.	Ghi nhận để rà soát quy định cho minh bạch.
Khoản 3 Điều 134	Ngân hàng TMCP Ngoại	Về Khoản 3 Điều 134 - Nội dung dự thảo: “Điều 134. Cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản khác	Ghi nhận để hướng dẫn chi tiết hơn tại Nghị định. Luật chỉ quy định nguyên tắc.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	thương VN	<i>của đối tượng bị cưỡng chế do cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang giữ</i> <i>d. Bên thứ ba không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về khoản nợ hoặc khoản tiền, tài sản khác đang nắm giữ của đối tượng bị cưỡng chế cho cơ quan quản lý thuế theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này thì bị xử phạt VPHC theo quy định tại Chương XV của Luật này.”</i> - Góp ý: Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật cần quy định rõ phương thức thông báo cho bên thứ ba yêu cầu cung cấp thông tin về khoản nợ, khoản tiền, tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế. - Căn cứ góp ý: Thông tin về tài sản của khách hàng của TCTD được bảo mật theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin về khoản nợ, khoản tiền gửi hay tài sản khác của đối tượng bị cưỡng chế là khách hàng của TCTD phải có yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền.	
Chương XV Xử phạt vi phạm hành chính về QLT	UBND tỉnh Quảng Ngãi (CCTKV XII)	Đề xuất bổ sung quy định về nộp tiền từng lần đối với thi hành quyết định phạt tiền. Luật Xử lý vi phạm hành chính đã có quy định về hoãn thi hành quyết định và tại Dự thảo Luật quản lý thuế đã có bổ sung quy định cụ thể Điều 139a về hoãn thi hành quyết định phạt tiền. Đồng thời tại Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng có quy định về nộp tiền phạt nhiều lần, do đó Chi cục Thuế đề xuất quy định này cũng được cụ thể hóa tại Dự thảo Luật.	Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được quy định chi tiết tại Luật Xử lý vi phạm hành chính (mục 2 Chương II), trong đó, <u>Điều 79 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2020) cũng có quy định về nộp tiền phạt nhiều lần.</u> Nghị định số 125/2020/NĐ-CP cũng đã quy định việc miễn, giảm tiền phạt VPHC được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm hành chính. Theo đó, đối với các quyết định xử phạt VPHC về thuế, hóa đơn cũng được thi hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Xử lý vi phạm

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			hành chính với các thủ tục như nộp tiền từng lần, miễn giảm, hoãn quyết định phạt tiền. Do đó, không cần thiết phải quy định thủ tục này tại Luật Quản lý thuế.
Điều 136	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Về Điều 136 - Nội hiện tại tại Luật Quản lý thuế 2019: Chưa có quy định về mức tiền phạt tối đa đối với VPHC về hoá đơn. - Góp ý: Đề nghị bổ sung quy định mức tiền phạt tối đa đối với VPHC về hoá đơn (trừ sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, sử dụng bất hợp pháp hoá đơn) là số tiền thuế phát sinh từ hoá đơn. - Căn cứ góp ý: Hiện nay, vi phạm về hoá đơn bị xử phạt theo từng số hoá đơn. Điều này dẫn tới tình trạng dù hoá đơn chỉ có số tiền thanh toán và tiền thuế rất nhỏ (ví dụ phí dịch ngân hàng, phí dịch vụ chung cư, điện, nước) nhưng tiền phạt VPHC lại rất lớn, vượt quá nhiều lần số tiền thuế. Khi đó, mức phạt không tương xứng với hậu quả vi phạm và vượt quá mức răn đe cần thiết. Để khắc phục tình trạng này, cần có quy định đặc thù về xử phạt hoá đơn là mức phạt không vượt quá số tiền thuế.	Mức phạt tiền tối đa của một hành vi vi phạm về hóa đơn đã được quy định tại Luật XLVPHC là 50 triệu đối với cá nhân và 100 triệu đối với tổ chức. Trên cơ sở đó, Nghị định 125/2020/NĐ-CP đã xây dựng khung hình phạt cho các hành vi trên cơ sở Nghị định 123/2020/NĐ-CP, mức tiền xử phạt đối với từng hành vi được thiết kế căn cứ trên cơ sở tính chất của hành vi, mức độ và hậu quả của hành vi và không vượt quá mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi theo quy định để bảo đảm mức răn đe cho từng hành vi vi phạm. Đối với trường hợp vi phạm hành chính về hóa đơn, đối tượng vi phạm có nhiều hành vi vi phạm sẽ bị xử phạt theo từng hành vi do không thuộc trường hợp loại trừ theo quy định về XPVPHC trong lĩnh vực hóa đơn, không phân biệt giá trị hay số thuế ghi trên hóa đơn lớn hay nhỏ (<i>Cách xác định xử phạt này được quy định từ những năm 2000 và chỉ thay đổi khung tiền phạt do mức thu nhập bình quân và giá trị hàng hóa dịch vụ tăng</i>). Để bảo đảm tính răn đe và khả năng thi hành quyết định xử phạt, hiện nay, dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 125/2020/NĐ-CP đang thiết kế theo hướng gom nhiều hành vi vi phạm về hóa đơn cùng loại (ví dụ: hóa đơn xuất chậm thời điểm) thành 1 hành vi xuất hóa đơn

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			không đúng thời điểm (<i>không phân biệt giá trị hay số thuế ghi trên hóa đơn</i>) với khung phạt tiền áp dụng trên cơ sở số lượng hành vi vi phạm cùng loại sau khi gom trong một thời điểm phát hiện. Đồng thời, dự kiến đề xuất tăng mức phạt tiền tối đa đối với hóa đơn lên đến 100 triệu đối với cá nhân và 200 triệu đối với tổ chức do mức phạt tiền tối đa hiện nay không phù hợp với nguyên tắc gom trong trường hợp hành vi vi phạm về hóa đơn cùng loại có số lượng lớn trong một thời điểm phát hiện tại Luật QLT để sửa đổi bổ sung cho Luật XLVPHC.
Điều 137	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại khoản 1 Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế - Dự thảo: <i>“1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.”</i> - Đề xuất sửa đổi như sau: <i>“1. Đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế, hành vi vi phạm về hóa đơn thì thời hiệu xử phạt là 02 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.”</i> - Lý do: Hành vi vi phạm về hóa đơn được Nghị định quy định chi tiết 02 trường hợp: hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu xử phạt tính từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm. Do đó, Luật chỉ cần quy định 02 năm, giao Nghị định hướng dẫn ngày bắt đầu tính thời hiệu xử phạt.	Tiếp thu ý kiến của đơn vị.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 137	Tập đoàn công nghiệp - viễn thông quân đội	Điều 137. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế 2. <i>Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 05 10 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.</i> Đề nghị sửa lại thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế vẫn là 05 năm như quy định hiện hành. "2. <i>Đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu thì thời hiệu xử phạt là 10 05 năm kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.</i>" Lý do: Mức 05 năm hiện nay vẫn là phù hợp với thực tiễn công tác thanh-kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước đối với các DN. Việc kéo dài thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính có thể dẫn đến việc CQT quản lý không triển khai công tác kiểm tra thường xuyên, kịp thời. Về phía DN, thực tế mức độ luân chuyển nhân sự, thay đổi tổ chức tại các DN hiện nay diễn ra rất nhanh chóng, thường chu kỳ chỉ 3-5 năm, do đó DN thường mong muốn được kiểm tra kịp thời để yên tâm điều hành SXKD cũng như thực hiện các chiến lược luân chuyển nhân sự.	Tiếp thu ý kiến của đơn vị, đơn vị soạn thảo sẽ giữ nguyên thời hiệu 05 năm tại Luật Quản lý thuế.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
Điều 141-143	UBND TP.Cần Thơ (CCTKV XIX)	Tại Điều 141. Hành vi vi phạm thủ tục thuế; Điều 142. Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn, không thu; Điều 143. Hành vi trốn thuế - Dự thảo: Nội dung tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 chưa quy định đối với các hành vi vi phạm của người nộp thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế thông báo nộp hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp. - Đề xuất: Bổ sung nhóm các hành vi vi phạm về thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp thuế. - Lý do: Nhằm bao quát hết các nhóm hành vi vi phạm về thuế phát sinh trong thực tiễn quản lý thuế.	Nội dung tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 quy định các hành vi vi phạm thủ tục thuế; hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp ...; hành vi trốn thuế và được áp dụng đối với NNT nói chung, trong đó không phân biệt NNT tự khai tự nộp, hay NNT có các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế thông báo nộp hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp. Như vậy, nhóm các hành vi vi phạm về thuế đối với các khoản thu do cơ quan quản lý thuế tính thuế hoặc cơ quan chức năng thông báo nộp thuế đã được quy định tại các Điều 141, Điều 142, Điều 143 nên Ban PC không tiếp thu ý kiến của CCTKV XIX v/v bổ sung nhóm các hành vi này.
Khoản 1 Điều 144	Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	4. Về Khoản 1 Điều 144 - Nội dung hiện tại tại Luật Quản lý thuế 2019: “Điều 144. Xử lý hành vi vi phạm của Ngân hàng thương mại, người bảo lãnh nộp tiền thuế trong lĩnh vực quản lý thuế 1. Ngân hàng thương mại không thực hiện trách nhiệm trích chuyển tiền từ tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước đối với số tiền thuế nợ phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan quản lý thuế thì bị phạt số tiền tương ứng với số tiền không trích chuyển vào tài khoản của ngân sách nhà nước, trừ trường hợp các tài khoản của người nộp thuế không còn số dư hoặc đã trích chuyển toàn bộ số dư tài khoản của người nộp thuế vào tài khoản của ngân sách nhà nước nhưng vẫn không đủ số tiền thuế nợ mà người nộp thuế phải nộp.” - Góp ý: Đề nghị bổ sung trường hợp bất khả kháng, có lý do	Ghi nhận để rà soát quy định cho minh bạch.

CHÍNH SÁCH/VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
		chính đáng và các trường hợp khác do yếu tố khách quan, không phải lỗi của Ngân hàng. - <i>Căn cứ góp ý:</i> Trên thực tế, ngoài lý do về số dư tài khoản của NNT còn có các lý do khác khiến Ngân hàng không thể trích chuyển. Chẳng hạn như tại cùng một thời điểm, Ngân hàng nhận được đồng thời nhiều văn bản yêu cầu từ các cơ quan có thẩm quyền (cơ quan thuế, cơ quan thi hành án,...). Trong trường hợp này, ngân hàng cần thống nhất với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để có cơ sở thực hiện.	
Ý kiến khác về Bản thuyết minh quy phạm hóa chính sách	UBND tỉnh Tuyên Quang	- Đề nghị sửa toàn bộ cụm từ trong dự án: Cơ quan quản lý thuế, sửa thành: Cơ quan thuế. Lý do: Sửa câu từ cho đồng nhất trong dự thảo (ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu) - Đề nghị bỏ toàn bộ các cụm từ: Thanh tra thuế. Lý do: Cơ quan thuế không còn chức năng thanh tra thuế.	- Ý kiến 1: Tại khoản 2 Điều 2 Luật Quản lý thuế năm 2019 đã quy định về cơ quan quản lý thuế bao gồm cơ quan thuế và cơ quan hải quan. Do vậy, cơ quan soạn thảo đề nghị vẫn giữ sử dụng các cụm từ trên. - Ý kiến 2: tiếp thu bỏ cụm từ “thanh tra thuế”.
Ý kiến chi tiết dự thảo Luật quản lý thuế (thay thế)	Công ty Cổ phần tư vấn EY Việt Nam	Công ty Cổ phần tư vấn EY Việt Nam đóng góp ý kiến cho Dự thảo Luật quản lý thuế (thay thế) chi tiết tại các Điều 2- 4, 6, 16, 33, 42, 44, 50, 52,53, 60, 66, 73, 107, 110, 125, 129, 131, 138, 143, 144, 149 (tổng hợp theo Bảng Ý kiến đóng góp cho Dự thảo Luật Quản lý thuế (thay thế) do Công ty gửi kèm).	Cơ quan soạn thảo ghi nhận để nghiên cứu tiếp thu khi xây dựng chi tiết Dự thảo Luật.